

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên đã chuẩn hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 05/2014/BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản, môi trường; tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên đã chuẩn hóa (có danh mục và nội dung cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Quyết định trước đây của Chủ tịch UBND tỉnh công bố các thủ tục hành chính lĩnh vực khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước, khí tượng thủy

văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC) (b/c);
- Các đ/c TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- TT Công báo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, TN, NC.

CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN, TÀI NGUYÊN NƯỚC,  
MÔI TRƯỜNG, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐÓNG KHÍ HẬU,  
ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ THỰC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÃ CHUẨN HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của  
UBND tỉnh Điện Biên)



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>I. Lĩnh vực Địa chất khoáng sản</b>			
1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
2	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
3	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
4	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
5	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
6	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
7	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Khoáng sản	Sở TN&MT
8	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
9	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
10	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
11	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
12	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
13	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
14	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
15	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT

16	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	Sở TN&MT
<b>II. Lĩnh vực Tài nguyên Nước</b>			
17	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
18	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
19	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
20	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
21	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm;	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
22	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
23	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
24	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
25	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
26	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
27	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Tài nguyên nước	Sở TN&MT

28	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
29	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
30	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Tài nguyên nước	Sở TN&MT
<b>III. Lĩnh vực KTTV&amp;BDKH</b>			
31	Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	KTTV &BDKH	Sở TN&MT
32	Cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	KTTV &BDKH	Sở TN&MT
33	Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	KTTV &BDKH	Sở TN&MT
34	Gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.	KTTV &BDKH	Sở TN&MT
<b>IV. Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ</b>			
35	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	Đo đạc và bản đồ	Sở TN&MT
<b>V. Lĩnh vực Môi trường</b>			
36	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Sở TN&MT
37	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.	Môi trường	Sở TN&MT
38	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở TN&MT
39	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	Môi trường	Sở TN&MT
40	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.	Môi trường	Sở TN&MT
41	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	Môi trường	Sở TN&MT
42	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Môi trường	Sở TN&MT

43	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)	Môi trường	Sở TN&MT
44	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)	Môi trường	Sở TN&MT
45	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	Sở TN&MT
46	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	Sở TN&MT
47	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản	Môi trường	Sở TN&MT
48	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	Sở TN&MT
49	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	Sở TN&MT
50	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Môi trường	Sở TN&MT
51	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Môi trường	Sở TN&MT
52	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Môi trường	Sở TN&MT
53	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Môi trường	Sở TN&MT

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. Lĩnh vực Địa chất, khoáng sản**

#### **1. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản**

##### **1) Trình tự thực hiện**

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ *Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:*

Khi nhận được hồ sơ của Tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

+ *Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:*

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa; gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật khoáng sản; báo cáo kết quả thẩm định

hồ sơ pháp lý, đề án thăm dò cho Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, họp thẩm định.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản họp Hội đồng thẩm định.

*- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản*

Căn cứ đề xuất, tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

*- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (giấy phép) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan.

**2) Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**3) Thành phần hồ sơ**

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; văn bản của ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch xác nhận về vốn chủ sở hữu theo quy định; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản.

**4) Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ**

**5) Thời hạn giải quyết:**

*- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:*

+ Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 05 ngày làm việc.

+ Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: 02 ngày làm việc.

*- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời gian không quá 55 ngày*

+ Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu.



+ Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

*- Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:*

+ Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:*

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh.

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thăm dò khoáng sản

**9) Phí, lệ phí**

\* Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2011. Cụ thể:

- + Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;
- + Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;
- + Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

**10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 01: Đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012);
- Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012);
- Mẫu số 17, phụ lục số 02: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012);
- Mẫu số 07b: Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

**11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

- Trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Được lựa chọn theo quy định tại Điều 36 của Luật khoáng sản; Điều 13 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP.

- Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò, là các tổ chức:

- + Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- + Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế trong thăm dò khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản;
- + Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan;

+ Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản.

- Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông ( $\text{km}^2$ ) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông ( $\text{km}^2$ ) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông ( $\text{km}^2$ ) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông ( $\text{km}^2$ ) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông ( $\text{km}^2$ ) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông ( $\text{km}^2$ ) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

- Khu vực đề nghị thăm dò:

+ Không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

- Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

- Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

### ***12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/ 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

**Mẫu số 01. Đề án thăm dò khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

**ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

**Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...**

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

*Danh sách tác giả lập Đề án:*

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....

.....

### **ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN**  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

**Địa danh nơi lập Đề án, Năm 20...**

## **A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU**

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Sơ bộ về công nghệ khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh tế.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

### **CHƯƠNG I**

#### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN**

- Vị trí địa lý hành chính, tọa độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.
- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

### **CHƯƠNG II**

#### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN**

- Đặc điểm địa chất vùng bao quanh khu vực thăm dò: trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng.
- Đặc điểm khoáng sản khu vực thăm dò, bao gồm:
  - + Các biểu hiện, dấu hiệu, tiền đề có liên quan đến khoáng sản.
  - + Quy mô, chất lượng và đặc điểm phân bố thân khoáng sản trong khu vực thăm dò.

### **CHƯƠNG III**

#### **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG**

##### **1. Cơ sở lựa chọn phương pháp**

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành tạo quặng; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công làm cơ sở dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp địa chất đã triển khai trong giai đoạn trước: những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

##### **2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình**

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ

phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).

- Phương pháp địa chất.
- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).
- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).
- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng), khoan.
- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích các loại mẫu, dự kiến nơi gửi phân tích và cách thức kiểm tra chất lượng phân tích mẫu.
- Công tác địa chất thuỷ văn - địa chất công trình.
- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.
- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

Tất cả các dạng công tác nêu trên nhất thiết phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện cụ thể cho từng hạng mục theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình dự kiến thi công thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

#### **CHƯƠNG IV**

#### **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN**

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.
- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

#### **CHƯƠNG V**

#### **DỰ KIẾN PHƯƠNG PHÁP TÍNH TRỮ LƯỢNG**

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan vẽ thân quặng và dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích khu vực thăm dò.

#### **CHƯƠNG VI**

#### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế - kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy trình, quy phạm, các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành. Thời gian thi công chỉ tính kể từ ngày cấp giấy phép thăm dò.

#### **CHƯƠNG VII**

#### **DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước



có thẩm quyền.

### **KẾT LUẬN**

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Đặc điểm khoáng sản (kích thước, thể nằm và chất lượng trung bình quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

### **B. PHẦN BẢN VẼ**

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Bản đồ địa chất vùng, bản đồ khu vực thăm dò và bản đồ thân khoáng sản (nếu có).
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

### **C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO**

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

**Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư).....(nếu có).

Đề nghị được cấp phép thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản) ..... tại xã....., huyện..... tỉnh.....

Diện tích là.....(ha, km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các điểm góc ..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo.

Thời gian thăm dò ..... (tháng, năm), kể từ ngày ký Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số ....., ngày..... tháng... năm... với (tên tổ chức lập đề án thăm dò)..... (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều kiện để tổ chức thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 17 - Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

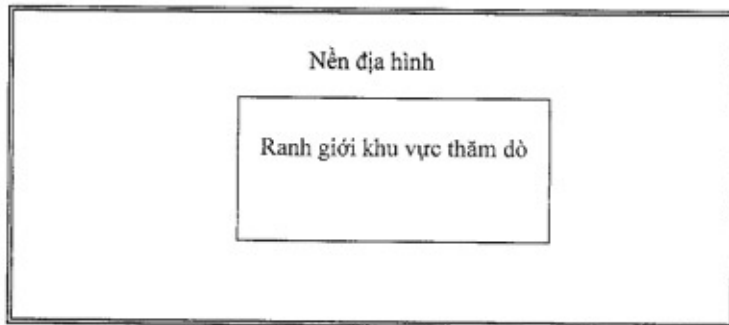
**BẢN ĐỒ KHU VỰC  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

CHỈ DẪN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mô)....., xã....., huyện....., tỉnh....  
(Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-BTNMT ngày....  
tháng.....năm.....của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tọa độ các điểm khớp  
góc

iểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
.		



“Được trích lục từ tờ  
bản đồ địa hình tỷ lệ Tỷ lệ:.....  
kinh tuyến trục....múi.....,  
số hiệu...”

Khung tọa độ

**Mẫu số 07b: Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BT ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)*

**UBND TỈNH/THÀNH  
PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...**

- Căn cứ quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Căn cứ Biên bản đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày...tháng...năm 20...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...),

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác (*tên, loại khoáng sản*) tại khu vực: (*vị trí, tọa độ, diện tích khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản*)

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:
2. Giá trúng đấu giá: .....đồng (*% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*).
3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá .....
4. Diện tích huyện (*tên huyện*) chiếm ...%. Diện tích huyện (*tên huyện*) chiếm...%.

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản trước ngày...tháng...năm 20...

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định cấp phép, trình cấp phép...

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- (Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá);
- Tổng cục ĐC&KSVN;
- Lưu: HS, VT. ( ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## **2. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản**

### **1) Trình tự thực hiện**

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ :* không quá 02 ngày làm việc

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ:*

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả vào sổ tiếp nhận, trình hồ sơ tới Phòng chuyên môn để thẩm định hồ sơ theo quy định.

- *Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn giấy phép*

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

- *Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả (giấy phép).

### **2) Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả (giấy phép) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

### **3) Thành phần hồ sơ**

- Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng; Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng, bao gồm: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết

quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

**4) Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

**5) Thời hạn giải quyết**

Tối đa là 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

- *Thẩm định hồ sơ:* không quá 35 ngày làm việc

- *Trình hồ sơ, đề nghị cho phép chuyển nhượng:* không quá 02 ngày làm việc

- *Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng hoặc không cho phép chuyển nhượng:* không quá 05 ngày làm việc

- *Trả kết quả thủ tục hành chính:* không quá 03 ngày làm việc

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

*Cơ quan phối hợp:* Không.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác khoáng sản

**9) Phí, lệ phí:** như biểu thu bên dưới:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:	
1.1	Có công suất khai thác dưới 5.000 m <sup>3</sup> /năm;	500.000
1.2	Có công suất khai thác từ 5.000 m <sup>3</sup> đến 10.000 m <sup>3</sup> /năm;	5.000.000
1.3	Có công suất khai thác trên 10.000 m <sup>3</sup> /năm.	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:	
2.1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm;	7.500.000
2.2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m <sup>3</sup> /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động	10.000.000

	khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này;	
2.3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m <sup>3</sup> /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này.	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát.	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã qui định tại điểm 1,2,3,6 của biểu mức thu này:	
4.1	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;	20.000.000
4.2	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã qui định tại điểm 2,3,6 của biểu mức thu này.	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm.	40.000.000

**10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- *Mẫu số 10*: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- *Mẫu số 28*: Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- *Mẫu số 20*: Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- *Mẫu số 16*: Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

**11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã.

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 10 của Luật khoáng sản. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù

hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công việc quy định tại khoản 1 Điều 66 và các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

- Khu vực được phép khai thác không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khoáng sản.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

### **12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác số... ngày... tháng... năm... của UBND tỉnh ... cho phép khai thác (tên khoáng sản) tại khu vực ....., thuộc xã..... huyện....., tỉnh.....

Thời hạn được khai thác.... năm,

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng: (Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy chứng nhận đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp cho dự án ... của Công ty ...

Kèm theo Hợp đồng chuyển nhượng số.... ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển  
nhượng

(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển  
nhượng

(Ký tên, đóng dấu)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC  
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm 20....

Kính gửi : .....

## BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

### I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: .....
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại: ..... ; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên.....;
  - Năm sinh.....;
  - Trình độ chuyên môn.....

### II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....

#### II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....

##### A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....;
2. Cơ quan cấp phép.....;
3. Diện tích khu vực khai thác:.....( $m^2$ , ha,  $km^2$ );
4. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
5. Độ cao khai thác: từ .....m, đến .....m;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
  - Trữ lượng địa chất .....(tấn,  $m^3$ ),
  - Trữ lượng khai thác .....(tấn,  $m^3$ );
7. Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm,  $m^3$ /năm,  $m^3$ /ngày, đêm);
8. Thời hạn giấy phép: .... (tháng, năm);
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND);
10. Vị trí mỏ: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;

*B. Hoạt động khai thác khoáng sản*

11. Tổng vốn đầu tư: .....(VND);

12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản .....(VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12:.....(tấn, m<sup>3</sup>);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm:.....(VND/tấn, m<sup>3</sup>);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: .....;

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): .....(tấn, m<sup>3</sup>);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);

19. Tổng doanh thu: .....(VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: .....(VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản.....(VND);

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND).

- Khác (nếu có): .....

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

*C. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, sản lượng khoáng sản đã khai thác*

22. Trữ lượng địa chất đã khai thác trong năm báo cáo tính đến 31/12/20.....(tấn, m<sup>3</sup>).

23. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến 31/12/20.....(năm báo cáo) .....(tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m<sup>3</sup>);

- Trữ lượng địa chất đã khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến 31/12/20.....(năm báo cáo).....(tấn, m<sup>3</sup>).

24. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến ngày 31/12/20.....(tấn, m<sup>3</sup>).

*D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác*

25. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

26. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

27. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...).....;

28. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....).....;

29. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

*E. Đánh giá chung*

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

**II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số: ...ngày...tháng....năm...(nếu có)**

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....

.....

**III. Đề xuất, kiến nghị**

**Tổ chức, cá nhân**

**(Ký tên, đóng dấu)**

*(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)*

BẢN ĐỒ KHU VỰC  
Khai thác khoáng sản

CHỈ DẪN

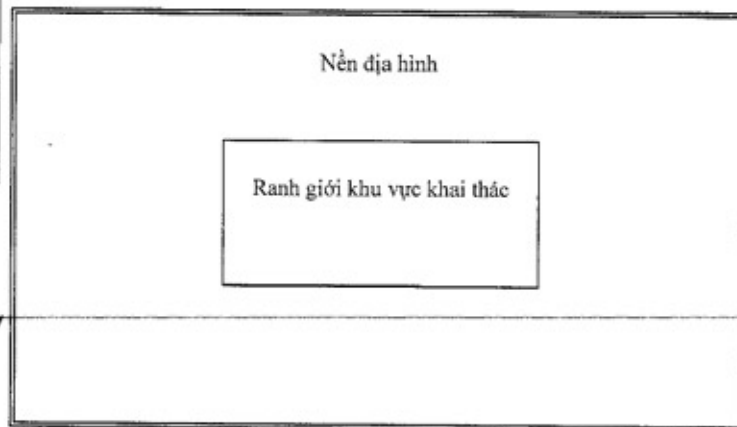
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mô)...., xã....., huyện....., tỉnh....

(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-UBND ngày.... tháng.....năm.....của Ủy ban nhân dân tỉnh ....

Tọa độ các điểm khép

góc

Số điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
.		



Khung tọa độ

“Được trích lục từ tờ  
bản đồ địa hình tỷ lệ Tỷ lệ:.....  
kính tuyến trục...,mũi chiếu...,  
số hiệu...”

**Ghi chú:** bản đồ hiện trạng tối thiểu phải thể hiện các thông tin cơ bản sau:

- Đường đồng mức và cao độ của đường đồng mức;
- Vị trí, cao độ hiện tại các khu vực khai thác, sườn tầng, bờ moong, đường lò ...;
- Vị trí thân quặng ban đầu, vết lộ khoáng sản (nếu có);
- Ranh giới khu vực được cấp phép;

### **3. Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

#### **1) Trình tự thực hiện**

##### **- Bước 1. Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

##### **- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ**

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

##### **- Bước 3. Thẩm định hồ sơ**

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết.

##### **- Bước 4. Trình hồ sơ cấp phép**

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép hoặc không cấp phép.

##### **- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

#### **2) Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

#### **3) Thành phần hồ sơ**

- **Bản chính:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản; Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.

- **Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:** Giấy chứng nhận đầu tư; báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**4) Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

**5) Thời hạn giải quyết**

- Kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật khoáng sản và khoản 1 Điều 32 Nghị định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

- Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trả kết quả: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép khai thác tận thu khoáng sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.



- Cơ quan phối hợp: Không.

8) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

9) **Phí, lệ phí:** Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

10) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu số 11: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- Mẫu số 21, Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

11) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

12) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 129/2011/TT-BTC ngày 15 ngày 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc  
Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy chứng nhận đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp  
giấy phép đầu tư) cho dự án ... của Công ty ....

Đề nghị được cấp phép khai thác tận thu (tên khoáng sản)..... tại  
mỏ..... thuộc xã..... huyện..... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các  
điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ kèm theo.

Trữ lượng khai thác: ..... (tấn, m<sup>3</sup>,...)

Công suất khai thác:..... (tấn, m<sup>3</sup>,...)

Thời hạn khai thác..... năm, kể từ ngày ký giấy phép

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của  
pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

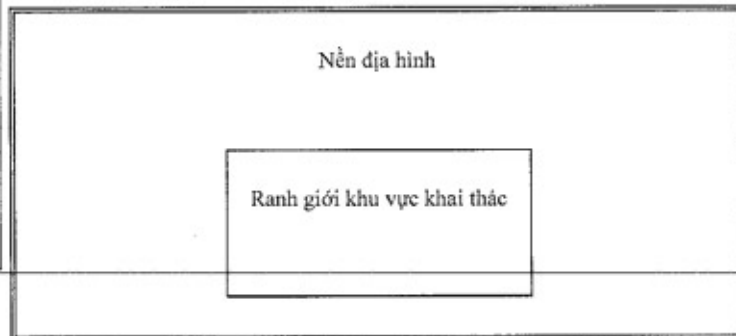
(Ký tên, đóng dấu)

**BẢN ĐỒ KHU VỰC  
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**  
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện.....,  
tỉnh.....  
(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số...../GP-UBND  
ngày.... tháng.....năm.....của UBND tỉnh...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép  
góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
.		



“Được trích lục từ tờ Tỷ lệ:.....  
bản đồ địa hình tỷ lệ...,  
kinh tuyến trục...,múi chiều...,  
số hiệu...”



#### **4. Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

##### **1) Trình tự thực hiện**

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ khi hồ sơ đã đầy đủ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

##### *- Bước 3. Thẩm định hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết.

##### *- Bước 4. Trình hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

##### *- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

##### **2) Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

##### **3) Thành phần hồ sơ**

- *Bản chính:* Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép; Đề án đóng cửa mỏ.

- *Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:* Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ: Lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu

thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra (quy định tại các điểm b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản) tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

**4) Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

**5) Thời hạn giải quyết:**

- Kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Thẩm định hồ sơ:

+ Kiểm tra tọa độ diện tích đề nghị gia hạn: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể cả kiểm tra thực địa.

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu hồ sơ trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc.

- Trình hồ sơ:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 03 ngày. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trả kết quả: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép.

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

9) *Phí, lệ phí:* Không.

10) *Tên mẫu đơn:*

- **Mẫu số 13:** Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- **Mẫu số 28:** Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- **Mẫu số 02:** Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

11) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:* Không.

12) *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày... tháng..... năm..... do UBND tỉnh ... cấp tại mỏ (tên mỏ) ..... thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh ..... kể từ ngày.... tháng..... năm.....

Lý do đề nghị trả lại:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn  
(Ký tên, đóng dấu)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC  
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../.....

Địa danh....., ngày... tháng... năm 20....

Kính gửi : .....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ  
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: .....
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại: ..... ; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật:
  - Họ và tên.....;
  - Năm sinh.....;
  - Trình độ chuyên môn.....

**II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm..... đến ngày.... tháng.... năm....**

**II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....**

**A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản**

1. Loại khoáng sản được phép khai thác.....;
2. Cơ quan cấp phép.....;
3. Diện tích khu vực khai thác:.....( $m^2$ , ha,  $km^2$ );
4. Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên, hầm lò);
5. Độ cao khai thác: từ .....m, đến .....m;
6. Trữ lượng được phép khai thác:
  - Trữ lượng địa chất .....(tấn,  $m^3$ ),
  - Trữ lượng khai thác .....(tấn,  $m^3$ );
7. Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm,  $m^3$ /năm,  $m^3$ /ngày, đê);
8. Thời hạn giấy phép: .... (tháng, năm);
9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND);
10. Vị trí mỏ: thôn....., xã....., huyện....., tỉnh.....;



*B. Hoạt động khai thác khoáng sản*

11. Tổng vốn đầu tư: .....(VND);
12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản .....(VND).
13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12:.....(tấn, m<sup>3</sup>);
14. Giá thành khai thác trung bình trong năm:.....(VND/tấn, m<sup>3</sup>);
15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: .....
16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
  - Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  - Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
  - Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): .....(tấn, m<sup>3</sup>);
18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: ..... (tấn, m<sup>3</sup>);
19. Tổng doanh thu: .....(VND);
20. Nộp ngân sách Nhà nước: ..... (VND);  
Trong đó: - Thuế Tài nguyên: .....(VND);
  - Thuế xuất khẩu khoáng sản.....(VND);
  - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);
    - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);
    - Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND).
    - Khác (nếu có): .....
21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

*C. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, sản lượng khoáng sản đã khai thác*

22. Trữ lượng địa chất đã khai thác trong năm báo cáo tính đến 31/12/20.....(tấn, m<sup>3</sup>).
23. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến 31/12/20.....(năm báo cáo) .....(tấn, m<sup>3</sup>), trong đó:
  - Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m<sup>3</sup>);
  - Trữ lượng địa chất đã khai thác tính từ thời điểm cấp phép đến 31/12/20.....(năm báo cáo).....(tấn, m<sup>3</sup>).
24. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến ngày 31/12/20.....(tấn, m<sup>3</sup>).

*D. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác*

25. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

26. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

27. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...).....;

28. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....).....;

29. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

*E. Đánh giá chung*

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

**II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:....ngày...tháng....năm...(nếu có)**

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).....

.....

**III. Đề xuất, kiến nghị**

**Tổ chức, cá nhân**  
**(Ký tên, đóng dấu)**

*(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)*

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...  
*ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản*)

**Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...**

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

### **ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...  
*ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản*)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(nếu có)  
**ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
*(Họ và tên)*

**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN**  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
*(Họ và tên)*

**Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...**

# NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN MỎ ĐẦU

## 1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số .... ngày.....tháng.....năm....., của.....;
- Thiết kế khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20... của.....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số .... ngày.....tháng.....năm..... của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

## 2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

### 2.1 Mục đích

Nêu mục đích của công tác đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác), làm rõ:

- Đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...đối với khai thác lộ thiên; hay phá hủy toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v...).

- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản....đã duyệt và trả lại diện tích đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai hay sử dụng cho mục đích khác ? v.v... Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đạt được.

### 2.2 Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ cụ thể mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên.

## CHƯƠNG I

### ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

#### 1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh

khu vực khai thác khoáng sản.

## **2. Lịch sử khai thác mỏ**

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

# **CHƯƠNG II HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ**

## **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

### **1.1. Các thông số cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ**

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác (toạ độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của Dự án đầu tư.

### **1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ**

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa Dự án đầu tư và thiết kế khai thác mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

### **1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế**

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo Dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ làm việc;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với Dự án đầu tư, Thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v...;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ**

Nêu hiện trạng về các công trình phụ trợ khai thác mỏ (văn phòng, kho, sân bãi chứa đất đá, khoáng sản; đường xá, cầu cống v.v...); các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường...trong quá trình khai thác và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ: số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ (kể cả các bãi thải);

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

Kèm theo các tài liệu, bản vẽ chứng minh các số liệu nêu trên gồm:

- Các bản vẽ, mặt cắt thể hiện cấu trúc địa chất, đặc điểm địa chất thủy văn địa chất công trình khu vực tại thời điểm đóng cửa mỏ;

- Toàn bộ bản vẽ, mặt cắt kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác mỏ hàng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác đến thời điểm đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ v.v...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):**

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép?

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

## CHƯƠNG III

### PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

#### 1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác (tính đến thời điểm đóng cửa mỏ), tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi; công tác đóng cửa mỏ phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan;

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

#### 2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có);
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo;
- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ;
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

#### III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể;
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ;
- Cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường và khu vực khai thác mỏ sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

## CHƯƠNG IV



## DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra.

## CHƯƠNG V

### TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

### KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

### PHẦN PHỤ LỤC

#### 1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo thiết kế khai thác
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v...
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Dự án cải tạo, phục hồi môi trường)

#### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép

khai thác khoáng sản; Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác;

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;

- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

## **5. Đóng cửa mỏ khoáng sản**

### **1) Trình tự thực hiện**

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản nộp hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu có trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kết quả xem xét hồ sơ; tổ chức kiểm tra tại thực địa; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản lập tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ.

- *Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:* Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kết quả thẩm định hồ sơ, lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- *Bước 5. Trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ:* Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

- *Bước 6. Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:* Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đóng cửa mỏ theo đúng đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

- *Bước 7. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:* Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- *Bước 8. Trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ:* Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh đóng cửa mỏ.

- **Bước 9. Quyết định đóng cửa mỏ:** Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- **Bước 10. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính :** Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

### **2) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

### **3) Thành phần hồ sơ:**

- **Bản chính:** Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản.

- **Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:**

Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ liên quan đến khai thác khoáng sản: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra (quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản) tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

**4) Số lượng hồ sơ:** Một (01) bộ.

### **5) Thời hạn giải quyết:**

- Kiểm tra hồ sơ: tối đa 05 (năm) ngày làm việc.

- Thẩm định đề án đóng cửa mỏ:

+ Xem xét hồ sơ; tổ chức kiểm tra tại thực địa; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia: tối đa 28 (hai tám) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản tiếp nhận.

+ Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia, Sở Tài nguyên và Môi

trường tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

+ Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng phải tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định. Trường hợp phải bổ sung, hiệu chỉnh để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo bản sao biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án không tính vào thời gian thẩm định.

- Trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

+ Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được thông qua, trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành biên bản họp Hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án đóng cửa mỏ;

+ Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ: Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.

- Quyết định đóng cửa mỏ: Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban

nhân dân tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính đóng cửa mỏ khoáng sản: Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Bảo vệ môi trường trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

**9) Phí, lệ phí:** Không

**10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Mẫu số 15: Mẫu Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

- Mẫu số 24 - Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012).

**11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức cá, nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật khoáng sản phê duyệt trước khi thực hiện.

- Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.

- Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

**12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 15

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN  
(ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Thực hiện Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm .....của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; biên bản kiểm tra thực địa ngày.....tháng.....năm .....của .....

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) tại mỏ (tên mỏ) ..... thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh .....

*(Đối với trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):*

- Diện tích đề nghị đóng cửa là:..... (ha, km<sup>2</sup>).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là:..... (ha, km<sup>2</sup>).

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục được hoạt động khai thác có tọa độ các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

### **ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...  
*ghi theo nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản*)

**Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...**



(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

**ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...  
*ghi theo nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản*)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)  
(Chức danh)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

*Chữ ký, đóng dấu*  
(Họ và tên)

**Địa danh nơi lập đề án, Năm 20...**

# NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU

## 1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số ..... ngày.....tháng.....năm....., của.....;
- Thiết kế khai thác mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20... của.....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số .... ngày.....tháng.....năm..... của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng.

## 2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

### 2.1 Mục đích

Nêu mục đích của công tác đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác), làm rõ:

- Đưa khu vực khai thác trở lại trạng thái an toàn (như: bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...đối với khai thác lộ thiên; hay phá hóa toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển, v.v...đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò v.v...).
- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản....đã duyệt và trả lại diện tích đất cho địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai hay sử dụng cho mục đích khác ? v.v... Đối với mục tiêu đã lựa chọn cần trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để đạt được.

### 2.2 Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ cụ thể mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên.

## CHƯƠNG I

### ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

#### 1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh

khu vực khai thác khoáng sản.

## **2. Lịch sử khai thác mỏ**

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

## **CHƯƠNG II**

### **HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ**

#### **1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản**

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

##### **1.1. Các thông số cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ**

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác (toạ độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của Dự án đầu tư.

##### **1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ**

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa Dự án đầu tư và thiết kế khai thác mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

##### **1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế**

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo Dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ làm việc;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với Dự án đầu tư, Thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai

thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

## **2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ**

Nêu hiện trạng về các công trình phụ trợ khai thác mỏ (văn phòng, kho, sân bãi chứa đất đá, khoáng sản; đường xá, cầu cống v.v...); các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực khai thác khoáng sản dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường...trong quá trình khai thác và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng mỏ tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ: số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ (kể cả các bãi thải);

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cảm kết bảo vệ môi trường hoặc Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

Kèm theo các tài liệu, bản vẽ chứng minh các số liệu nêu trên gồm:

- Các bản vẽ, mặt cắt thể hiện cấu trúc địa chất, đặc điểm địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực tại thời điểm đóng cửa mỏ;

- Toàn bộ bản vẽ, mặt cắt kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác mỏ hàng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác đến thời điểm đóng cửa mỏ;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v...) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ v.v...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.

## **3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):**

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép?

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan).

## **CHƯƠNG III**

## **PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ**

### **1. Phương án đóng cửa mỏ**

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ như đã nêu trên cũng như theo từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực triển khai Đề án đóng cửa mỏ; hiện trạng công trình bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác (tính đến thời điểm đóng cửa mỏ), tổ chức, cá nhân phải xây dựng các phương án cải tạo, phục hồi môi trường khả thi; công tác đóng cửa mỏ phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan;

Theo đó, mô tả khái quát từng phương án đề xuất; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Mỗi phương án xây dựng một bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Đánh giá tác động ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của từng phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...). Lựa chọn phương án tối ưu.

### **2. Khối lượng đóng cửa mỏ**

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể:

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có);
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ, kể cả các bãi thải của mỏ và bảng thống kê kèm theo;
- Giải pháp phục hồi đất đai và môi trường liên quan; số lượng, khối lượng đất màu, cây xanh (nếu có) cần sử dụng trong quá trình đóng cửa mỏ; nêu rõ sự thay đổi, phương án lựa chọn và lý do thay đổi so với Dự án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ;
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

### **III. Tiến độ thực hiện**

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể;
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ;
- Cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường và khu vực khai thác mỏ sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

## **CHƯƠNG IV**

### **DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Chi phí đóng cửa mở và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mở gây ra.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THI CÔNG**

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

### **KẾT LUẬN**

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ;
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

## PHẦN PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo thiết kế khai thác
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v...
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Dự án cải tạo, phục hồi môi trường)

### 2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Dự án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác;
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);
- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

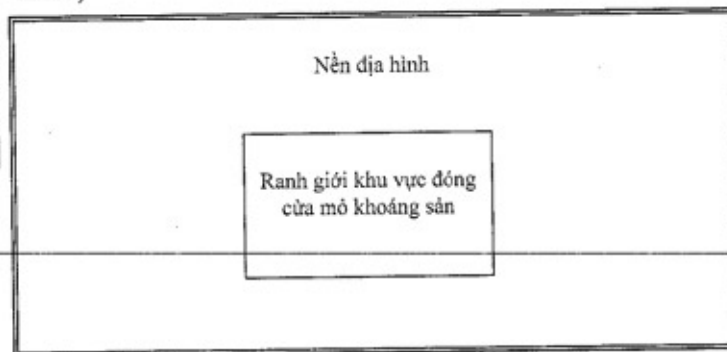
**Tọa độ các điểm khép góc**

Thứ tự điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

**BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN**

CHỈ DẪN

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....  
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT (QĐ-UBND) ngày.... tháng.....năm.....của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...))



Khung tọa độ



“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..... kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...”  
 Tỷ lệ:.....



## **6. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản**

### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời gian là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

- Đối với hồ sơ được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia phiên đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

- Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 03 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tiến hành điều hành phiên đấu giá theo quy định.

đ) Sau khi kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **(2) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**(3) Thành phần hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; bản giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế

hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

**(8) Phí, lệ phí:**

Diện tích khu vực đấu giá	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
Từ 0,5 ha trở xuống	2.000.000
Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	4.000.000
Từ trên 2 ha đến 5 ha	6.000.000
Từ trên 5 ha đến 10 ha	8.000.000
Từ trên 10 ha đến 50 ha	10.000.000
Từ trên 50 ha	12.000.000

**(9) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản - Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014;

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản - Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014;

- Mẫu số 03: Cam kết thực hiện dự án - Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014.

**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản;

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;

+ Đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành phiên đấu giá;

+ Tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được Hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

### ***(11) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành quy định về thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

**MẪU SỐ 01**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày ... tháng .... năm.... (Đăng ký kinh doanh số .... ngày .... tháng ... năm .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: .....; Fax: ....

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....) thông báo tại khu vực mỏ: .....

.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá tại (Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố) ..... và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....) thông báo.

2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....) lựa chọn cho phiên đấu giá.

3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày .... tháng .... năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

## MẪU SỐ 02

### HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC KINH NGHIỆM TRONG THĂM DÒ, KHAİ THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN ĐĂNG KÝ ĐẦU  
GIÁ QUYỀN KHAİ  
THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## HỒ SƠ GIỚI THIỆU

**Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản**

### I. Thông tin chung:

#### 1. Tính pháp lý

##### (1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

b) Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

##### (2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

a) Tên doanh nghiệp/tổ chức

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)

c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

- Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

- Chức vụ

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

#### 2. Tổng số năm kinh nghiệm:

Loại hình công việc	Số năm kinh nghiệm
- Thăm dò	

- Khai thác		
- Chế biến		
- Khác		
- .....		

**3. Năng lực tài chính (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)**

T		Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
	Tổng tài sản			
	Tổng nợ phải trả			
	Tài sản ngắn hạn			
	Nợ ngắn hạn			
	Doanh thu			
	Lợi nhuận trước thuế			
	Lợi nhuận sau thuế			

**4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu**

Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất	Số thiết bị		Chất lượng thực hiện nay
				Thước đo hữu	Đi thuê	

**II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

- Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).
- Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).
- Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.
- Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

**III. Kiến nghị và cam kết.**

- Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.
- Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Đại diện tổ chức, cá nhân**

**MẪU SỐ 03**

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN ĐĂNG KÝ ĐẤU  
GIÁ QUYỀN KHAI  
THÁC KHOÁNG SẢN**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....; Fax: .....

Đại diện tổ chức, cá nhân: .....

Chức vụ/nghề nghiệp: .....

**CAM KẾT**

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Người lập**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày tháng năm 20...

**Giám đốc**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*



## **7. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.**

### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời gian là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

- Đối với hồ sơ được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia phiên đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

- Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 03 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá.

Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tiến hành điều hành phiên đấu giá theo quy định.

đ) Sau khi kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **(2) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**(3) Thành phần hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bản giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; bản giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính; chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

**(8) Phí, lệ phí:**

Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

**(9) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản - Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014;

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản - Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014;

- Mẫu số 03: Cam kết thực hiện dự án - Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014.

**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản;

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;

+ Đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành phiên đấu giá.

+ Tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được Hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP cụ thể:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

### ***(11) Căn cứ pháp lý của TTHC:***

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành quy định về thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

**MẪU SỐ 01**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân): .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày ... tháng .... năm.... (Đăng ký kinh doanh số .... ngày .... tháng ... năm .....

Trụ sở tại: .....

Điện thoại: .....; Fax: ....

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....) thông báo tại khu vực mỏ: .....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá tại (Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố) ..... và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....) thông báo.

2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....) lựa chọn cho phiên đấu giá.

3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày .... tháng .... năm 20...  
(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)  
Ký tên, đóng dấu

**MẪU SỐ 02**

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC KINH NGHIỆM TRONG THĂM DÒ,  
KHAİ THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09  
tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN ĐĂNG KÝ ĐẦU  
GIÁ QUYỀN KHAİ  
THÁC KHOÁNG SẢN**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**HỒ SƠ GIỚI THIỆU**

**Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng  
sản**

**I. Thông tin chung:**

**1. Tính pháp lý**

**(1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

b) Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ  
chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

**(2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:**

a) Tên doanh nghiệp/tổ chức

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết  
định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)

c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức  
đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

- Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ  
chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

- Chức vụ

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

**2. Tổng số năm kinh nghiệm:**

<b>Loại hình công việc</b>	<b>Số năm kinh nghiệm</b>
----------------------------	-------------------------------

- Thăm dò		
- Khai thác		
- Chế biến		
- Khác		
- .....		

**3. Năng lực tài chính (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)**

T		Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
	Tổng tài sản			
	Tổng nợ phải trả			
	Tài sản ngắn hạn			
	Nợ ngắn hạn			
	Doanh thu			
	Lợi nhuận trước thuế			
	Lợi nhuận sau thuế			

**4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu**

Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất	Số thiết bị		Chất lượng thực hiện nay
				Th uộc sở hữu	Đi thuê	

**II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

- Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).
- Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).
- Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.
- Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

**III. Kiến nghị và cam kết.**

- Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.
- Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Đại diện tổ chức, cá nhân**

**MẪU SỐ 03**

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN ĐĂNG KÝ ĐẤU  
GIÁ QUYỀN KHAI  
THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....; Fax: .....

Đại diện tổ chức, cá nhân: .....

Chức vụ/nghề nghiệp: .....

**CAM KẾT**

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Người lập**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày tháng năm 20...  
**Giám đốc**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*



## **8. Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, đề nghị cấp giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Kiểm tra và thẩm định hồ sơ:

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận tính pháp lý, mức độ đầy đủ của hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do tổ chức, cá nhân nộp.

c) Trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; kết quả xác định tại Hội đồng thẩm định (nếu có), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản.

d) Thông báo kết quả:

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác để ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

### **(2) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

### **(3) Thành phần hồ sơ:**

**a) Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ có hiệu lực**

#### **- Thành phần hồ sơ bao gồm:**

+ Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy phép khai thác;

+ Báo cáo nộp thuế tài nguyên hàng năm; các chứng từ, tài liệu hợp pháp chứng minh trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011.

#### **- Số lượng hồ sơ:**

+ 02 (hai) Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP;

+ 01 (một) Bản sao Giấy phép khai thác;

+ 01 (một) Báo cáo nộp thuế tài nguyên hàng năm; các chứng từ, tài liệu hợp pháp chứng minh trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011.

**b) Đối với giấy phép khai thác khoáng sản cấp không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và sau ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ có hiệu lực, phải thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định trước khi cấp phép**

**(4) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**(5) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Cục thuế tỉnh

**(6) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của cơ quan thuế.

**(7) Phí, lệ phí:** Không

**(8) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Mẫu số 01: Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản - Ban hành kèm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ

**(9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**(10) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

**Mẫu số 01**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013  
của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ KÊ KHAI**

**THÔNG TIN TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên**

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....; Fax: .....

Người đại diện pháp luật: .....

Chức vụ/nghề nghiệp: .....

Mã số thuế: .....

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số: .....

2. Ngày cấp: ..... Thời hạn: .....

3. Loại khoáng sản: .....

4. Vị trí (hành chính, địa lý) của khu vực cấp phép khai thác: .....

5. Trữ lượng sử dụng tính tiền cấp quyền khai thác ghi trong Giấy phép

khai thác:

+ Trữ lượng địa chất (nếu có): .....

+ Trữ lượng khai thác (nếu có): .....

+ Trữ lượng khác (tài nguyên, sản phẩm hàng hóa, lưu lượng,...) (nếu có):

.....

6. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác (căn cứ theo thông tin nộp thuế tài nguyên tính đến ngày 30/6/2011):

7. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm kê khai:

.....

8. Phương pháp khai thác mỏ (lộ thiên, hầm lò): .....

9. Địa bàn ưu đãi đầu tư xác định hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế xã

hội: .....

10. Dự tính số tiền cấp quyền khai thác của khu vực khoáng sản được phép

khai thác: .....

11. (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết số lần nộp tiền khai thác khoáng sản:

.....

12. Địa điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm

**NGƯỜI LẬP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên)

## **9. Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản**

### **(1) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Tổ chức, cá nhân xin gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản chuẩn bị hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315 phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

### **Bước 2.** Việc thẩm định hồ sơ

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Trong thời gian không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

**Bước 3.** Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại bước 2 Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 4.** Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

### **(2) Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **(3) Thành phần hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản; Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản loại trừ ít nhất 30% diện tích khu vực thăm dò khoáng sản theo giấy phép đã cấp.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc.

- Thời hạn đánh giá hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn. Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn.

- Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép thăm dò: Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cấp gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Phí, lệ phí:**

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

**(9) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản - Mẫu số 04 (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT);

- Mẫu số 33: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT).

**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét gia hạn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày, trong đó, giải trình rõ lý do việc đề nghị gia hạn.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục công việc theo Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp hoặc có sự thay đổi về cấu trúc địa chất; phương pháp thăm dò so với đề án thăm dò đã được chấp thuận.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò khoáng sản đã thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 42 Luật khoáng sản.

**(11) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12, ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

- Thông tư 129/2011/TT-BTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

- Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 quy định chi tiết về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản;

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
(Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax.....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày ..... tháng ..... năm .....của ... Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh ...)

Đề nghị được gia hạn Giấy phép thăm dò, thời gian gia hạn ..... tháng.

Diện tích trả lại là ..... (ha, km<sup>2</sup>).

Diện tích tiếp tục thăm dò ..... (ha, km<sup>2</sup>), được giới hạn bởi các điểm góc..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo.

Lý do xin gia hạn.....

.....  
(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân làm đơn  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Tác giả:.....

Chủ biên:.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản)....., tại xã....., huyện....., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY  
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN  
(Chức danh)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
(Chức danh)

Ký, đóng dấu  
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu  
(Họ và tên)

Địa danh, tháng.....năm.....



# NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

## MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý của tổ chức, cá nhân thành lập báo cáo;
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện;
- Khối lượng công trình chính đã hoàn thành, trữ lượng đạt được và đánh giá kết quả thăm dò.

## CHƯƠNG 1

### KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của mỏ, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hoá. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

## CHƯƠNG 2

### ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí mỏ trong cấu trúc địa chất chung của vùng;
- Cấu tạo địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm cấu tạo các thân khoáng: Số lượng, vị trí phân bố các thân khoáng. Môi liên kết của các thân khoáng theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, quy luật phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hoá, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý)

tích tụ sa khoáng, điều kiện thể nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sùng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bắt vỉa... Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

### CHƯƠNG 3

## CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

#### 1. Công tác trắc địa:

*a) Nhiệm vụ, khối lượng, thiết bị đo vẽ*

- Mục đích, nhiệm vụ công tác trắc địa;
- Khối lượng công tác thực hiện so với đề án;

*b) Công tác kỹ thuật*

- Tài liệu đã có và mức độ sử dụng: Lưới khống chế, cấp hạng; bản đồ địa hình, tỷ lệ; thống kê tọa độ công trình...

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới tam giác, giải tích, đa giác, hành trình thủy chuẩn các cấp: Đồ hình, số điểm, số lưới thành lập; thiết bị đo, độ chính xác; phương pháp đo, số vòng đo; ghi chép; phương pháp tính toán, bình sai, các số hiệu chỉnh, số liệu sau bình sai, kết quả đo tọa độ, độ cao sau bình sai...

- Thành lập bản đồ địa hình: Lưới đo vẽ địa hình; đường chuyền kinh vĩ, đồ hình; tổng số lưới, số điểm mới; thiết bị đo, độ chính xác; bảng tính toán bình sai thể hiện số liệu đo, số hiệu chỉnh, tọa độ độ cao các điểm. Diện tích đo vẽ tỷ lệ bản đồ, khoảng chênh đường đồng mức; phương pháp đo điểm chi tiết địa hình địa vật, ghi chép nhật ký đo, khoảng cách trạm đo đến điểm đo, mật độ trung bình điểm chi tiết trên  $dm^2$ ; phương pháp triển điểm chi tiết địa hình địa vật, vẽ đường đẳng cao; công tác kiểm tra đối chiếu thực địa, phương pháp và kết quả kiểm tra so sánh.

- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa. cấp hạng các điểm trạm đo, số lượng công trình; phương

pháp xác định tọa độ, độ cao các công trình thăm dò, thiết bị đo, phương pháp đo, ghi chép, cấp hạng các điểm trạm đo và khối lượng; phương pháp xác định tọa độ độ cao các tuyến thăm dò, điểm trên tuyến... So sánh độ cao công trình địa chất đã đo với độ cao trên bản đồ địa hình, lập bảng thống kê.

*c) Công tác kiểm tra nghiệm thu:*

- Công tác kiểm tra nghiệm thu của đơn vị thực hiện công tác trắc địa và của tổ chức các nhân được cấp phép thăm dò bao gồm cả công tác thực địa và văn phòng.

- Kết luận về mức độ chính xác và khả năng sử dụng tài liệu trắc địa phục vụ công tác tính trữ lượng,

*d) Các phụ lục kèm theo:*

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp tọa độ, độ cao các điểm trắc địa khởi tính, bản đồ gốc do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

+ Bảng thông kê tọa độ, độ cao các điểm tam giác, giải tích, đa giác, đường chuyền các loại mới thành lập;

+ Bảng tính toán bình sai lưới tam giác, giải tích, đường chuyền, hành trình tùy chuẩn các cấp, bảng thống kê tọa độ, độ cao sau bình sai;

+ Bảng thống kê tọa độ, độ cao công trình thăm dò địa chất;

+ bản đồ địa hình;

+ Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; sơ đồ lưới đo vẽ

+ Mặt cắt địa hình (nếu có) ;

+ các nhật ký đo đạc thực địa;

+ Biên bản nghiệm thu.

**2. Công tác thăm dò địa chất:**

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng....

- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố công trình thăm dò;

- Tóm tắt các phương pháp thăm dò đã tiến hành, kết quả đạt được, những tồn tại của từng phương pháp.

+ Công tác địa vật lý: Nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành và kết quả đạt được, đánh giá hiệu quả từng phương pháp. Đối với than nêu rõ cơ sở lựa chọn phương pháp đo, ghi, và biểu diễn biểu đồ karota; phương pháp phân tích tài liệu và xác định chiều dày, vách, trụ các vỉa than theo karota; so sánh kết quả đo karota và khoan; mức độ sử dụng kết quả karota để tính trữ lượng.

+ Công tác đo vẽ địa chất: Mục đích, nhiệm vụ, phương pháp và khối lượng công tác đo vẽ địa chất và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

+ Công trình khai đào: Mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình khai đào; khối lượng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

+ Công tác khoan: Mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan theo chiều dài, trọng lượng hoặc thể tích. Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

+ Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu: Mục đích, nhiệm vụ và luận giải về các phương pháp lấy mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc tính trữ lượng khoáng sản.

Đánh giá chất lượng thi công, độ tin cậy của các tài liệu thu được từ các công trình thăm dò và phân tích mẫu.

### **3. Các vấn đề về bảo vệ môi trường**

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phân ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

## **CHƯƠNG 4**

### **ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN**

#### **1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản**

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;  
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.

- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hoá (oxy hoá), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ oxy hoá .

- Thành phần hoá: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học, độ dẻo của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy, sức bền chịu nhiệt, thành phần lưu huỳnh đối với than giàu lưu huỳnh... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, chịu nhiệt, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần nêu độ bền cơ học, độ uớt rã của đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong lớp phủ, đá vây quanh cũng như các nguyên tố S, Ge, Ga.. Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; điều kiện kỹ thuật và yêu cầu chất lượng đối với tro và chất thải của xưởng tuyển than và diệp thạch cháy để sản xuất gạch và xi măng...

## **2 . Tính chất công nghệ của quặng**

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.

- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp v..v.

- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.

- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.

- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế – kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

## **CHƯƠNG 5**

### **ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ**

Nội dung, khối lượng, phương pháp các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành. Lập luận về tính hợp lý và kết quả đã đạt được của công tác nghiên cứu. Đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra, độ tin cậy của các thông số nghiên cứu thu được phục vụ thiết kế khai thác mỏ.

#### **1. Đặc điểm địa chất thủy văn**

##### *a. Đặc điểm nước mặt*

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...

- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

#### *b. Đặc điểm nước ngầm*

- Phân chia phức hệ địa chất thủy văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hoá, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hoá, của đới phá huỷ kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.

- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.

- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khác phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.

- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.

- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.

- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hoá học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

## **2. Đặc điểm địa chất công trình**

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hoá. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa

cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá huỷ, đới phong hoá. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, mương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

### **3. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ**

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất – khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).

- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hoá, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hoá, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hoá trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bục nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

## **CHƯƠNG 6**

### **CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG**

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;

- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;

- Nguyên tắc, cách thức khoan nổi thân khoáng tính trữ lượng;
- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.
- Xác định các thông số tính trữ lượng.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp..

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: toạ độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Kết quả xác lập mô hình hoá thân khoáng, các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng). Quá trình và kết quả tính toán phải trình bày sao cho dễ theo dõi và thẩm định tại Hội đồng.

Đối với than, luận giải thêm về ranh giới tính, cơ sở lập luận về ranh giới tính; sự phân chi khu thăm dò cho khai thác lộ thiên, hầm lò; ranh giới kỹ thuật an toàn cơ sở tính toán xác định. Đối với mỏ đang khai thác phải thông kê trữ lượng than khấu trừ.

## **CHƯƠNG 7**

### **HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ**

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng 121 và 122.
- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

### **KẾT LUẬN**

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;
- Kết quả tính trữ lượng;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT.
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.



## DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

### 1. Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;

- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

#### a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;

- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;

- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vía quặng, thân quặng);

#### b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vía, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu));

- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng;

- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

## **2. Phụ lục bảng tính:**

### *a) Các phụ lục thống kê:*

Bảng thống kê các công trình khai đào và lỗ khoan đã thi công; công trình khai đào và khoan không sử dụng để tính trữ lượng, nguyên nhân; bảng thống kê tọa độ và độ cao các lỗ khoan và công trình khai đào, các điểm cắt của các công trình thăm dò tại vách và trụ thân khoáng. Bảng thống kê chất lượng khoan và khai đào (tỷ lệ mẫu lõi khoan, kết quả kiểm tra khoan bằng công trình khai đào, số liệu đo độ cong lỗ khoan). Trong trường hợp sử dụng phương pháp thăm dò và lấy mẫu địa vật lý cũng cần lập các bảng thống kê kết quả đo. Bảng thống kê kết quả phân tích các loại (hoá, khoáng vật, cơ lý, các phân tích khác). Bảng thống kê và tính toán ĐCTV, ĐCCT, khí tượng thủy văn.

### *b) Các phụ lục bảng tính:*

Thứ tự các bảng phải phù hợp với trình tự tính toán các thông số trữ lượng và phải gồm đầy đủ số liệu gốc và số liệu trung gian. Tùy theo phương pháp tính trữ lượng đã được áp dụng mà thành lập các bảng tính thích hợp; thông thường cần có các bảng tính sau:

- Bảng tính toán sai số phân tích mẫu các loại;
- Bảng tính thông số trung bình chiều dày, hàm lượng và các thông số khác theo công trình, theo khối và theo thân khoáng.
- Bảng thống kê kết quả đo diện tích.
- Bảng tính trữ lượng theo khối, thân quặng, theo loại quặng tự nhiên hoặc công nghiệp (khoáng sản chính, thành phần có ích đi kèm).
- Bảng tổng hợp trữ lượng.

## **3. Các bản vẽ kèm theo báo cáo**

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện rõ cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và

ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 – 1.200.000 (có thể đưa vào tập thuyết minh);

- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 – 1:50.000 kèm theo cột địa tầng và mặt cắt qua mỏ;

- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) mỏ tỷ lệ 1:1000 – 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 – 1:10.000) kèm theo mặt cắt địa chất;

- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);

- Các bình đồ đồng đẳng vách trụ vỉa (thân khoáng). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;

- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;

- Các bình đồ, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;

- Các thiết độ lỗ khoan và công trình thăm dò tỷ lệ 1:50 – 1:1000 (có thể đóng thành tập)

- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực tỷ lệ 1:10.000 – 1:50.000 (khi trong báo cáo có phần ĐCTV khu vực); bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ 1:1000 – 1:10.000. Bản đồ địa chất thủy văn, ĐCCT mỏ tỷ lệ 1:1000 – 10.000.

- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.

- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (trường hợp dự án/công trình thuộc diện phải lấy ý kiến cộng đồng theo quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

### **5. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....(10)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, cấp giấy phép khai thác sử dụng nước mặt cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)/.

..... ngày..... tháng..... năm.....

**Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép**  
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

### **HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).

(2) Ghi rõ loại hình công trình (hồ chứa/dập dâng/cống/kênh dẫn/trạm bơm nước,...), mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất lắp máy/trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...

(3) Trường hợp công trình đặt trên nhiều địa bàn hành chính khác nhau thì ghi đầy đủ các địa danh hành chính đó.

(4) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian đưa vào vận hành/dự kiến vận hành.

(5) Nguồn nước khai thác: Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/dâm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông nào; trường hợp công trình có chuyển nước thì nêu rõ cả tên nguồn nước tiếp nhận.

(6) Nêu rõ địa danh vị trí lấy nước (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố) và tọa độ cửa lấy nước, tìm tuyến đập (đối với trường hợp có hồ chứa), tìm nhà máy thủy điện và cửa xả nước vào nguồn nước (đối với công trình thủy điện).

(7) Nêu rõ mục đích sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích sử dụng (cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện,....).

(8) Ghi rõ lượng nước khai thác sử dụng lớn nhất cho từng mục đích sử dụng theo từng thời kỳ ngày/ tháng/ mùa vụ/ năm và tổng lượng nước sử dụng trong năm. Trong đó:

- Lượng nước khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng  $m^3/s$ .

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng  $m^3/s$ ; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích khác tính bằng  $m^3/ngày$  đêm.

(9) Ghi rõ số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

(10) Phần ghi này áp dụng cho trường hợp hồ sơ cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**22. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới  $2m^3$ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới  $50.000 m^3$ /ngày đêm.**

**(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp 02 bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trình UBND tỉnh cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;

- Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

**(2) Cách thức thực hiện:**

- Nộp Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

**(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

2. Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước;

3. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

4. Bản sao giấy phép đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc.

- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức

- Cá nhân

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Phí, lệ phí (nếu có):**

- Phí thẩm định gia hạn báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:

+ Đối với báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, với lưu lượng nước dưới  $0,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để sử dụng phát điện với công suất dưới 50 Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới  $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .  
Mức thu: 150.000đ/ báo cáo.

+ Đối với báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, với lưu lượng nước từ  $0,1 \text{ m}^3$  đến dưới  $0,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để sử dụng phát điện với công suất từ 50 Kw đến dưới 200Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng nước từ  $500 \text{ m}^3$  đến dưới  $3.000 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm}$ . Mức thu: 450.000đ/ báo cáo.

+ Đối với báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, với lưu lượng nước từ  $0,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$  đến dưới  $1 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để phát điện với công suất từ 200 Kw đến dưới 1.000Kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ  $3.000 \text{ m}^3$  đến dưới  $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ . Mức thu: 1.000.000đ/ báo cáo.

+ Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, với lưu lượng nước từ  $1 \text{ m}^3/\text{giờ}$  đến dưới  $2 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 Kw đến dưới 2.000Kw; hoặc cho các mục đích khác với

lưu lượng từ 20.000m<sup>3</sup> đến dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mức thu: 2.000.000đ/ báo cáo.

- Lệ phí cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép 50.000đ/1 giấy phép.

**(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt - Mẫu số 06 (Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước).

**(10) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

Có báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo phải bám đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Riêng với trường hợp gia hạn, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày;

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Khoản 2 Điều 32; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.



Mẫu Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (Mẫu số 06 - ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

Kính gửi:.....(1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ: .....

1.3. Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

1.4. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số:..... ngày..... tháng..... năm.....do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp; thời hạn của giấy phép...

**2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:**

**3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn: .....tháng/ năm (trường hợp đề nghị gia hạn).

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: ..... (trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt và tình hình thực hiện giấy phép.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước (không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- Bản sao giấy phép đã được cấp.

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

**5. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Chủ giấy phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....(2)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho (tên chủ giấy phép).

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Chủ giấy phép**  
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).

(2) Phần ghi này áp dụng cho trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**23. Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm đối với các hoạt động khác.**

*(1) Trình tự thực hiện:*

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước nộp 02 bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép;

- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;

- Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

*(2) Cách thức thực hiện:*

- Nộp Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

*(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:*

*a) Thành phần hồ sơ:*

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép;

2. Đề án xả nước thải vào nguồn nước kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước;

3. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

4. Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải.

Trường hợp chưa có công trình xả nước thải vào nguồn nước, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

(4) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc.

- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức

- Cá nhân

(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

(8) Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi:

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước dưới  $100\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $300.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước từ  $100\text{m}^3$  đến dưới  $500\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $500.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước từ  $500\text{m}^3$  đến dưới  $2.000\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $1.000.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước từ  $2.000\text{m}^3$  đến dưới  $5.000\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $2.000.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

- Lệ phí cấp giấy phép: Mức thu:  $100.000\text{đ}/1$  giấy phép.

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước - Mẫu số 09  
(Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước).

(10) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tài nguyên nước phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đã thực hiện việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).

- Có đề án, báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án, biện pháp xử lý nước thải thể hiện trong đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân khác đủ năng lực thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp đã có công trình xả nước thải;

- Có phương án bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả thải đối với trường hợp chưa có công trình xả nước thải;

+ Đối với trường hợp xả thải có công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên còn phải có phương án, phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và thực hiện việc giám sát hoạt động xả nước thải theo quy định.

(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20; Khoản 1 Điều 33; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Mẫu số 09 - ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**Kính gửi:.....(1)**

**1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân):.....

1.2. Số Giấy đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số Chứng minh nhân dân, nơi cấp, ngày cấp (đối với cá nhân): .....

1.3. Địa chỉ (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú): .....

1.4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**2. Thông tin về cơ sở xả nước thải:.....(2)**

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:**

3.1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải.....(3)

3.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn, ấp/tổ, khu phố.....xã/phường, thị trấn.....huyện/quận, thị xã, thành phố.....tỉnh/thành phố.....

- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực..., múi chiều....).

3.3. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả nước thải:.....(4)

- Chế độ xả nước thải:.....(5)

- Lưu lượng xả trung bình:  $m^3$ /ngày đêm;  $m^3$ /giờ.

- Lưu lượng xả lớn nhất:  $m^3$ /ngày đêm;  $m^3$ /giờ.

3.4. Chất lượng nước thải:.....(6)

3.5. Thời gian đề nghị cấp phép: (tối đa là 10 năm):.....

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có**

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp chưa xả nước thải).

- Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp đang xả nước thải).

- Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước.

- Kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý (đối với trường hợp đang xả nước thải).

- Sơ đồ khu vực xả nước thải.

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (đối với trường hợp xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

### **5. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật tài nguyên nước.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....(7)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) /.

.....ngày..... tháng..... năm.....

**Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép**

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu, nếu có)

### **HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).

(2) Giới thiệu về cơ sở xả nước thải (vị trí, loại hình, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; năm hoạt động); thời gian dự kiến xả nước thải và công suất xử lý nước thải (đối với trường hợp chưa xả nước thải); năm bắt đầu vận hành công trình xử lý nước thải, công suất xử lý nước thải (đối với trường hợp đang xả nước thải).

(3) Ghi rõ tên, vị trí hành chính (thôn, ấp/tổ, khu phố; xã/phường, thị trấn; huyện/quận, thị xã, thành phố; tỉnh/thành phố) của sông, suối, kênh, rạch, vùng biển, hồ, đầm, ao nơi tiếp nhận nước thải.

(4) Nêu rõ hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa dòng, ...

(5) Nêu rõ việc xả nước thải là liên tục (24h/ngày đêm) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày.

(6) Ghi rõ các thông số ô nhiễm trong nước thải và Quy chuẩn Việt Nam, hệ số Kq và Kf mà chất lượng nước thải đã đạt được (với trường hợp chưa xả nước thải) hoặc sẽ đạt được (với trường hợp chưa xả nước thải).

(7) Phần ghi này chỉ áp dụng trong trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



24. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới  $30.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới  $3.000\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm đối với các hoạt động khác.

**(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp 02 bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

c) Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trình UBND tỉnh cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc;

- Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

**(2) Cách thức thực hiện:**

- Nộp Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

**(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép;

2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải và chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

3. Báo cáo hiện trạng xả nước thải và tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô, phương thức, chế độ xả nước thải, quy trình vận hành thì phải có đề án xả nước thải;

4. Bản sao giấy phép đã được cấp.

b) *Số lượng hồ sơ*: 02 bộ

**(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 20 ngày làm việc.

- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức

- Cá nhân

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Phí, lệ phí (nếu có):**

- Phí thẩm định gia hạn đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi:

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước dưới  $100\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $150.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước từ  $100\text{m}^3$  đến dưới  $500\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $250.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước từ  $500\text{m}^3$  đến dưới  $2.000\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $500.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

+ Đối với đề án báo cáo có lưu lượng nước từ  $2.000\text{m}^3$  đến dưới  $5.000\text{m}^3/\text{ngày}$ , đêm. Mức thu:  $1.000.000\text{đ}/1$  đề án, báo cáo.

- Lệ phí cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Mức thu:  $50.000\text{đ}/1$  giấy phép.

**(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước - Mẫu số 10 (Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước).

**(10) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

Có báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Riêng với trường hợp gia hạn, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày;

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Khoản 2 Điều 33; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Mẫu Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

Kính gửi: .....(1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ: .....

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số:..... ngày..... tháng..... năm.....do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp; thời hạn giấy phép.

**2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép: .....**

**3. Thời gian đề nghị gia hạn/các nội dung đề nghị điều chỉnh:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn: .....tháng/ năm (trường hợp đề nghị gia hạn)

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: ..... (trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:**

- Bản sao giấy phép đã được cấp.

- Báo cáo hiện trạng xả nước thải và tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**5. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2, Điều 38 Luật tài nguyên nước.

- (Chủ giấy phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....(2)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho (tên chủ giấy phép)./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Chủ giấy phép**

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).

(2) Phần ghi này áp dụng cho trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **25. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước.**

### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp 02 bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trình UBND tỉnh. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

### **(2) Cách thức thực hiện:**

- Nộp Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

### **(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.

2. Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ**

### **(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức

- Cá nhân

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép tài nguyên nước - Mẫu số 11 (Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước).

**(10) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do nhận chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức làm thay đổi chủ quản lý, vận hành công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép.

Thời hạn ghi trong giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại theo giấy phép đã được cấp trước đó.

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Điều 34; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Mẫu Đơn đề cấp lại giấy phép tài nguyên nước (Mẫu số 11 - ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Kính gửi:.....(1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ: .....

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.4. Giấy phép.....(2) số:..... ngày..... tháng..... năm ..... do  
(tên cơ quan cấp giấy phép) cấp.

**2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:.....(3)**

**3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:**

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**4. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Chủ giấy phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..... (4)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét cấp lại Giấy phép.....(5) cho  
(tên chủ giấy phép)./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Chủ giấy phép**

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh



(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).

(2) Tên loại giấy phép được cấp (giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước mặt/khai thác, sử dụng nước biển/xả nước thải vào nguồn nước).

(3) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

(4) Phần ghi này áp dụng cho trường hợp cấp giấy phép tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(5) Tên giấy phép đề nghị cấp lại.

## **26. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất**

### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định, nếu đủ điều kiện thì trình UBND tỉnh cấp lại giấy phép mới cho chủ giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do.

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, UBND tỉnh quyết định cấp giấy phép hành nghề. Trường hợp không chấp nhận cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép;

Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

### **(2) Cách thức thực hiện:**

- Nộp Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

### **(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
2. Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

### **(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

### **(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức

- Cá nhân

### **(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**(7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

**(10) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012;

- Khoản 2, Khoản 5 Điều 13; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 15 Thông  
tur số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường  
Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Mẫu đơn đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 07 - ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: ..... (1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ: .....

1.3. Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

1.4. Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình) số ... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) cấp.

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: (Giấy phép số ....., cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp...; quy mô hành nghề..., thời hạn của giấy phép...).

**2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:** ..... (2)

**3. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ..... (3)

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho (tên chủ giấy phép) ./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Chủ giấy phép**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN**

(1) Tên cơ quan đã cấp giấy phép:

(2) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép (kèm theo tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép).

(3) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), địa chỉ thường trú (đối với cá nhân hộ gia đình) của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục Quản lý tài nguyên nước).

27. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh

**1) Trình tự thực hiện:**

- *Bước 1:* Chủ dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo quy mô, phương án chuyển nước, phương án xây dựng công trình và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan đến Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi nguồn nước liên tỉnh bị chuyển nước hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi dòng chính chảy qua, tổ chức lưu vực sông và các sở Tài nguyên và Môi trường liên quan.

- *Bước 2:* Kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh.

- *Bước 3:* Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ dự án.

- *Bước 4:* Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án.

- *Bước 5:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi chủ dự án.

\* *Đối với dự án đầu tư xây dựng trên hồ, đập trên dòng nhánh thuộc lưu vực sông liên tỉnh:* Trước khi triển khai lập dự án đầu tư, chủ dự án phải thông báo về quy mô, phương án đề xuất xây dựng công trình cho tổ chức lưu vực sông, Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lưu vực sông.

**2) Cách thực hiện:**

- *Nộp hồ sơ:* Chủ dự án gửi văn bản lấy ý kiến, hồ sơ đến Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi nguồn nước liên tỉnh bị chuyển nước hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi dòng chính chảy qua, tổ chức lưu vực sông và các sở Tài nguyên và Môi trường liên quan.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cho chủ dự án văn bản tổng hợp ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.

**3) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản lấy ý kiến.

- Quy mô, phương án chuyển nước.

- Phương án xây dựng công trình và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan.

**4) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh.

- Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm trả lời bằng

văn bản cho chủ dự án. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án.

**6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản góp ý, tổng hợp ý kiến.

**8) Kinh phí:** Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

**9) Tên mẫu đơn, báo cáo:** Không quy định.

**10) Yêu cầu, điều kiện:** Không quy định.

**11) Căn cứ pháp lý:**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

## 28. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ

### 1) Trình tự thực hiện

- *Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- *Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:* Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.

- *Bước 4: Thông báo kết quả:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

### 2) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

### 3) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan dưới đất;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

**4) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**5) Thời hạn giải quyết:**

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên tỉnh Điện Biên.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hành nghề khoan dưới nước có quy mô vừa nhỏ.

**9) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất. Mức thu: 700.000đ/ bộ hồ sơ.

**10) Tên mẫu đơn, bản khai kinh nghiệm, giấy phép**

- *Mẫu số 1:* Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan dưới đất (ban hành kèm theo *Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT*).

- *Mẫu số 2:* Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (ban hành kèm theo *Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT*).

- *Mẫu số 3:* Giấy phép hành nghề khoan dưới đất (ban hành kèm theo *Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT*).

**11) Yêu cầu, điều kiện cấp phép**

- Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do



cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan nước dưới đất.

- Người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề phải am hiểu các quy định của pháp luật về bảo vệ nước dưới đất và đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất.

Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì phải có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề, đã trực tiếp thi công ít nhất mười (10) công trình khoan nước dưới đất và phải có chứng nhận đã qua khóa đào tạo, tập huấn kỹ thuật về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất do Cục Quản lý tài nguyên nước hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên tổ chức.

## **12) Căn cứ pháp lý**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
**HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: .....(1)

**1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:**

1.1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

1.2. Địa chỉ:.....(2)

1.3. Số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp: ..... (đối với cá nhân đề nghị cấp phép) (3)

1.4. Điện thoại:.....Fax: ..... E-mail:.....

1.5. Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình) số... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) cấp.

1.6. Bản kê khai năng lực chuyên môn kỹ thuật hành nghề khoan nước dưới đất của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

a) Nguồn nhân lực:

- Thủ trưởng đơn vị hành nghề (đối với tổ chức) hoặc cá nhân: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Tổng số người: ..... người, trong đó:

+ Số người có trình độ đại học trở lên: .....người.

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương: .....người.

b) Máy móc, thiết bị chủ yếu:

- Máy khoan:

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan							

- Thiết bị khác:

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý, dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

(Trường hợp máy khoan và các thiết bị hành nghề không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải kèm theo hợp đồng liên doanh hoặc giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc được sử dụng hợp pháp máy khoan, thiết bị trong thời gian hành nghề)

**2. Nội dung đề nghị cấp phép:**

2.1. Quy mô hành nghề:..... (4)

2.2. Thời gian hành nghề:..... (5)

**3. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

.....  
 .....(6)

**4. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên tỉnh/thành phố.... (7)

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) có đủ máy, thiết bị, năng lực chuyên môn để hành nghề khoan nước dưới đất theo quy mô đề nghị cấp phép nêu trên. (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết các nội dung, thông tin ghi trong Đơn, các tài liệu kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét và cấp giấy phép hành nghề cho (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)./.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép**  
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN**

(1) Tên cơ quan cấp phép: UBND cấp tỉnh.

(2) Ghi rõ địa chỉ (số nhà, đường phố/thôn/ấp, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố) nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), địa chỉ thường trú (đối với cá nhân hộ gia đình) của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

(3) Cá nhân đề nghị cấp phép hành nghề phải nộp kèm bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu.

(4) Ghi rõ quy mô đề nghị cấp phép hành nghề là: nhỏ, vừa, lớn.

(5) Ghi tối đa 5 năm.

(6) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo Đơn.

(7) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), địa chỉ thường trú (đối với cá nhân hộ gia đình) của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN  
TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Nơi sinh:.....
4. Số Chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:.....
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:.....
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan nước dưới đất:.....
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan nước dưới đất như sau:
  - Công trình có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày:.....(số công trình);
  - Công trình có lưu lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đến 3000 m<sup>3</sup>/ngày:.... (số công trình);
  - Công trình có lưu lượng từ 3000 m<sup>3</sup>/ngày trở lên:.... (số công trình);
10. Thống kê các công trình đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Thông tin về công trình đã thực hiện				Thời gian thực hiện (2)	Chủ công trình (3)
	Tên công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m <sup>3</sup> /ngày đêm	Vai trò trong việc thực hiện (1)		
1						
2						
3						
...						

(Kèm theo giấy tờ chứng minh đã tham gia thiết kế, lập đề án, báo cáo, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công đối với các công trình khoan nước dưới đất kê khai trong bảng nêu trên).

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai nêu trên là đúng sự thật./.  
.....ngày.....tháng.....năm.....

**Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép)** **Người khai**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công....
- (2) Ghi rõ tháng, năm, thời gian tham gia thực hiện, thi công công trình.
- (3) Ghi rõ tên của chủ công trình.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... tháng... năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ.....

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày.....tháng.... năm.... và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép, địa chỉ....*) hành nghề khoan nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Quy mô hành nghề:.....
2. Thời hạn hành nghề:.....

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với (*tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*):

.....  
.....  
.....  
.....(1)

**Điều 3.** (*Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) được hưởng các quyền hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số ... ngày ... tháng.... năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký!.

**Nơi nhận:**

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước (trường hợp giấy phép do UBND cấp tỉnh cấp);
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP  
PHÉP**

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

---

**Ghi chú:**

(1) Ghi các yêu cầu cụ thể đối với tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất nhằm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.



## 29. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy vừa và nhỏ

### 1) *Trình tự thực hiện*

- *Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh.

- *Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:* Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.

- *Bước 4: Thông báo kết quả:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

### 2) *Cách thức thực hiện:*

- *Nộp hồ sơ:* trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp đủ điều kiện).

### 3) *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan dưới đất;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp;

- Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài những tài liệu quy định ở trên, hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;

+ Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật;

- Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép, ngoài những tài liệu quy định ở trên, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm giấy tờ, tài liệu chứng minh việc thay đổi địa chỉ thường trú (đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân hộ gia đình hành nghề) hoặc các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).

**4) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**5) Thời hạn giải quyết:**

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) hành nghề khoan dưới nước có quy mô vừa/nhỏ.

**9) Phí, lệ phí:**

- *Phí thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh:* bằng 50% mức thu so với cấp phép.

**10) Tên mẫu đơn, bản khai kinh nghiệm, giấy phép**

- *Mẫu số 4:* Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan dưới đất (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT).

- *Mẫu số 5*: Bảng tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT).

- *Mẫu số 2*: Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật) (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT).

- *Mẫu số 6*: Giấy phép (gia hạn/ điều chỉnh) hành nghề khoan nước dưới đất (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT).

### **11) Yêu cầu, điều kiện gia hạn/ điều chỉnh**

- Có quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan nước dưới đất.

- Người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân hành nghề phải am hiểu các quy định của pháp luật về bảo vệ nước dưới đất và đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi công ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

+ Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc công nhân khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất.

Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì phải có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề, đã trực tiếp thi công ít nhất mười (10) công trình khoan nước dưới đất và phải có chứng nhận đã qua khóa đào tạo, tập huấn kỹ thuật về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất do Cục Quản lý tài nguyên nước hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên tổ chức.

Riêng với trường hợp gia hạn, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Trong quá trình hành nghề, tổ chức, cá nhân được cấp phép thực hiện đầy đủ nghĩa vụ.

- Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất ba mươi (30) ngày.

- Trong thời hạn giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất ba mươi (30) ngày, nếu chủ giấy phép đã nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép thì chủ giấy phép được tiếp tục hành nghề trong khoảng thời gian kể từ khi giấy phép cũ hết hiệu lực cho đến khi nhận được giấy phép đã được gia hạn hoặc văn bản thông báo không gia hạn giấy phép của cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép.

- Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép nộp sau thời điểm giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất ba mươi (30) ngày không được chấp nhận. Trong trường hợp này, chủ giấy phép phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới và chỉ được xem xét cấp giấy phép sau ba (03) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ nếu tại thời điểm nộp hồ sơ giấy phép cũ vẫn còn hiệu lực hoặc sau sáu (06) tháng kể từ ngày nộp hồ sơ nếu tại thời điểm nộp hồ sơ giấy phép cũ đã hết hiệu lực.

Thời điểm nộp hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu bưu điện nơi gửi hoặc ngày tiếp nhận hồ sơ nếu hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép.

## **12) Căn cứ pháp lý**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG  
 GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: .....(1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại:.....Fax: ..... E-mail:.....

1.4. Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình) số... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) cấp.

1.5. Các thông tin về giấy phép đã được cấp: (Giấy phép số....., cấp ngày ... tháng ... năm ..., cơ quan cấp...; quy mô hành nghề..., thời hạn của giấy phép...).

1.6. Bản kê khai năng lực chuyên môn kỹ thuật hành nghề khoan nước dưới đất của chủ giấy phép (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề):

a) Nguồn nhân lực:

- Thủ trưởng đơn vị hành nghề (đối với tổ chức) hoặc cá nhân: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật: (họ tên, trình độ chuyên môn/ngành nghề được đào tạo, số năm công tác và kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề).

- Tổng số người: ..... người, trong đó:

+ Số lượng có trình độ đại học trở lên: .....người.

+ Số công nhân, trung cấp hoặc tương đương: .....người.

b) Máy móc, thiết bị chủ yếu:

- Máy khoan:

Tên máy, thiết bị khoan	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Công suất	Đường kính khoan lớn nhất (mm)	Chiều sâu khoan lớn nhất (m)	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị khoan							

- Thiết bị khác:

Tên máy, thiết bị	Ký, mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chủ yếu	Số lượng (bộ)
Liệt kê chi tiết tên từng loại thiết bị của tổ chức, cá nhân (máy bơm các loại, máy nén khí, thiết bị đo địa vật lý dụng cụ đo mực nước, lưu lượng, máy định vị GPS...)					

(Trường hợp máy khoan và các thiết bị hành nghề không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thì phải kèm theo hợp đồng liên doanh hoặc giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc được sử dụng hợp pháp máy khoan, thiết bị trong thời gian hành nghề)

**2. Tình hình thực hiện các quy định của giấy phép:**

.....  
.... (2)

**3. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép:**

.....

**4. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn: (ghi rõ số tháng/hoặc năm nhưng tối đa không quá 03 năm).

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (ghi rõ nội dung đề nghị điều chỉnh).

**5. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

.....  
.... (3)

**6. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên tỉnh/thành phố:..... (4)

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép) có đủ năng lực chuyên môn kỹ thuật để hành nghề khoan nước dưới đất quy mô .....Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo những nội dung nêu trên./.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đề nghị**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

### HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN

- (1) Tên cơ quan cấp phép: UBND cấp tỉnh (nếu hành nghề với quy mô vừa và nhỏ).
- (2) Chủ giấy phép tự đánh giá về tình hình thực hiện quy định của giấy phép trong quá trình hành nghề như: tuân thủ quy trình kỹ thuật khoan, bảo vệ nguồn nước dưới đất, về thực hiện chế độ báo cáo, các công trình khoan nước dưới đất đã thực hiện; về tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật có liên quan...
- (3) Liệt kê danh mục giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ.
- (4) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức), địa chỉ thường trú (đối với cá nhân hộ gia đình) của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép.

**TÊN CHỦ GIẤY PHÉP**

Mẫu số 05  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH KHOAN NƯỚC DƯỚI  
ĐẤT ĐÃ THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN SỬ DỤNG GIẤY  
PHÉP**

(từ tháng.../năm.....đến tháng.../năm....)

TT	Tên công trình	Tên chủ công trình	Lưu lượng công trình (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Số lượng giếng	Vị trí công trình		
					Xã/ phường, thị trấn	Quận/huyện, thị xã, thành phố	Tỉnh/ thành phố
1							
2							
3							
4							
5							
6							
.....							

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Chủ giấy phép**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu

có)



TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....  
....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần.....)**  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 (trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh);

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... tháng... năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ.....

Xét đơn đề nghị (gia hạn/điều chỉnh nội dung/cấp lại) giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị) ngày...tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên (trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép (tên tổ chức/cá nhân, địa chỉ....) hành nghề khoan nước dưới đất với các nội dung sau:

- 1. Quy mô hành nghề: .....
- 2. Thời hạn hành nghề: .....

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với (tên tổ chức/cá nhân hành nghề):

.....  
.....  
.....(1)

**Điều 3.** (Tên tổ chức/cá nhân hành nghề) được hưởng các quyền hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số ... ngày ... tháng.... năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số.... ngày... tháng... năm... của Ủy ban nhân dân tỉnh...../.

**Nơi nhận:**

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp giấy phép do UBND cấp tỉnh cấp*);
- .....
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

(*ký, ghi họ tên, đóng dấu*)

---

**Ghi chú:**

(1) Các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất nhằm quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN  
TRONG HOẠT ĐỘNG KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT  
CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ KỸ THUẬT**

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Nơi sinh:.....
4. Số Chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Trình độ chuyên môn, ngành nghề được đào tạo:.....
7. Các văn bằng, chứng chỉ đã được cấp:.....
8. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khoan nước dưới đất:.....
9. Đã trực tiếp tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng hoặc thi công, chỉ đạo thi công các công trình khoan nước dưới đất như sau:
  - Công trình có lưu lượng dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày:.....(số công trình);
  - Công trình có lưu lượng từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đến 3000 m<sup>3</sup>/ngày:..... (số công trình);
  - Công trình có lưu lượng từ 3000 m<sup>3</sup>/ngày trở lên:..... (số công trình);
10. Thống kê các công trình đã trực tiếp tham gia thực hiện:

STT	Thông tin về công trình đã thực hiện				Thời gian thực hiện (2)	Chủ công trình (3)
	Tên công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Lưu lượng, m <sup>3</sup> /ngày đêm	Vai trò trong việc thực hiện (1)		
1						
2						
3						
...						

(Kèm theo giấy tờ chứng minh đã tham gia thiết kế, lập đề án, báo cáo, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công đối với các công trình khoan nước dưới đất kê khai trong bảng nêu trên).

Tôi xin cam đoan các thông tin kê khai nêu trên là đúng sự thật./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

**Xác nhận của tổ chức, cá nhân (đề nghị cấp phép)**

**Người khai**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

---

- (1) Ghi rõ là chủ trì hoặc tham gia lập đề án, lập báo cáo, thiết kế giếng, chỉ đạo thi công hoặc trực tiếp thi công....
- (2) Ghi rõ tháng, năm, thời gian tham gia thực hiện, thi công công trình.
- (3) Ghi rõ tên của chủ công trình.

### 30. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi

#### 1) Trình tự thực hiện

- *Bước 1: Nộp phương án:* Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa xây dựng phương án cấm mốc giới và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Bước 2: Kiểm tra phương án:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, kiểm tra phương án với các nội dung sau:

- + Thông số cơ bản của hồ chứa;
- + Hiện trạng quản lý, sử dụng đất quanh hồ chứa;
- + Xác định phạm vi cụ thể của hành lang bảo vệ hồ chứa trên sơ đồ mặt bằng;
- + Tọa độ, địa danh hành chính của các mốc giới, khoảng cách của các mốc giới trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 đến 1/2.000;
- + Phương án huy động nhân lực, vật tư, vật liệu, thi công, giải phóng mặt bằng trên thực địa;
- + Tiến độ cấm mốc, bàn giao mốc giới, kinh phí thực hiện.

Trường hợp phương án chưa đạt yêu cầu, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành hồ chứa để bổ sung, hoàn thiện.

#### - *Bước 3: Thẩm định và phê duyệt phương án*

+ Kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cấm mốc.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên tổng hợp ý kiến và gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc.

#### 2) Số lượng phương án: không quy định.

#### 3) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra phương án:* Trong thời gian mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án cấm mốc giới của tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm xem xét, kiểm tra phương án.

- *Thời hạn thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án:* Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương

án có đầy đủ nội dung, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên có trách nhiệm lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến, gửi tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa để hoàn thiện và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**4) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**5) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**6) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phương án cấm mốc giới đã được phê duyệt.

**7) Phí, lệ phí:** không quy định.

**8) Yêu cầu, điều kiện:** không quy định

**9) Căn cứ pháp lý**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/5/2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

### III. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

#### 31. Cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

##### 1) Trình tự thực hiện

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép gửi 2 bộ hồ sơ tới Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường và sao gửi 1 bộ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

+ Trường hợp chưa có công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thì chủ đầu tư đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và nộp cho cơ quan thụ lý hồ sơ trong giai đoạn thực hiện đầu tư;

+ Trường hợp công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng đang hoạt động, nhưng chưa có giấy phép, thì tổ chức, cá nhân quản lý công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

- *Bước 2. Kiểm tra và thẩm định hồ sơ:* Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

##### - *Bước 3. Thẩm định hồ sơ*

+ Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu có trách nhiệm thẩm định hồ sơ với các nội dung sau: Căn cứ pháp lý về đề nghị cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; Báo cáo chi tiết về mục đích, yêu cầu của việc xây dựng và quy mô công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; Hồ sơ của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; Tính hợp lý của việc lựa chọn địa điểm và sơ đồ bố trí công trình.

+ Trong trường hợp cần thiết, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu tổ chức kiểm tra thực địa thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép có trách nhiệm cung cấp thông tin có liên quan đến việc kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

+ Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo ý kiến của mình về đề nghị cấp giấy phép đối với các trường hợp do Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu thẩm định.

##### - *Bước 4. Quyết định cấp phép*

Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu trình Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; trường hợp không chấp nhận cấp giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để cơ quan thụ lý hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép.

2) *Cách thức thực hiện:* không quy định.

### **3) Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

- Báo cáo mục đích, yêu cầu của việc xây dựng và quy mô của công trình khí tượng thủy văn;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp) các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật hoặc cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất của công trình.

- Hồ sơ của công trình:

*Đối với công trình khí tượng:*

+ Sơ hoạ địa hình khu vực xung quanh công trình trong phạm vi bán kính 500 mét;

+ Sơ đồ bố trí mặt bằng công trình (vườn quan trắc, nhà làm việc);

+ Độ cao thiết bị đo khí áp (nếu có);

+ Mô tả ảnh hưởng các vật che chắn công trình;

*Đối với công trình thủy văn:*

+ Sơ hoạ đoạn sông (hồ, kênh, rạch) đặt công trình;

+ Sơ đồ bố trí mặt bằng; (công trình đo đạc, nhà làm việc);

+ Cao độ sử dụng (quốc gia hoặc giả định).

**4) Số lượng hồ sơ:** 2 bộ cho Bộ Tài nguyên và Môi trường; 01 bộ (bản sao) cho Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đặt công trình.

### **5) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 5 ngày làm việc

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 20 ngày làm việc

- Thời hạn ban hành Quyết định cấp phép: 3 ngày làm việc

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân, tổ chức.

### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường Đâu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực



7) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng hoặc văn bản không chấp nhận cấp giấy phép.

8) **Lệ phí:** Không quy định

9) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Mẫu 1: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

10) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

- Quyết định thành lập tổ chức (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hành nghề) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn;

- Người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phải có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của từng hạng công trình khí tượng thủy văn và có ít nhất một năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

- Thiết bị, máy móc công trình phải phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô của công trình và an toàn lao động theo quy định hiện hành;

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc hợp đồng thuê đất có công chứng.

11) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình Khí tượng Thủy văn số 38 L/CTN được UBTVQH nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX thông qua ngày 02/12/1994 (có hiệu lực ngày 10/12/1994)

- Nghị định số 24/CP ngày 19/03/1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình KTTV, có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký (03/4/1997).

- Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo ( ngày có hiệu lực 19/01/2008).

- Thông tư số 78/2015/TT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

.....ngày .....tháng .....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CÔNG TRÌNH KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Quyết định thành lập tổ chức:

3. Họ và tên, bằng cấp chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật:

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày tháng năm, cơ quan cấp) hoặc hợp đồng thuê đất có công chứng

5. Mục đích hoạt động của công trình:

6. Căn cứ Thông tư số ..... ngày ..... tháng ..... năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh...) cấp giấy phép hoạt động cho (tên công trình) với các nội dung sau đây:

a) Tên công trình:

b) Vị trí địa lý (kinh độ, vĩ độ)

c) Địa điểm (thôn, xã, huyện, tỉnh)

d) Tên sông: (nếu là công trình thủy văn); thuộc hệ thống sông...

đ) Các yếu tố quan trắc:

e) Thời gian hoạt động: từ ngày.....tháng .....năm ..... đến ngày.....tháng .....năm ...

(Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng các quy định của giấy phép và quy định pháp luật có liên quan./.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## 32. Cấp lại giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

### (1) Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; lập báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, cấp lại giấy phép,

Trường hợp hồ sơ không đủ lý do để cấp lại giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân biết lý do.

Trường hợp tìm lại được giấy phép đã bị mất, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

c) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo thông báo..

### (2) Cách thức thực hiện

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

### (3) Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;
2. Giấy phép bị rách nát, hư hỏng.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

### (4) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra thẩm định trình cấp lại giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

### (5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;
- Cá nhân.

### (6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

### (7) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép

(8) Lệ phí (nếu có): Không có

(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Mẫu Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. (Mẫu số 05 - ban hành kèm Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007

*của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng).*

**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

\* Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

\* Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

### **33. Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng**

#### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh cấp giấy phép điều chỉnh.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để điều chỉnh nội dung giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do không cấp giấy phép.

d) Trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp điều chỉnh nội dung giấy phép, UBND tỉnh ra quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; trường hợp không chấp nhận cấp điều chỉnh nội dung giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin

e) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo thông báo.

#### **(2) Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

#### **(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép bao gồm:

1. Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;
2. Báo cáo tình hình hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng kể từ khi được cấp giấy phép;
3. Giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

#### **(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn Quyết định cấp phép; 03 ngày làm việc.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức;

- Cá nhân.

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

**(7) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Lệ phí (nếu có):** Không có

**(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Mẫu Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng. (đính kèm mẫu số 04 - ban hành kèm Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng)

**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

\* Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

\* Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

Mẫu đơn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng (Mẫu số 04 - ban hành kèm Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

.....ngày .....tháng .....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÔNG TRÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên công trình:

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày tháng năm, cơ quan cấp) hoặc hợp đồng thuê đất.

4. Giấy phép hoạt động của công trình (số, ngày, tháng, năm, nơi cấp).

5. Vị trí địa lý (kinh độ, vĩ độ)

6. Địa điểm (Thôn, xã, huyện, tỉnh)

7. Tên sông: (nếu là công trình thủy văn); thuộc hệ thống sông ...

8. Các yếu tố quan trắc :

9. Thời hạn hoạt động : từ ngày      tháng      năm      đến ngày      tháng      năm

10. Căn cứ Thông tư số      ngày      tháng      năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh...điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động cho (tên công trình) với các nội dung sau đây:

Ghi rõ thời gian/loại công việc mà tổ chức, cá nhân xin điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động

(Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng các quy định của giấy phép và quy định pháp luật có liên quan./.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

### **34. Gia hạn giấy phép hoạt động công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.**

#### **(1) Trình tự thực hiện:**

a) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng nộp 02 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên theo địa chỉ: Số 315, đường Võ Nguyên Giáp, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và trình UBND tỉnh cấp giấy phép gia hạn.

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để gia hạn giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết lý do không cấp giấy phép.

d) Trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp gia hạn giấy phép, UBND tỉnh ra cấp quyết định gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; trường hợp không chấp nhận cấp gia hạn giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp gia hạn giấy phép.

e) Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép nhận kết quả giải quyết hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo thông báo.

#### **(2) Cách thức thực hiện**

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

#### **(3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép bao gồm:

1. Đơn đề nghị gia hạn nội dung giấy phép;

2. Báo cáo tình hình hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng kể từ khi được cấp giấy phép.

3. Giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

#### **(4) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.



- Thời hạn Quyết định cấp phép; 03 ngày làm việc.

**(5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức;

- Cá nhân.

**(6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

**(7) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép

**(8) Lệ phí (nếu có):** Không có

**(9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Mẫu Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng ( đính kèm mẫu số 04 - ban hành kèm Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng).

**(10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có

**(11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

\* Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

\* Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng (Mẫu số 04 - ban hành kèm Thông tư số 11/2007/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng).

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

.....ngày .....tháng .....năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘI DUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÔNG TRÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên công trình:

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày tháng năm, cơ quan cấp) hoặc hợp đồng thuê đất.

4. Giấy phép hoạt động của công trình (số, ngày, tháng, năm, nơi cấp).

5. Vị trí địa lý (kinh độ, vĩ độ)

6. Địa điểm (Thôn, xã, huyện, tỉnh)

7. Tên sông: (nếu là công trình thủy văn); thuộc hệ thống sông ...

8. Các yếu tố quan trắc :

9. Thời hạn hoạt động : từ ngày      tháng      năm      đến ngày      tháng      năm

10. Căn cứ Thông tư số      ngày      tháng      năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh...) gia hạn nội dung giấy phép hoạt động cho (tên công trình) với các nội dung sau đây:

Ghi rõ thời gian/loại công việc mà tổ chức, cá nhân xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động)

(Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng các quy định của giấy phép và quy định pháp luật có liên quan./.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## IV. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

### 35. Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

#### 1) Trình tự thực hiện

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ nộp hồ sơ yêu cầu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Khi nhận được thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ quan có trách nhiệm cung cấp phải trả lời cho tổ chức, cá nhân biết rõ lý do.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

2) *Cách thức thực hiện:* Không quy định.

3) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

**Thành phần hồ sơ:**

- Giấy tờ yêu cầu:

+ Đối với cá nhân: Xuất trình giấy chứng minh nhân dân.

+ Đối với cơ quan, tổ chức: Xuất trình giấy giới thiệu.

- Người trực tiếp đến yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu điền đầy đủ thông tin và ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được lập theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

**Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

4) *Thời hạn giải quyết:*

- Khi nhận được thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp ngay trong ngày làm việc.

- Nếu khối lượng thông tin, dữ liệu quá lớn mà không thể thực hiện việc cung cấp trong ngày thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cụ thể về thời gian cung cấp.

5) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Tổ chức, cá nhân.

6) *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

*Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

**8) Phí:** Mức phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc và bản đồ được quy định cụ thể tại Biểu mức thu phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc - bản đồ Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2013/TT-BTC ngày 26/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc - bản đồ.

**9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- *Mẫu số 01:* Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ).

- *Mẫu số 02:* Bản xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không quy định

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

- Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Mẫu số 01

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN CUNG CẤP  
DỮ LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm ....

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP  
THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Số: .....

Họ và tên:

.....

Số CMND: ..... cấp

ngày: ..... Tại: .....

Đơn

vị: .....

Địa

chỉ: .....

Danh mục thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ yêu cầu cung cấp:

TT	Loại thông tin, dữ liệu	Khu vực	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng

Bên yêu cầu cung cấp cam kết nghiêm túc thực hiện đồng thời thông báo cho người có trách nhiệm quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu được cung cấp tuân thủ những quy định sau:

- Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích khi đề nghị cung cấp.
- Không được sao lại hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.
- Khi sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được cung cấp để thành lập các bộ dữ liệu thứ cấp với mục đích thương mại thì phải được sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

- Không sử dụng thông tin, dữ liệu bản đồ được cung cấp để kết nối thành khu vực thuộc phạm vi bí mật Nhà nước.

**DUYỆT CUNG CẤP**

**NGƯỜI YÊU CẦU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## V. Lĩnh vực môi trường

### 36. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

#### 1) Trình tự thực hiện

*Bước 1: Nộp hồ sơ:* Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý (BQL) các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền).

*Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc BQL các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền) xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc BQL các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền) phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

#### *Bước 3: Thẩm định hồ sơ:*

- Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định hoặc BQL các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền) ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định.

- Trong quá trình thẩm định, cơ quan thường trực thẩm định được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức các cuộc họp đánh giá theo chuyên đề.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, gồm:

+ Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư này) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản định dạng đuôi ".pdf" chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (kể cả phụ lục).

#### *Bước 4. Phê duyệt và gửi kết quả*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc BQL các khu công nghiệp ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu được ủy quyền). Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Ủy ban nhân dân tỉnh gửi quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường và đến Ban quản lý các khu công nghiệp trong trường hợp dự án thực hiện trong khu công nghiệp.

## **2) Cách thức thực hiện:**

Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên hoặc BQL các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền).

## **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Một (01) văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác.

## **4) Thời hạn giải quyết**

Thời gian trả kết quả không quá năm mươi (50) ngày làm việc, trong đó:

- Thời gian thẩm định không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ (Trong thời hạn quy định cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định. Thời gian chủ dự án hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của cơ quan thường trực thẩm định không tính vào thời gian thẩm định).

- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ trưởng hoặc người đứng đầu ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án.

## **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường



**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt được xác nhận vào mặt sau trang phụ bì.

**8) Phí, lệ phí:** Đối với thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Mục 11, Phụ lục I, Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**9) Tên các mẫu đơn**

- *Phụ lục 2.1:* Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- *Phụ lục 2.2:* Mẫu trang bì, trang phụ bì của báo cáo đánh giá tác động môi trường
- *Phụ lục 2.3:* Mẫu cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- *Phụ lục 2.10:* Mẫu cấu trúc và nội dung của kế hoạch quản lý môi trường của dự án.

**10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật bảo vệ môi trường 2014
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Phụ lục 2.1: Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

V/v thẩm định báo cáo ĐTM  
của dự án (2)

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: ...;

- Địa chỉ liên hệ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Chúng tôi gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

**Phụ lục 2.2: Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,  
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)  
(1)

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
của dự án (2)

**CHỦ DỰ ÁN (\*)**  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)**  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(\*\*), tháng ... năm ...

*Ghi chú:*

(1) Tên cơ quan chủ dự án;

(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;

(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;

(\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

**Phụ lục 2.3: Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,  
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

**MỤC LỤC**  
**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**  
**DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**MỞ ĐẦU**

**1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

*Lưu ý:*

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mọi quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

**2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM**

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.*

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

### 3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.

- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.*

### 4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).
- Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.

## Chương 1 MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

### 1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

### 1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

### 1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới...).

- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử...).

- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

*Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.*

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

*Lưu ý:*

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **1.4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)**

##### **1.4.1. Mô tả mục tiêu của dự án**

##### **1.4.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án**

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

##### **1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.**

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

##### **1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, di sản văn hóa, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

##### **1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến**

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

##### **1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án**

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

##### **1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án**

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

##### **1.4.8. Vốn đầu tư**

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

##### **1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

**Yêu cầu:**

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3	4	5
Chuẩn bị				
Xây dựng				
Vận hành				
Giai đoạn khác (nếu có)				

- Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

## Chương 2

### ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

#### 2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

##### 2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

##### 2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v... đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

##### 2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

#### **2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí**

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

*Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.*

#### **2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật**

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án.

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

*Yêu cầu đối với mục 2.1:*

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát.

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

### **2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

#### **2.2.1. Điều kiện về kinh tế**

Nêu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

#### **2.2.2. Điều kiện về xã hội**

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.



*Yêu cầu đối với mục 2.2:*

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

### **Chương 3**

## **ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**Nguyên tắc chung:** Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).

### **3.1. Đánh giá, dự báo tác động**

#### **3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm).

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

#### **3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

#### **3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn)

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

#### **3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:*

- *Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;*

- *Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thái: cần cụ thể hóa về thái lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thái đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thái;*

- *Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thái (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thái khác);*

- *Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;*

- *Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;*

- *Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thái mới và nguồn phát thái ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.*

### **3.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

- *Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));*

- *Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.*

### **3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

*Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).*

*Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thái (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v...) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.*

## **Chương 4**

### **BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN**

#### **4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án**

##### **4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị**

4.1.2. **Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

4.1.3. **Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành**

4.1.4. **Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)**

4.2. **Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án**

4.2.1. **Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị**

4.2.2. **Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

4.2.3. **Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành**

4.2.4. **Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)**

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

4.3. **Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

**Yêu cầu:**

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành.

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

## **Chương 5**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

#### **5.1. Chương trình quản lý môi trường**

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

## 5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

+ Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

*Yêu cầu:*

- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;

- Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);

- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;

- Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

## Chương 6

### THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

#### 6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

##### 6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

##### 6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

#### 6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

##### 6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

##### 6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

##### 6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

*Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.*

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

### **3. Cam kết**

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

## **CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO**

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

*Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

## **PHỤ LỤC**

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);
- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;
- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;
- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);
- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

**Phụ lục 2.10: Cấu trúc và nội dung của kế hoạch quản lý môi trường của dự án**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

của dự án (2)

**1. Thông tin chung về dự án và chủ dự án**

Tên chủ dự án: .....

Địa chỉ: .....; Điện thoại:.....; Fax:.....;

Tên dự án: .....

Địa điểm thực hiện dự án: .....

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3).

**2. Nội dung chính của kế hoạch quản lý môi trường**

2.1. Biện pháp, kế hoạch giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn chuẩn bị (nếu có) và giai đoạn xây dựng dự án, bao gồm:

- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước mặt (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nước ngầm (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường không khí (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu do tiếng ồn, độ rung (nếu có);
- Giảm thiểu tác động xấu đến cộng đồng dân cư (nếu có);
- Thu gom, lưu giữ tạm thời, vận chuyển và xử lý chất thải;
- Giảm thiểu các tác động xấu khác (nếu có).

2.2. Dự kiến kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (nếu có), bao gồm:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt;
- Công trình xử lý nước thải sản xuất;
- Công trình xử lý khí thải;
- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;
- Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có).

*Lưu ý: nội dung kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án cần nêu rõ thời gian dự kiến xây dựng, lắp đặt và hoàn thành.*

2.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

*Lưu ý: nội dung chương trình giám sát môi trường cần nêu rõ vị trí giám sát, tần suất giám sát, thông số giám sát và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đánh giá chất lượng mẫu môi trường kèm theo sơ đồ vị trí lấy mẫu đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....;

- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Ghi chú: (1) Chủ dự án; (2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*



### **37. Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án**

#### **1) Trình tự thực hiện:**

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Chủ dự án nộp hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

#### *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:
- + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn cho người nộp.
- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trả lại chủ dự án để chỉnh sửa, bổ sung

#### *Bước 3. Tiến hành kiểm tra và trả kết quả:*

- Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án được tiến hành thông qua đoàn kiểm tra do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập.

- Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và kiểm tra thực tế các công trình bảo vệ môi trường của dự án. Kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường của dự án phải được thể hiện dưới hình thức biên bản kiểm tra.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh, thay đổi của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu, Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo bằng văn bản đến chủ dự án.

Chủ dự án có trách nhiệm khắc phục các vấn đề còn tồn tại đối với công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, xác nhận.

**2) Cách thức thực hiện:** Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

#### **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Một (01) văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt;

- Bảy (07) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

+ Trường hợp dự án có nhiều phân kỳ đầu tư hoặc có các hạng mục độc lập, chủ dự án được lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án với điều kiện đã hoàn thành các công trình bảo vệ

môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án.

+ Dự án được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 hoặc Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 nhưng không thuộc danh mục quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, chủ dự án được miễn trừ trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

#### **4) Thời hạn giải quyết**

- **Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:** Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- **Thời hạn cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường:**

+ Đối với dự án không tiến hành lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: mười lăm (15) ngày làm việc;

+ Đối với dự án phải tiến hành lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: ba mươi (30) ngày làm việc;

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án

#### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan thẩm định: Chi cục Bảo vệ môi trường;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Sở, Ban ngành liên quan.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

**8) Phí, lệ phí:** Không quy định

#### **9) Tên các mẫu đơn**

- **Phụ lục 3.1:** Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

- **Phụ lục 3.2:** Mẫu báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

#### **10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật bảo vệ môi trường 2014

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch Số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 3.1**

**Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình  
bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,  
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

Số: ...

V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của dự án (3) (sau đây gọi tắt là dự án), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa điểm thực hiện dự án: ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án) gồm có:

1...

2...

...

*(Lưu ý: ghi rõ các hạng mục/phân kỳ của dự án đang đề nghị xác nhận hoàn thành công trình xử lý môi trường)*

Gửi đến quý (2) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được (4) phê duyệt;

- Bảy (07) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (trường hợp dự án nằm trên diện tích đất của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm, hoặc số lượng tăng thêm theo yêu cầu của (2) để phục vụ công tác kiểm tra);

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị quý (2) kiểm tra, xác nhận việc (1) đã hoàn thành công trình, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(5)  
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Chủ dự án;
- (2) Tên cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận;
- (3) Tên đầy đủ của dự án;
- (4) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;
- (5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

**Phụ lục 3.2**

**Mẫu báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường  
phục vụ giai đoạn vận hành của dự án**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,  
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

Số: ...

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: (2)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ  
GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**

của Dự án (3)

**1. Thông tin chung về dự án:**

Tên chủ dự án: .....

Địa chỉ văn phòng: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail:.....

Địa điểm thực hiện dự án: .....

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ... ngày ... tháng ... năm ...  
của ...

**2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án (hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư  
của dự án) đã hoàn thành**

**2.1. Công trình xử lý nước thải**

**2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước** (cần mô tả rõ các thông số kỹ thuật của  
hệ thống thu gom, thoát nước; vị trí của các công trình này kèm theo sơ đồ minh họa)

**2.1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp:** (cần mô tả rõ quy trình công nghệ,  
quy mô công suất, các thông số kỹ thuật của công trình, các thiết bị đã được xây lắp)

**2.1.3. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải** (cần nêu rõ tên và địa  
chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu phân tích về môi trường: thời gian, phương  
pháp, khối lượng mẫu giả định được tạo lập (nếu có); thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân  
tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)

Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải được trình bày theo mẫu bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn đối chiếu.	Lưu lượng thải (Đơn vị tính)	Thông số ô nhiễm đặc trưng(*) của dự án					
		Thông số A (Đơn vị tính)		Thông số B (Đơn vị tính)		v.v...	
		Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý	Trước khi xử lý	Sau khi xử lý
Lần 1							
...							

...							
TCVN/QCVN.....							

Ghi chú:

(\*) Thông số ô nhiễm đặc trưng của dự án là những thông số ô nhiễm do dự án trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra.

**2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:** cần liệt kê đầy đủ các công trình; biện pháp xử lý bụi, khí thải đã được xây lắp; nguồn gốc và hiệu quả xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải chính đã được lắp đặt; kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải và thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải (trừ cột trước khi xử lý).

**2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:** mô tả công trình lưu giữ chất thải rắn; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.

**2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:** mô tả công trình lưu giữ chất thải nguy hại; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.

**2.5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác:** (nếu có)

3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt (kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM)

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM
1.	...	...	...	
2...	...	...	...	

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án; (2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phần kỳ đầu tư của dự án (3); (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Các bản vẽ kỹ thuật hoặc hồ sơ thuyết minh công trình bảo vệ môi trường;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;
- Biên bản nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.



### **38. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường**

#### **1) Trình tự thực hiện**

**Bước 1.** Chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nộp hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:
- + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn cho người nộp.
- + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trả lại chủ dự án để chỉnh sửa, bổ sung

**Bước 2.** Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm định hồ sơ đề nghị Giám đốc Sở xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 3.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân yêu cầu.

**2) Cách thức thực hiện:** Chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

#### **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường với trang bìa và yêu cầu về nội dung thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 5.4 và 5.5 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 ;
- Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

#### **4) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; trường hợp không xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

#### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên
- Cơ quan thẩm định: Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Sở, Ban ngành liên quan.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

#### **8) Phí, lệ phí:** Không quy định

#### **9) Các mẫu đơn**

- *Phụ lục 5.4:* Mẫu trang bìa của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phụ lục 5.5: Cấu trúc và nội dung của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư liên tịch Số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

**Phụ lục 5.4**

**Mẫu trang bìa của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Sở  
Tài nguyên và Môi trường**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược,  
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)*

(1)

**KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của (2)

Đại diện (1) (\*)  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))

Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) (\*)  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm 20...

*Ghi chú: (1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (2) Tên dự án, phương  
án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

*(\*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.*

## Phụ lục 5.5

### Cấu trúc và nội dung của kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận đăng ký của Sở Tài nguyên và Môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh nơi thực hiện dự án), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (1).....

Chúng tôi gửi đến (1) bản kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

#### **I. Thông tin chung**

**1.1. Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án):** nêu đúng tên gọi như được nêu trong báo cáo đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

**1.2. Tên chủ dự án:** ...

**1.3. Địa chỉ liên hệ:** ...

**1.4. Người đại diện theo pháp luật:** ...

**1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án:** (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

**1.6. Địa điểm thực hiện dự án:**

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ các điểm khống chế ranh giới theo hệ VN2000) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông,...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử,...), hiện trạng sử dụng đất trên vị trí thực hiện dự án và các đối tượng xung quanh khác.

Chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

**1.7. Quy mô dự án**

Mô tả tóm lược về quá trình thi công xây dựng; quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

**1.8. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng**

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo giờ, ngày, tháng hoặc năm; phương thức cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

*Yêu cầu:*

- Đối với trường hợp mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động cần phải bổ sung thông tin về cơ sở đang hoạt động, đặc biệt là các thông tin liên quan đến các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc loại bỏ hoặc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

#### **II. Các tác động xấu đến môi trường**

**2.1. Tác động xấu đến môi trường do chất thải**

**2.1.1. Khí thải:** ...

**2.1.2. Nước thải:** ...

**2.1.3. Chất thải rắn:** ...

2.1.4. *Chất thải nguy hại: ...*

2.1.5. *Chất thải khác: ... (nếu có)*

Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải. Đối với khí thải và nước thải còn phải nêu rõ hàm lượng/nồng độ của từng thành phần ô nhiễm đặc trưng và so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành trong trường hợp chưa áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu.

## **2.2. Tác động xấu đến môi trường không do chất thải**

Nêu tóm tắt các tác động xấu đến môi trường khác (nếu có) do dự án gây ra: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

*Yêu cầu: các loại tác động xấu đến môi trường phải được thể hiện theo từng giai đoạn, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các giai đoạn sau theo đặc thù của từng dự án cụ thể: (1) chuẩn bị đầu tư, (2) thi công xây dựng, (3) vận hành dự án và (4) hoàn thành dự án.*

## **III. Kế hoạch bảo vệ môi trường**

### **3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải**

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giải quyết tương ứng và có thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giải quyết. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải chứng minh sau khi áp dụng biện pháp giải quyết thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

### **3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác**

Mỗi loại tác động xấu phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giảm thiểu tác động xấu đó. Trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

### **3.3. Kế hoạch giám sát môi trường**

- Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng cho dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, với tần suất tối thiểu một (01) lần/06 tháng. Không yêu cầu chủ dự án giám sát nước thải đối với dự án có đầu nối nước thải để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung và không yêu cầu chủ dự án giám sát những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải mà dự án không có khả năng phát sinh hoặc khả năng phát sinh thấp.

- Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

*Yêu cầu:*

- Ngoài việc mô tả biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như hướng dẫn tại mục 3.1 và 3.2 Phụ lục này, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường mang tính công trình phải được liệt kê dưới dạng bảng, trong đó nêu rõ chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết và kèm theo tiến độ xây lắp cụ thể cho từng công trình.

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở hiện hữu và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

#### IV. Cam kết

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi gửi kèm theo đây các văn bản có liên quan đến dự án *(nếu có và liệt kê cụ thể)*.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có))

*Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.*

*Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án ở trang cuối cùng.*

**39. Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

**1) Trình tự thực hiện**

**Bước 1. Nộp hồ sơ:** Tổ chức nộp báo cáo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp (nếu được ủy quyền).

**Bước 2. Thông báo kết quả:** Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp có ý kiến chấp thuận thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

**2) Cách thức thực hiện:** Không quy định

**3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ: Báo cáo bằng văn bản

- Số lượng hồ sơ: không quy định.

**4) Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ dự án

**6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Ý kiến chấp thuận thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

**8) Phí, lệ phí:** Không quy định

**9) Tên các mẫu đơn:** Không quy định

**10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật bảo vệ môi trường 2014

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

**40. Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh**

**1) Trình tự thực hiện**

- **Bước 1: Nộp báo cáo:** Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thống nhất với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và gửi báo cáo giải pháp tách đầu nối để tự xử lý nước thải đến UBND tỉnh.

- **Bước 2: Xem xét, đánh giá báo cáo:** UBND tỉnh tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo giải pháp tách đầu nối để tự xử lý nước thải.

Sau khi tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo, UBND tỉnh xem xét và thông báo kết quả về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**2) Cách thức thực hiện:** không quy định.

**3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Một (01) văn bản đề nghị và báo cáo giải pháp tách đầu nối để tự xử lý nước thải của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (kèm theo kết quả quan trắc nước thải định kỳ mới nhất);

- Một biên bản thỏa thuận tách đầu nối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

**4) Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** UBND tỉnh.

- **Cơ quan được uỷ quyền thực hiện:** Không quy định.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** Không quy định.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh hoặc văn bản không chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.

**8) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**9) Mẫu đơn, tờ khai**

**Phụ lục 3:** Báo cáo về giải pháp tách đầu nối để tự xử lý nước thải (ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT).

**10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định



**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

### Phụ lục 3

## BÁO CÁO GIẢI PHÁP TÁCH ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

### 1. Thông tin chung:

- Tên chủ cơ sở:.....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ: ..... Khu công nghiệp:.....
- Số điện thoại: ..... Số Fax:..... E-mail: .....
- Loại hình sản xuất kinh doanh:.....

### 2. Phương án tách đầu nổi và tự xử lý nước thải

- Lượng nước thải phát sinh, thành phần, tính chất nước thải.
- Nguyên nhân thực tế của việc tách đầu nổi nước thải.
- Mô tả phương án xử lý nước thải:
  - + Công suất, công nghệ xử lý nước thải.
  - + Vị trí, điểm xả ra nguồn tiếp nhận (có kèm theo sơ đồ).
  - + Chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.
- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (xác định cụ thể).

### 3. Cam kết và kiến nghị

Cam kết thực hiện nghiêm túc phương án xử lý nước thải đã nêu và bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước cho phép cơ sở ..... tách đầu nổi khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao..... và tự xử lý nước thải phát sinh.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

#### **41. Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp**

##### **1) Trình tự thực hiện**

- *Bước 1: Nộp báo cáo:* Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao gửi báo cáo về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đến UBND tỉnh.

- *Bước 2: Xem xét, đánh giá báo cáo:* UBND tỉnh tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Trường hợp cần thiết, tổ chức đoàn kiểm tra thực tế, lấy ý kiến chuyên gia và cơ quan có liên quan để xem xét, quyết định.

Sau khi tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo, UBND tỉnh xem xét và thông báo kết quả về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

**2) Cách thức thực hiện:** không quy định.

##### **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

Một (01) báo cáo về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**4) Thời hạn giải quyết:** Hai mươi (20) ngày làm việc

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

##### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND tỉnh.

- *Cơ quan được uỷ quyền thực hiện:* Không quy định.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Không quy định.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận điều chỉnh về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao hoặc văn bản không chấp thuận điều chỉnh về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

**8) Phí, lệ phí:** Không quy định.

##### **9) Mẫu đơn, tờ khai**

*Phụ lục 4:* Báo cáo về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT).

**10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

**Phụ lục 4**

**BÁO CÁO VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHI ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, QUY HOẠCH,  
HOẠT ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHIỆP,  
KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng  
Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Thông tin chung:**

- Tên chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ: .....
- Số điện thoại: ..... Số Fax:..... E-mail: .....

**1. Tóm tắt tình hình hoạt động của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao  
và công tác bảo vệ môi trường**

- Tóm tắt tình hình hoạt động của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: quản lý chất thải rắn; xử lý khí thải của các cơ sở trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; xử lý nước thải; quan trắc môi trường;...
- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

**2. Nội dung điều chỉnh về quy mô/ quy hoạch/ hạ tầng kỹ thuật/ danh mục ngành  
nghề**

- Xác định rõ sự cần thiết phải điều chỉnh.
- Các nội dung điều chỉnh về quy mô/ quy hoạch/ hạ tầng kỹ thuật/ danh mục ngành nghề.

**3. Các yếu tố tác động và giải pháp bảo vệ môi trường**

- Thuyết minh cụ thể vấn đề môi trường phát sinh, dự báo các yếu tố tác động đến môi trường khi điều chỉnh về quy mô/ quy hoạch/hạ tầng kỹ thuật/danh mục ngành nghề.
- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nội dung điều chỉnh.

**4. Kết luận, kiến nghị, cam kết**

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**42. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất**

**1) Trình tự thực hiện**

*Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

*Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:*

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan thẩm định) gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện.

*Bước 3: Thẩm định, thông báo kết quả thẩm định*

Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; trường hợp cần thiết, tiến hành lấy mẫu, phân tích, tham vấn các tổ chức, cá nhân có liên quan và quyết định việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy xác nhận.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, cấp Giấy xác nhận; trường hợp tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng đủ điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, điều kiện về bảo vệ môi trường theo yêu cầu.

Tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các yêu cầu của văn bản thông báo và hoàn thiện, gửi lại hồ sơ đã hoàn thiện đến Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét; trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra lại các điều kiện về bảo vệ môi trường và xem xét, cấp Giấy xác nhận. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2) Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

**3) Thành phần hồ sơ**

- Một (01) văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 2a ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT;

- Bảy (07) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, 3b ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế;

- Một (01) trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung (nếu có); Giấy chứng nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường; Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; Văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường;

- Một (01) trong các văn bản sau: Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương (nếu có);

- Hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm, chất thải phát sinh);

- Báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ của cơ sở (trường hợp báo cáo không có kết quả giám sát môi trường đối với các công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu thì phải bổ sung);

- Bản cam kết về tái xuất hoặc xử lý phế liệu nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục 4a ban hành kèm theo Thông tư.

**4) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**5) Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: Ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức cá nhân).

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

*Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc văn bản không chấp thuận việc đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu.

**9) Phí, lệ phí:** chưa quy định

**10) Tên các mẫu đơn:**

- *Phụ lục 2a:* Văn bản đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (ban hành kèm theo Thông tư 41/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục 3a, 3b:* Mẫu bì, trang phụ bì và mẫu báo cáo về điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (ban hành kèm theo Thông tư 41/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục 4a:* Mẫu bản cam kết về tái xuất hoặc xử lý phế liệu nhập khẩu (ban hành kèm theo Thông tư 41/2015/TT-BTNMT).

**11) Yêu cầu, điều kiện cấp phép:**

- Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu

+ Có hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

+ Có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ phế liệu được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán.

+ Có tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ phế liệu bằng vật liệu không cháy; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có thiết bị phòng cháy chữa cháy (ít nhất gồm có bình bọt chữa cháy, cát để dập lửa), sơ đồ thoát hiểm, ký hiệu hướng dẫn thoát hiểm đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu

+ Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đợt đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán.

+ Có biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.

+ Có thiết bị phòng cháy chữa cháy (ít nhất gồm có bình bọt chữa cháy, cát để dập lửa) đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.



- Công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định;

- Có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm thì phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý;

- Ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP;

- Có văn bản cam kết về việc tái xuất hoặc xử lý phế liệu trong trường hợp phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

### ***12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật Bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

**Phụ lục 2a**  
**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU**  
**LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT  
 ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)

Số: .....

V/v đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm.....

Kính gửi : .....(2).....

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....

Số điện thoại: .....Fax.....Email.....

4. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

5. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:

a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (* )	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
...				

(\* ) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS			

			xác nhận (tân) (*)	xác nhận (tân)	
1					
2					
...					

(\*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

6. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

#### ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)

<Ký tên, đóng dấu>

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- ....

#### Ghi chú:

- (1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
- (2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

**Phụ lục 3a**  
**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN**  
**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU**  
**LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT  
ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU)**

**BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU**  
**PHÉ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm...

Ghi chú:

(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì.

**Phụ lục 3b**

**BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
TRONG NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT  
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phé liệu nhập khẩu làm nguyên liệu  
sản xuất)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT  
ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHÉ  
LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

**MỤC LỤC**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân**

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị:.....  
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....  
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng phé liệu: (cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng phé  
liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).
4. Tên người liên hệ:.....  
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phé liệu đã được  
cấp số .....ngày.....tháng.....năm....., Cơ quan cấp ....(nếu có).

**II. Mô tả tóm tắt cơ sở và các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phé  
liệu làm nguyên liệu sản xuất**

1. Mô tả tóm tắt việc hình thành cơ sở.
2. Mô tả chi tiết loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; công nghệ tái chế, tái  
sử dụng phé liệu; công suất; nhu cầu nguyên liệu đầu vào (trong đó mô tả rõ nguyên liệu không  
phải là phé liệu và nguyên liệu là phé liệu).
- 3: Mô tả phé liệu nhập khẩu:
  - a) Đối với phé liệu trong danh mục phé liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản  
xuất:
    - Loại phé liệu nhập khẩu, mã HS, khối lượng phé liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại  
chất thải và kết quả phân tích thành phần chất thải đi kèm phé liệu.
  - b) Trường hợp cơ sở đề nghị nhập khẩu phé liệu không thuộc danh mục phé liệu được  
phép nhập khẩu từ nước ngoài với mục đích để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung  
cấp các thông tin sau:
    - Tên phé liệu.
    - Loại hình sản xuất phát sinh loại phé liệu: mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công  
đoạn phát sinh loại phé liệu.
    - Kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phé liệu.
    - Những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phé liệu.
    - Mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phé liệu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất.
    - Lợi ích kinh tế-xã hội khi sử dụng loại phé liệu dự kiến nhập khẩu.

4. Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015:

a) Mô tả kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu kho.
- Tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Mô tả bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu bãi.
- Tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đọng đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu.
- Khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.
- Phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại).
- Phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất.
- Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Công nghệ, thiết bị được sử dụng để xử lý chất thải (công suất, hiệu quả xử lý...).
- Một số đặc tính kỹ thuật, yêu cầu đặc thù của công nghệ, thiết bị xử lý chất thải (nếu có).
- Khu vực lắp đặt hệ thống, thiết bị xử lý chất thải.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, tái chế chất thải phát sinh (khí thải, nước thải,...).
- Hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường (nếu có).

đ) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

**III. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất**

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

#### **IV. Kết luận và cam kết**

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

<Ký tên, đóng dấu>

#### **Phụ lục 4a**

### **BẢN CAM KẾT VỀ TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHÉ LIỆU NHẬP KHẨU**

*(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu phế liệu để sản xuất)*

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT*

*ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .....

Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm .....

### **BẢN CAM KẾT TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHÉ LIỆU TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU**

Kính gửi: .....(2).....

#### **I. Thông tin chung:**

1. Tổ chức, cá nhân (1): .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:....., Fax:....., Email:.....

3. Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu:

4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số:..... ngày ..... tháng ..... năm ..... Cơ quan cấp.... (nếu có).

## II. Thông tin về phế liệu dự kiến nhập khẩu:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (* )	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
...				

(\* ) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

## III. Nội dung cam kết:

1. Chúng tôi cam kết chỉ nhập khẩu phế liệu khi biết rõ xuất xứ, thành phần và hàm lượng tạp chất đi kèm với phế liệu và đáp ứng các yêu cầu quy định của Việt Nam.

2. Chúng tôi cam kết trong hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận giao dịch với bên xuất khẩu có điều khoản yêu cầu bên xuất khẩu phải nhận lại hàng nếu phế liệu không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường mà hai bên đã thống nhất.

3. Chúng tôi cam kết lưu giữ, vận chuyển và sử dụng phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. Chúng tôi cam kết phế liệu nhập khẩu chỉ sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất của mình.

5. Nếu để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, chúng tôi cam kết tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp không thể tái xuất được, chúng tôi chịu trách nhiệm xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu với các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện đúng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu.

- Lập phương án chi tiết xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm pháp luật trình cơ quan quản lý về môi trường xem xét, quyết định.

- Chịu toàn bộ chi phí cho hoạt động xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường không tái xuất được.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)**

<Ký tên, đóng dấu>

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ....



**Ghi chú:**

- (1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
- (2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

**43. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)**

**1) Trình tự thực hiện**

*Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

*Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan thẩm định) gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện.

*Bước 3: Thẩm định, thông báo kết quả thẩm định*

Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; trường hợp cần thiết, tiến hành lấy mẫu, phân tích, tham vấn các tổ chức, cá nhân có liên quan và quyết định việc cấp, từ chối cấp Giấy xác nhận.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, cấp Giấy xác nhận; trường hợp tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng đủ điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, điều kiện về bảo vệ môi trường theo yêu cầu.

Tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các yêu cầu của văn bản thông báo và hoàn thiện, gửi lại hồ sơ đã hoàn thiện đến Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét; trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra lại các điều kiện về bảo vệ môi trường và xem xét, cấp Giấy xác nhận. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2) Cách thức thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

**3) Thành phần hồ sơ**

- Một (01) văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 2b ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT;

- Ba (03) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a, 3b ban hành kèm theo Thông tư;

- Báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ gần nhất của cơ sở, nhưng không quá sáu (06) tháng kể đến ngày đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp lại Giấy xác nhận do hết hạn.

**4) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

### **5) Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời: Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ của tổ chức cá nhân)

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

### **7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

*Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc văn bản không chấp thuận việc đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu.

**9) Phí, lệ phí:** Chưa quy định.

### **10) Tên các mẫu đơn**

- *Phụ lục 2b:* Văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu (ban hành kèm theo Thông tư 41/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục 3a, 3b:* Mẫu bì, trang phụ bì và mẫu báo cáo về điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (ban hành kèm theo Thông tư 41/2015/TT-BTNMT).

### **11) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu

+ Có hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

+ Có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ phế liệu được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán.

+ Có tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ phế liệu bằng vật liệu không cháy; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

+ Có thiết bị phòng cháy chữa cháy (ít nhất gồm có bình bọt chữa cháy, cát để dập lửa), sơ đồ thoát hiểm, ký hiệu hướng dẫn thoát hiểm đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu

+ Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đợt đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

+ Có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt; sàn bảo đảm kín khí, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng phế liệu cao nhất theo tính toán.

+ Có biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.

+ Có thiết bị phòng cháy chữa cháy (ít nhất gồm có bình bột chữa cháy, cát để dập lửa) đúng hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định;

- Có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm thì phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý;

- Ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP;

- Có văn bản cam kết về việc tái xuất hoặc xử lý phế liệu trong trường hợp phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

### ***12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật Bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Phụ lục 2b

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI DO HẾT HẠN GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ  
ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM  
NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT

ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)

Số: .....

V/v đề nghị cấp lại do hết hạn Giấy xác  
nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường  
trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu  
sản xuất

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm.....

Kính gửi : .....(2).....

Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....

Số điện thoại: .....Fax.....Email.....

4. Giấy xác nhận đã được cấp: Số..... ngày ... tháng .... năm .....  
hết hạn ngày ... tháng .... năm .....

5. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp lại do hết hạn  
Giấy xác nhận.

6. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:

a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1			
2			
...			

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				

...				
-----	--	--	--	--

7. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)**

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ....

<Ký tên, đóng dấu>

**Ghi chú:**

(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.

(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

**Phụ lục 3a**

**MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN  
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU  
LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT*

*ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU)**

**BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU  
PHÉ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (\*)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm...

Ghi chú:

(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì.

**Phụ lục 3b**  
**BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**TRONG NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**  
**(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT  
ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

---

**BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

**MỤC LỤC**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân**

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
- Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu: (cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).
4. Tên người liên hệ:.....
- Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp ....(nếu có).

**II. Mô tả tóm tắt cơ sở và các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất**

1. Mô tả tóm tắt việc hình thành cơ sở.
2. Mô tả chi tiết loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; công nghệ tái chế, tái sử dụng phế liệu; công suất; nhu cầu nguyên liệu đầu vào (trong đó mô tả rõ nguyên liệu không phải là phế liệu và nguyên liệu là phế liệu).
3. Mô tả phế liệu nhập khẩu:
  - a) Đối với phế liệu trong danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:
    - Loại phế liệu nhập khẩu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại chất thải và kết quả phân tích thành phần chất thải đi kèm phế liệu.
    - b) Trường hợp cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài với mục đích để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung cấp các thông tin sau:
      - Tên phế liệu.
      - Loại hình sản xuất phát sinh loại phế liệu: mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công đoạn phát sinh loại phế liệu.
      - Kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phế liệu.
      - Những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phế liệu.
  - Mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phế liệu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất.
  - Lợi ích kinh tế-xã hội khi sử dụng loại phế liệu dự kiến nhập khẩu.



4. Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015:

a) Mô tả kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu kho.
- Tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.

- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Mô tả bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu bãi.
- Tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đợt đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.

- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu.
- Khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.
- Phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại).
- Phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất.
- Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Công nghệ, thiết bị được sử dụng để xử lý chất thải (công suất, hiệu quả xử lý...).
- Một số đặc tính kỹ thuật, yêu cầu đặc thù của công nghệ, thiết bị xử lý chất thải (nếu có).
- Khu vực lắp đặt hệ thống, thiết bị xử lý chất thải.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, tái chế chất thải phát sinh (khí thải, nước thải,...).
- Hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường (nếu có).

Đ) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

**III. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất**

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

#### **IV. Kết luận và cam kết**

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

<Ký tên, đóng dấu>

**44. Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)**

**1) Trình tự thực hiện**

**Bước 1: nộp hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận do bị mất hoặc hư hỏng Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Bước 2: Xem xét và cấp lại Giấy xác nhận:** Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp lại cho tổ chức, cá nhân.

**2) Cách thức thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

**3) Thành phần hồ sơ**

Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu quy định tại Phụ lục 2c ban hành kèm theo Thông tư Thông tư 41/2015/TT-BTNMT.

**4) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**5) Thời hạn giải quyết:** Mười ngày (10) ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân

**6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

**Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tài nguyên và Môi trường.

**8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản

**9) Phí, lệ phí:** chưa quy định

**10) Tên các mẫu đơn**

- **Phụ lục 2c:** Văn bản đề nghị cấp lại (ban hành kèm theo Thông tư Thông tư 41/2015/TT-BTNMT)

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Thông tư 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

**Phụ lục 2c**  
**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI DO BỊ MẤT, BỊ HƯ HỎNG**  
**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT*  
*ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(1)

Số: .....

V/v đề nghị cấp lại do bị mất, bị hư hỏng  
Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi  
trường trong nhập khẩu phế liệu làm  
nguyên liệu sản xuất

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : .....(2).....

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....

Số điện thoại: .....Fax.....Email.....

4. Giấy xác nhận đã được cấp: Số..... ngày ... tháng .... năm .....

Còn thời hạn đến ngày ... tháng .... năm .....

5. Chúng tôi gửi kèm theo Công văn này Hồ sơ giải trình và đề nghị xem xét cấp lại Giấy xác nhận do bị mất (hoặc bị hư hỏng, kèm theo Giấy xác nhận bị hỏng).

6. Chúng tôi cam kết những lý do bị mất (bị hư hỏng) Giấy xác nhận nêu trong hồ sơ giải trình là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)**

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ....

<Ký tên, đóng dấu>

**Ghi chú:**

(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.

(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

**45. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)**

**1) Trình tự thực hiện**

*Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (gọi là chủ dự án) nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực thẩm định).

*Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho chủ dự án biết và hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định.

*Bước 3: Thẩm định, phê duyệt phương án:*

- Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn không quá 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày thành lập hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực thẩm định phương án tiến hành các hoạt động: kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng tại địa điểm thực hiện phương án và khu vực kế cận; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện các nội dung của phương án;

- Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc trường hợp đã kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng tại địa điểm thực hiện phương án và khu vực kế cận; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện các nội dung của phương án, cơ quan thường trực thẩm định tổ chức họp hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực thẩm định phương án thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho chủ dự án.

- Sau khi nhận thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án có trách nhiệm:

+ Chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung phương án trong trường hợp thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; nộp 02 (hai) phương án có đóng dấu giáp lai kèm theo văn bản giải trình cụ thể và gửi đến cơ quan thường trực thẩm định.

+ Lập lại phương án và gửi đến cơ quan thường trực thẩm định trong trường hợp họp hội đồng thẩm định không thông qua; trình tự thẩm định được thực hiện như đối với trường hợp nộp hồ sơ lần đầu.

+ Nộp 02 (hai) phương án có đóng dấu giáp lai và gửi đến cơ quan thường trực thẩm định trường hợp được thông qua không phải chỉnh sửa, bổ sung.

- Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4: Trả kết quả: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi quyết định phê duyệt kèm theo phương án đã được phê duyệt cho chủ dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện phương án; gửi quyết định phê duyệt đến quỹ bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

## **2) Cách thức thực hiện**

Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

## **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án;
- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án;
- 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận;

## **4) Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:

+ Thời hạn thẩm định phương án tối đa là 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Thời hạn phê duyệt phương án: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (thời gian chỉnh sửa hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt);

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

## **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan được uỷ quyền: không quy định;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9A và phương án được xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

**8) Phí, lệ phí:** Chưa quy định.

## **9) Tên mẫu đơn, tờ khai**

- Phụ lục số 1A: Văn bản đề nghị thẩm định phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- Phụ lục số 2: Cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 9A*: Quyết định phê duyệt phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 10*: Mẫu xác nhận mặt sau trang phụ bìa của Phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

**10) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền một số nội dung trong thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**PHỤ LỤC SỐ 1A**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN,  
PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường "... (2)..."

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., chủ dự án của ... (2) ... thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo phục hồi môi trường thuộc đối tượng tại Khoản...Điều...Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường gồm:

- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án kèm theo các bản vẽ liên quan;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- ...

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị ... (3) ... xem xét, thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường..(2)...của chúng tôi./.

... (4) ...

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Tên tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của dự án khai thác khoáng sản; (3) Cơ quan thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân.



## PHỤ LỤC SỐ 2

# CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

## PHẦN I: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

### MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành, xuất xứ, sự cần thiết lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

### Chương I. KHÁI QUÁT CHUNG

#### I. Thông tin chung

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . .
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư).
- Hình thức đầu tư và quản lý phương án. Hình thức đầu tư, nguồn vốn và lựa chọn hình thức quản lý phương án. Trường hợp thuê tư vấn quản lý phương án phải nêu rõ thông tin, địa chỉ, tính pháp lý của tổ chức tư vấn quản lý phương án.

#### II. Cơ sở để lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có), quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/phương án đầu tư, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khu vực triển khai phương án, quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan; quy định về công tác dự toán, đơn giá, định mức, quy chuẩn kỹ thuật khai thác khoáng sản, quy chuẩn môi trường áp dụng xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Tài liệu cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được phê duyệt và thiết kế cơ sở được thẩm định hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận; tài liệu quan trắc môi trường.

Nêu rõ tên tổ chức tư vấn lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, tên người chủ trì và danh sách những người trực tiếp tham gia.

#### III. Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

##### 1. Công tác khai thác khoáng sản

- Nêu tóm tắt đặc điểm địa hình, địa mạo của khu vực khai thác khoáng sản; điều kiện địa chất, địa chất công trình, đặc điểm thành phần thạch học, thành phần khoáng vật khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản.

- Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.
- Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.
- Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt phương án mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.
- Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.
- Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.
- Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án; các giải pháp kiến trúc-xây dựng, thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

## **2. Hiện trạng môi trường**

- Tóm tắt điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông, hệ thống sông suối, đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.
- Nêu hiện trạng môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Kết quả phân tích môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

## **Chương II. CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

### **I. Lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng.
- Việc cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định có liên quan.
- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.
- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...).
- Tính toán "chỉ số phục hồi đất" cho các giải pháp lựa chọn (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình) được xác định theo biểu thức sau:

$$I_p = (G_m - G_p)/G_c$$

*Trong đó:*

- +  $G_m$ : giá trị đất đai sau khi phục hồi, dự báo theo giá cả thị trường tại thời điểm tính toán;
- +  $G_p$ : tổng chi phí phục hồi đất để đạt được mục đích sử dụng;
- +  $G_c$ : giá trị nguyên thủy của đất đai trước khi mở mỏ ở thời điểm tính toán (theo đơn giá của Nhà nước);

Trên cơ sở đánh giá và so sánh chỉ số phục hồi đất và ưu điểm, nhược điểm của các giải pháp (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình), lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

## II. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 của Thông tư này.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác mỏ hoặc thiết kế cơ sở khai thác mỏ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

## III. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân có thể kết hợp sử dụng kết quả giám sát môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
I.1	Đối với khai thác lộ thiên						

1	Cải tạo bờ mố, đáy mố, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	....						
I.2	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo đường lò, cửa lò khu A						
2	Hệ thống thoát nước khu A						
....	....						
II	Khu vực bãi thải						
1	San gạt khu A						
2	Trồng cây khu A.						
...	...						
III	Khu vực SCN và phụ trợ						
1	Tháo dỡ khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	...						
IV	Công tác khác						
...	.....						

### **Chương III. DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

#### **I. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ tính dự toán: định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các Bộ, ngành tương ứng trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

- Nội dung của dự toán: theo điều kiện thực tế của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; theo khối lượng và nội dung công việc cải tạo, phục hồi nêu trên và theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Lập bảng tổng hợp chi phí gồm các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **II. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ**

Các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo theo hướng dẫn quy định của Thông tư này.

**II. Đơn vị nhận ký quỹ:** Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

## Chương IV. CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

### I. Cam kết của tổ chức, cá nhân

Các cam kết của tổ chức, cá nhân về thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tuân thủ các quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của phương án. Cụ thể:

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ;
- Các cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường... theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện;
- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp gây ra sự cố môi trường;
- Cam kết thực hiện chế độ nộp báo cáo, chế độ kiểm tra theo đúng quy định;
- Cam kết lập báo cáo về kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và kết quả chương trình giám sát môi trường gửi cơ quan có phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

### II. Kết luận

Nêu kết luận và đánh giá hiệu quả của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tính hợp lý của số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

## PHẦN II: CÁC PHỤ LỤC

### 1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
2	Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ viạ khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).
6	Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật
7	Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)

8	Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm
9	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
10	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
11	Sơ đồ vị trí các công trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường

## 2. Phụ lục các Hồ sơ, tài liệu liên quan

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường đơn giản/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác và Thông báo thẩm định thiết kế cơ sở hoặc tài liệu tương đương (nếu có);

- Đơn giá sử dụng tính dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường; đơn giá, định mức của các bộ, ngành và địa phương liên quan; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có).

## PHỤ LỤC SỐ 9A

### MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-...

(Địa danh), ngày tháng năm

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường "...(2)..."**

...(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ ...(4)... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của ...(1)...

Xét nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường "...(2)..." đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số... ngày... tháng... năm... của...(5)...

Theo đề nghị của ...(7)...

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường "...(2)..." của ...(5)... (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) với các nội dung cụ thể sau:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là:

- Số lần ký quỹ: ... lần

+ Lần 1, số tiền: ...;

+ Lần ..., số tiền: ...;

- Đơn vị nhận ký quỹ:

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm..... (năm phê duyệt phương án).

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1.....

2.....

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

**Điều 4.** phương án cải tạo, phục hồi môi trường...(2)... và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

**Điều 5.** Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, tổ chức, cá nhân phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của ...(1)...

**Điều 6.** Ủy nhiệm cho...(6)... thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ./.

**Nơi nhận:**

...(3)...

- Tổ chức, cá nhân;

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

-

- Lưu ...

**Ghi chú:** (1) Tên cơ quan cấp quyết định phê duyệt; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan cấp quyết định phê duyệt; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...(1)...; (5) Tên cơ quan tổ chức, cá nhân; (6) Cơ quan được giao trách nhiệm kiểm tra, giám sát sau phê duyệt; (7) Thủ trưởng cơ quan thẩm định.



**PHỤ LỤC SỐ 10**  
**MẪU XÁC NHẬN VÀO MẶT SAU PHỤ BÌA CỦA**  
**PHƯƠNG ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ... xác nhận: phương án cải tạo, phục hồi môi trường “... (2) ...”  
được phê duyệt tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

**Thủ trưởng cơ quan phê duyệt**

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

**46. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)**

**1) Trình tự thực hiện**

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (gọi là chủ dự án) nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực thẩm định).

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho chủ dự án biết và hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định.

*Bước 3: Thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung*

- Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn không quá 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày thành lập hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực thẩm định phương án tiến hành các hoạt động: kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng tại địa điểm thực hiện phương án bổ sung và khu vực kế cận; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phân biện các nội dung của phương án bổ sung.

- Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc trường hợp đã kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng tại địa điểm thực hiện phương án, phương án bổ sung và khu vực kế cận; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phân biện các nội dung của phương án bổ sung cơ quan thường trực thẩm định tổ chức họp hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp hội đồng thẩm định, cơ quan thường trực thẩm định phương án bổ sung thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho chủ dự án.

- Sau khi nhận thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án có trách nhiệm:

+ Chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung phương án bổ sung trong trường hợp thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; nộp 02 (hai) phương án bổ sung có đóng dấu giáp lai kèm theo văn bản giải trình cụ thể và gửi đến cơ quan thường trực thẩm định.

+ Lập lại phương án bổ sung và gửi đến cơ quan thường trực thẩm định trong trường hợp hội đồng thẩm định không thông qua; trình tự thẩm định được thực hiện như đối với trường hợp nộp hồ sơ lần đầu.

+ Nộp 02 (hai) phương án bổ sung có đóng dấu giáp lai và gửi đến cơ quan thường trực thẩm định trường hợp được thông qua không phải chỉnh sửa, bổ sung.

- Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định phê duyệt, trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4: Trả kết quả: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi quyết định phê duyệt kèm theo phương án bổ sung đã được phê duyệt cho chủ dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường nơi thực hiện phương án bổ sung; gửi quyết định phê duyệt đến quỹ bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

## **2) Cách thức thực hiện**

Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

## **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung;
- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án bổ sung;
- 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận (nếu có);
- 01 (một) bản sao phương án kèm theo quyết định đã phê duyệt.

## **4) Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:

+ Thời hạn thẩm định phương án bổ sung tối đa là 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ;

+ Thời hạn phê duyệt phương án bổ sung: Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc (thời gian chỉnh sửa hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt);

5) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

## **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan được uỷ quyền: không quy định;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

7) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9C và phương án được xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

8) **Phí, lệ phí:** Chưa quy định.

9) **Tên mẫu đơn, tờ khai**

- *Phụ lục số 1A*: Văn bản đề nghị thẩm định phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 4*: Cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 9C*: Mẫu quyết định phê duyệt phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 10*: Mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bì của phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

k) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

#### **10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền một số nội dung trong thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**PHỤ LỤC SỐ 1A**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN,  
PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung "... (2)..."

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., chủ dự án của ... (2) ... thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản... Điều... Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi quý ... (3) ... hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung gồm:

- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- ...

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị ... (3) ... xem xét, thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung..(2)... của chúng tôi./.

**... (4) ...**

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Tên tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của dự án khai thác khoáng sản; (3) Cơ quan thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân.

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO,**  
**PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Tên phương án**

Nêu đúng như tên trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cấp quyết định phê duyệt trước đó. Trường hợp đã được đổi tên khác thì nêu cả tên cũ, tên mới và thuyết minh rõ về quá trình, tính pháp lý của việc đổi tên này.

**2. Tổ chức, cá nhân**

- Nêu đầy đủ: tên, địa chỉ và phương tiện liên hệ với tổ chức, cá nhân; họ tên và chức danh của người đứng đầu tổ chức, cá nhân tại thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

- Tên và địa chỉ đơn vị tư vấn, những người trực tiếp tham gia thực hiện xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

**3. Căn cứ và mục tiêu đặt ra đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.**

**4. Vị trí địa lý của phương án**

Mô tả vị trí địa lý, địa điểm thực hiện phương án theo quy định như đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực phương án chịu ảnh hưởng trực tiếp của phương án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

**5. Hiện trạng môi trường tự nhiên và các yếu tố kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện phương án (cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung).**

**Chương 2. CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

**1. Những thay đổi về nội dung của phương án**

Mô tả chi tiết, rõ ràng lý do và những nội dung thay đổi của phương án cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

**2. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường**

- Mô tả các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã và đang thực hiện (nếu có);

- Mô tả lại các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường được giữ nguyên, không thay đổi trong phương án đã phê duyệt;

- Nêu chi tiết những giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và các thay đổi so với phương án đã được phê duyệt.

**Chương 3. DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

**1. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và trình tự ký quỹ**

- Đối với các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận từng phần, tổ chức, cá nhân trong quá trình tính toán khoản tiền ký quỹ được loại bỏ các hạng mục này nhưng phải giải trình chi tiết;

- Tổ chức, cá nhân tính toán lại khoản tiền ký quỹ cho các hạng mục chưa được xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường và các hạng mục công trình có sự thay đổi về giải pháp thực hiện, khối lượng bổ sung có áp dụng các đơn giá mới tại thời điểm lập phương án bổ sung. Việc tính toán khoản tiền ký quỹ tương tự như tính toán trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Thông tư này;

- Tổng số tiền ký quỹ trong phương án bổ sung bằng tổng số tiền ký quỹ của các hạng mục công trình sau khi trừ đi số tiền tổ chức, cá nhân đã ký quỹ. Số tiền ký quỹ hàng năm trong phương án bổ sung được xác định tương tự như quy định tại Thông tư này.

## **2. Kế hoạch thực hiện**

Phân chia kế hoạch thực hiện theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường, chương trình quản lý, giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án bổ sung.

## **Chương 4. CAM KẾT VÀ KẾT LUẬN**

### **Cam kết và Kết luận**

*Các phụ lục đính kèm tương tự với Phần II của Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.*

**PHỤ LỤC SỐ 9C**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

...(1)...

Số: .../QĐ-...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*(Địa danh), ngày tháng năm*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung ”...(2)...”**

...(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ ...(4)... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức của ...(1)....;

Xét nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung ”...(2)...” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số...ngày...tháng ...năm...của...(5)....;

Theo đề nghị của ...(9)....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung “...(2)...” của ...(5)...(sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) với các nội dung cụ thể sau:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là:

- Số lần ký quỹ:...lần

+ Lần 1, số tiền:...;

+ Lần ..., số tiền:...;

- Đơn vị nhận ký quỹ:

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm..... (năm phê duyệt phương án/phương án bổ sung)

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1.....

2.....



**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

**Điều 4.** Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

**Điều 5.** Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung được phê duyệt, tổ chức, cá nhân phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của ... (1) ...

**Điều 6.** Ủy nhiệm cho ... (6) ... thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này thay thế cho Quyết định số ... (7) ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (8) ... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký /

....(3)....

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;

-

- Lưu ...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Tên cơ quan cấp quyết định phê duyệt; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan cấp quyết định phê duyệt; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... (1) ...; (5) Tên cơ quan tổ chức, cá nhân; (6) Cơ quan được giao trách nhiệm kiểm tra, giám sát sau phê duyệt; (7) Số, ký, mã hiệu của quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó; (8) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan đã ban hành quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó; (9) Thủ trưởng cơ quan thẩm định.

**PHỤ LỤC SỐ 10**  
**MẪU XÁC NHẬN VÀO MẶT SAU PHỤ BÌA CỦA**  
**PHƯƠNG ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ... xác nhận: phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung  
“... (2) ...” được phê duyệt tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...  
của ... (3) ...

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*  
**Thủ trưởng cơ quan phê duyệt**  
*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

**47. Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản**

**1) Trình tự thực hiện**

**Bước 1: Nộp hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức biết và hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định.

**Bước 3: Thẩm định và thông báo kết quả:**

- Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra. Thành phần đoàn kiểm tra gồm: đại diện của cơ quan xác nhận, đại diện cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản, các chuyên gia về môi trường, khoáng sản và lĩnh vực liên quan; đại diện cơ quan quản lý môi trường địa phương, quỹ bảo vệ môi trường nơi tổ chức, cá nhân ký quỹ. Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường mời thêm đơn vị giám sát chất lượng công trình, chất lượng môi trường và một số đơn vị liên quan tham gia đoàn kiểm tra. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thành lập đoàn kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực địa;

Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản về trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích khu vực đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

Trường hợp hạng mục, công trình đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường có chất lượng và khối lượng không phù hợp với phương án, phương án bổ sung đã được phê duyệt thì Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện.

**2) Cách thức thực hiện**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường.

- 07 (bảy) Báo cáo hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung.

**4) Thời hạn giải quyết:** Tổng thời hạn giải quyết tối đa là 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

**6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên;

- Cơ quan thẩm định: Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên;

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Sở, Ban ngành liên quan.

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

**8) Phí, lệ phí:** Chưa quy định.

**9) Tên mẫu đơn**

- *Phụ lục số 14:* Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 15:* Mẫu báo cáo hoàn hành từng phần phương án/phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 18:* Mẫu Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT)..

**10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản

PHỤ LỤC SỐ 14

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN  
PHƯƠNG ÁN/PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

... (1) ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...

V/v đề nghị đề nghị kiểm tra, xác  
nhận hoàn thành từng phần phương  
án/phương án bổ sung “ ... (2) ... ”

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (3) ...

Chúng tôi là: ... (1) ..., Chủ phương án, phương án bổ sung “ ... (2) ... ”

- Địa điểm thực hiện phương án: ...

- Địa chỉ liên hệ: ...

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến ... (3) ... những hồ sơ sau:

- 07 (bảy) bản báo cáo hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung;

- 01 (một) bản sao phương án/phương án bổ sung kèm theo bản sao Quyết định  
phê duyệt phương án/phương án bổ sung “... (2) ... ”;

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản  
nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của  
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị ... (3) ... xem xét, báo cáo cải tạo, phục hồi môi trường bổ  
sung..(2).. của chúng tôi./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

-

- Lưu ...

... (5) ...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng  
dấu)

**Ghi chú:** (1) Cơ quan tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của phương án cải tạo,  
phục hồi môi trường bổ sung; (3) Cơ quan tổ chức việc thẩm định phương án cải tạo,  
phục hồi môi trường bổ sung; (4) Cơ quan đã ra quyết định phê duyệt phương án cải tạo,  
phục hồi môi trường; (5) Thủ trưởng cơ quan tổ chức, cá nhân.

## PHỤ LỤC SỐ 15

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN PHƯƠNG ÁN /PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

### BÁO CÁO

**HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG/ PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**  
“... (2) ...”(Lần thứ...)

#### I. Thông tin chung

1. Địa điểm thực hiện: ...
2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Tổ chức, cá nhân: ...  
Địa chỉ liên hệ: ...Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...
3. Tên cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có):  
Địa chỉ: ...Điện thoại: ...; Fax: .....; E-mail: ...
4. Tổng số tiền ký quỹ:.....  
Số tiền đã ký quỹ:.....tại Quỹ bảo vệ môi trường...  
Số tiền đã rút:...

#### II. Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành

1. Nội dung hoàn thành:
  - Trình bày nội dung tổng thể và chi tiết đã hoàn thành theo từng giai đoạn hoặc toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã phê duyệt và yêu cầu của quyết định phê duyệt;
  - Nêu mục tiêu tổng quát và chất lượng đạt được của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.
2. Các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành
  - Mô tả chi tiết các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành theo phương án đã được phê duyệt;
  - Khối lượng công việc thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành;
  - Khối lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh (không có trong kế hoạch) để thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra;
  - Công tác quản lý và giám sát môi trường để thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra;
  - Lập bảng khối lượng công việc đã hoàn thành, thời gian và kinh phí thực hiện:

STT	Các công trình đã hoàn thành	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1						
2						

### **III. Kết quả giám sát và giám định**

#### **1. Kết quả giám sát**

- Trình bày chuỗi số liệu về hiện trạng môi trường tại khu vực theo báo cáo giám sát môi trường hàng năm mà tổ chức, cá nhân đã cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá kết quả chất lượng môi trường từ bắt đầu triển khai thi công công trình đến khi kết thúc thi công công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **2. Kết quả giám định**

- Kết quả giám định kỹ thuật của đơn vị giám định các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành (nêu rõ chỉ tiêu đạt được, chỉ tiêu chưa đạt được và nguyên nhân).

- Số liệu giám sát, kết quả phân tích, kết quả giám định được sao gửi kèm báo cáo.

### **IV. Đánh giá, đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Đánh giá kết quả đạt được:**

#### **2. Đề xuất, kiến nghị:**

- Đề xuất thay đổi kinh phí ký quỹ do thay đổi hệ số trượt giá, định mức, đơn giá của địa phương, ngành.

- Kiến nghị: cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ của các nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

### **V. Phụ lục**

- Các đơn giá, định mức sử dụng.

- Giấy xác nhận đã nộp tiền ký quỹ.

- Bản đồ không gian trước và sau quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Kết quả giám sát môi trường.

- Kết quả giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; giám định môi trường.

**PHỤ LỤC SỐ 18**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG/PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:..../GXN...

*(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...*

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Về việc hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (...2...)**

**(Lần thứ..)**

... (1) ...

**XÁC NHẬN**

**Điều 1.** ... (3) ... đã hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và yêu cầu của Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (4) ... về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung “... (2) ...” như sau:

- *(Liệt kê các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được hoàn thành)*
- *(Tương ứng số tiền ký quỹ được rút)*

**Điều 2.** Tổ chức, cá nhân (hoặc cơ quan tiếp quản các công trình) có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường nêu trong phương án và các yêu cầu của quyết định phê duyệt trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Giấy xác nhận này là cơ sở để tổ chức, cá nhân làm các thủ tục tiếp theo để được hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Giấy xác nhận có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;

-

- Lưu ...

... (5) ...

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Tên cơ quan tổ chức, cá nhân; (4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan đã cấp quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (5) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xác nhận.



**48. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt).**

**1) Trình tự thực hiện**

**Bước 1: Nộp hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (gọi là chủ dự án) nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực thẩm định).

**Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho chủ dự án biết và hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định.

**Bước 3: Thẩm định, phê duyệt phương án**

- Thành lập Hội đồng thẩm định: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định.

- Tổ chức các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổ chức họp hội đồng thẩm định.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thường trực thẩm định, gồm:

+ Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung.

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng.

+ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định.

- Cơ quan thường trực thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường do chủ dự án gửi đến. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

#### **Bước 4: Trả kết quả:**

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi quyết định phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án, quỹ bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

#### **2) Cách thức thực hiện:**

Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

#### **3) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và 07 (bảy) bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- 01 (một) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác.

#### **4) Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Không quá năm mươi (50) ngày làm việc, cụ thể:

+ Thời gian thẩm định ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (trong thời hạn quy định cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định. Thời gian chủ dự án chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định)

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thường trực thẩm định trình hồ sơ đề nghị phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

5) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

#### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh

7) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9B và mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bì của phương án theo

mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

#### **8) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Thực hiện thu theo quy định tại mục 11, Phụ lục I, Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Chưa thu phí thẩm định (hiện tại chưa có văn bản quy định mức thu phí thẩm định)

#### **9) Tên mẫu đơn**

- *Phụ lục số 1B* Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 2*: Cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục 2.2*: Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục 2.3*: Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục số 9B*: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 10*: Mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bìa của phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

#### **10) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường với điều kiện có trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ tư vấn đánh giá tác động môi trường đúng chuyên ngành.

- Có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ đại học trở lên.

- Có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm chuẩn được xác nhận đủ điều kiện thực hiện đo đạc, lấy mẫu, xử lý, phân tích mẫu về môi trường phục vụ việc đánh giá tác động môi trường của dự án; trường hợp không có phòng thí nghiệm các thiết bị kiểm chuẩn đáp ứng yêu cầu, phải có hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực.

#### **11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền một số nội dung trong thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**PHỤ LỤC SỐ 1B**  
**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

V/v thẩm định báo cáo  
ĐTM và phương án cải tạo,  
phục hồi môi trường của Dự án  
(2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án/phương án bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản...Điều... Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.
- Bảy (07) phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- 
- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của Chủ dự án.

## PHỤ LỤC SỐ 2

# CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

## PHẦN I: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành, xuất xứ, sự cần thiết lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

### Chương I. KHÁI QUÁT CHUNG

#### I. Thông tin chung

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . .
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư).
- Hình thức đầu tư và quản lý phương án. Hình thức đầu tư, nguồn vốn và lựa chọn hình thức quản lý phương án. Trường hợp thuê tư vấn quản lý phương án phải nêu rõ thông tin, địa chỉ, tính pháp lý của tổ chức tư vấn quản lý phương án.

#### II. Cơ sở để lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có), quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/phương án đầu tư, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khu vực triển khai phương án, quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan; quy định về công tác dự toán, đơn giá, định mức, quy chuẩn kỹ thuật khai thác khoáng sản, quy chuẩn môi trường áp dụng xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Tài liệu cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được phê duyệt và thiết kế cơ sở được thẩm định hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận; tài liệu quan trắc môi trường.

Nêu rõ tên tổ chức tư vấn lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, tên người chủ trì và danh sách những người trực tiếp tham gia.

#### III. Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

##### 1. Công tác khai thác khoáng sản

- Nêu tóm tắt đặc điểm địa hình, địa mạo của khu vực khai thác khoáng sản; điều kiện địa chất, địa chất công trình, đặc điểm thành phần thạch học, thành phần khoáng vật khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản.

- Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.

- Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.

- Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt phương án mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

- Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

- Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

- Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án; các giải pháp kiến trúc-xây dựng, thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

## **2. Hiện trạng môi trường**

- Tóm tắt điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông, hệ thống sông suối, đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

- Nêu hiện trạng môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Kết quả phân tích môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

## **Chương II. CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

### **I. Lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng.

- Việc cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,...).

- Tính toán "chi số phục hồi đất" cho các giải pháp lựa chọn (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình) được xác định theo biểu thức sau:

$$I_p = (G_m - G_p)/G_c$$

Trong đó:

+  $G_m$ : giá trị đất đai sau khi phục hồi, dự báo theo giá cả thị trường tại thời điểm tính toán;

+  $G_p$ : tổng chi phí phục hồi đất để đạt được mục đích sử dụng;

+  $G_c$ : giá trị nguyên thủy của đất đai trước khi mở mỏ ở thời điểm tính toán (theo đơn giá của Nhà nước);



Trên cơ sở đánh giá và so sánh chỉ số phục hồi đất và ưu điểm, nhược điểm của các giải pháp (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình), lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

## II. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 của Thông tư này.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác mỏ hoặc thiết kế cơ sở khai thác mỏ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

## III. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân có thể kết hợp sử dụng kết quả giám sát môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
I.1	Đối với khai thác lộ thiên						

1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	....						
I.2	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo đường lò, cửa lò khu A						
2	Hệ thống thoát nước khu A						
....	....						
II	Khu vực bãi thải						
1	San gạt khu A						
2	Trồng cây khu A.						
...	...						
III	Khu vực SCN và phụ trợ						
1	Tháo dỡ khu A						
2	Trồng cây khu A						
...	...						
IV	Công tác khác						
...	.....						

### **Chương III. DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

#### **I. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường**

- Căn cứ tính dự toán: định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các Bộ, ngành tương ứng trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

- Nội dung của dự toán: theo điều kiện thực tế của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; theo khối lượng và nội dung công việc cải tạo, phục hồi nêu trên và theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Lập bảng tổng hợp chi phí gồm các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **II. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ**

Các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo theo hướng dẫn quy định của Thông tư này.

**II. Đơn vị nhận ký quỹ:** Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

## Chương IV. CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

### I. Cam kết của tổ chức, cá nhân

Các cam kết của tổ chức, cá nhân về thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tuân thủ các quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của phương án. Cụ thể:

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ;
- Các cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường... theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện;
- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp gây ra sự cố môi trường;
- Cam kết thực hiện chế độ nộp báo cáo, chế độ kiểm tra theo đúng quy định;
- Cam kết lập báo cáo về kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và kết quả chương trình giám sát môi trường gửi cơ quan có phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

### II. Kết luận

Nêu kết luận và đánh giá hiệu quả của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tính hợp lý của số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

## PHẦN II: CÁC PHỤ LỤC

### I. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
2	Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).
6	Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật
7	Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
8	Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm

9	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
10	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
11	Sơ đồ vị trí các công trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường

## 2. Phụ lục các Hồ sơ, tài liệu liên quan

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường đơn giản/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác và Thông báo thẩm định thiết kế cơ sở hoặc tài liệu tương đương (nếu có);

- Đơn giá sử dụng tính dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường; đơn giá, định mức của các bộ, ngành và địa phương liên quan; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có).

**PHỤ LỤC 2.2**  
**MẪU TRANG BÌA, TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)  
(1)

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
của dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN (\*)  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(\*\*), tháng ... năm ...

*Ghi chú:*

*(1) Tên cơ quan chủ dự án;*

*(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;*

*(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì;*

*(\*\*) Ghi địa danh tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.*

**PHỤ LỤC 2.3**  
**CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**MỤC LỤC**  
**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**  
**DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**MỞ ĐẦU**

**1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

*Lưu ý:*

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mọi quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

## 2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.*

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

## 3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.

- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.*

## 4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).
- Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.

### Chương 1

## MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

### 1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

### 1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

### 1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới...).

- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử...).

- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

*Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.*

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

*Lưu ý:*

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **1.5. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)**

### **1.5.1. Mô tả mục tiêu của dự án**

### **1.5.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án**

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

### **1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.**

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

### **1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, di sản di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

### **1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến**



Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

**1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án**

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

**1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án**

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

**1.4.8. Vốn đầu tư**

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

**1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

**Yêu cầu:**

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3	4	5
Chuẩn bị				
Xây dựng				
Vận hành				
Giai đoạn khác (nếu có)				

--	--	--	--	--

- Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

## **Chương 2**

### **ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên**

##### **2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất**

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

##### **2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng**

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v... đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

##### **2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn**

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

##### **2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí**

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

*Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.*

### 2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án.

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

*Yêu cầu đối với mục 2.1:*

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát.

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

## 2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

### 2.2.1. Điều kiện về kinh tế

Nêu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

### 2.2.2. Điều kiện về xã hội

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với mục 2.2:*

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

## Chương 3

### ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

**Nguyên tắc chung:** Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi

tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).

### **3.1. Đánh giá, dự báo tác động**

#### **3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm).

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

#### **3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

#### **3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn)

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

#### **3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:*

- Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thái lượng, tài lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung,

xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);

- Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.

### **3.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

- Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));

- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

### **3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v...) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.

## **Chương 4**

### **BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN**

#### **4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án**

**4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị**

**4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

**4.1.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành**

**4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)**

**4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án**

**4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị**

**4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

**4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành**

**4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)**

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

**4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

*Yêu cầu:*

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành.

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

## **Chương 5**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

#### **5.1. Chương trình quản lý môi trường**

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các

Chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

### 5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

+ Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

*Yêu cầu:*

- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;

- Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);

- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;

- Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

## Chương 6

### THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

#### 6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

##### 6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

##### 6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

#### 6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng



6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án  
Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án  
Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

## KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

### 1. Kết luận

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

### 2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

### 3. Cam kết

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

## CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

*Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

### PHỤ LỤC

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);
- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;
- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;
- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);
- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

**PHỤ LỤC SỐ 9B**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án (2)**

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ (4);

Căn cứ (5) (nếu có);

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2) họp ngày... tháng... năm... tại...;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án (2) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (6);

Xét đề nghị của (7),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2) được lập bởi (6) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. ...

1.2. ...

...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. ...

2.2. ...

...

3. Các điều kiện kèm theo (nếu có):

3.1. ...

3.2. ...

...

**Điều 2.** Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án (2) của Chủ dự án với các nội dung cụ thể sau:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là:

- Số lần ký quỹ: ... lần

+ Lần 1, số tiền: ...;

+ Lần ..., số tiền: ...;

- Đơn vị nhận ký quỹ:

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm..... (năm phê duyệt phương án)

**Điều 3.** Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các điều kiện nêu tại các Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường (chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc cột 4 Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP).

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của (1).

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 5.** phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để

các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

**Điều 6.** Ủy nhiệm (8) thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo; phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;

-

- Lưu ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho (1) thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); (6) Chủ dự án; (7) Thủ trưởng cơ quan thường trực thẩm định ĐTM và phương án; (8) Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

**PHỤ LỤC SỐ 10**  
**MẪU XÁC NHẬN VÀO MẶT SAU PHỤ BÌA CỦA**  
**PHƯƠNG ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ... **xác nhận: phương án cải tạo, phục hồi môi trường “...(2) ...”**  
**được phê duyệt tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...**

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

**Thủ trưởng cơ quan phê duyệt**

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường

**49. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt).**

**a) Trình tự thực hiện**

**Bước 1: Nộp hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (gọi là chủ dự án) nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đến Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực thẩm định).

**Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho chủ dự án biết và hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định.

**Bước 3: Thẩm định, phê duyệt phương án**

- Thành lập Hội đồng thẩm định: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định thành lập hội đồng thẩm định.

- Tổ chức các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổ chức họp hội đồng thẩm định.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thường trực thẩm định, gồm:

+ Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyền gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng.

+ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung sau chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định.

- Cơ quan thường trực thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do chủ dự án gửi đến. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê

duyet Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

**Bước 4: Trả kết quả:**

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi quyết định phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án, quỹ bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; gửi quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**b) Cách thức thực hiện:**

Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và 07 (bảy) bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- 01 (một) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác;

- 01 (một) bản sao phương án kèm theo quyết định đã phê duyệt.

**d) Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt: Không quá năm mươi (50) ngày làm việc, cụ thể:

+ Thời gian thẩm định ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (trong thời hạn quy định cơ quan thường trực thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định. Thời gian chủ dự án chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định)

+ Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thường trực thẩm định trình hồ sơ đề nghị phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt, trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân tỉnh.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung theo



mẫu quy định tại Phụ lục số 9B và mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bìa của phương án bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Thực hiện thu theo quy định tại mục 11, Phụ lục I, Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung: Chưa thu phí thẩm định (hiện tại chưa có văn bản quy định mức thu phí thẩm định)

**i) Tên mẫu đơn**

- *Phụ lục số 1B* Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 4*: Cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục 2.2*: Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục 2.3*: Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

- *Phụ lục số 9B*: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

- *Phụ lục số 10*: Mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bìa của phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ủy quyền một số nội dung trong thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**PHỤ LỤC SỐ 1B**  
**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

V/v thẩm định báo cáo  
ĐTM và phương án cải tạo,  
phục hồi môi trường bổ sung  
của Dự án (2)

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án/phương án bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản...Điều... Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án: ...;

- Địa chỉ liên hệ: ...;

- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Bảy (07) phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

-

- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của Chủ dự án.

## PHỤ LỤC SỐ 04

# CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

## Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG

### 1. Tên phương án

Nêu đúng như tên trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cấp quyết định phê duyệt trước đó. Trường hợp đã được đổi tên khác thì nêu cả tên cũ, tên mới và thuyết minh rõ về quá trình, tính pháp lý của việc đổi tên này.

### 2. Tổ chức, cá nhân

- Nêu đầy đủ: tên, địa chỉ và phương tiện liên hệ với tổ chức, cá nhân; họ tên và chức danh của người đứng đầu tổ chức, cá nhân tại thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

- Tên và địa chỉ đơn vị tư vấn, những người trực tiếp tham gia thực hiện xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

### 3. Căn cứ và mục tiêu đặt ra đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

### 4. Vị trí địa lý của phương án

Mô tả vị trí địa lý, địa điểm thực hiện phương án theo quy định như đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực phương án chịu ảnh hưởng trực tiếp của phương án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

### 5. Hiện trạng môi trường tự nhiên và các yếu tố kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện phương án (cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung).

## Chương 2. CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

### 1. Những thay đổi về nội dung của phương án

Mô tả chi tiết, rõ ràng lý do và những nội dung thay đổi của phương án cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

### 2. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Mô tả các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã và đang thực hiện (nếu có);

- Mô tả lại các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường được giữ nguyên, không thay đổi trong phương án đã phê duyệt;

- Nêu chi tiết những giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và các thay đổi so với phương án đã được phê duyệt.

## Chương 3. DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

### 1. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và trình tự ký quỹ

- Đối với các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận từng phần, tổ chức, cá nhân trong quá trình tính toán khoản tiền ký quỹ được loại bỏ các hạng mục này nhưng phải giải trình chi tiết;

- Tổ chức, cá nhân tính toán lại khoản tiền ký quỹ cho các hạng mục chưa được xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường và các hạng mục công trình có sự thay đổi về giải pháp thực hiện, khối lượng bổ sung có áp dụng các đơn giá mới tại thời điểm lập phương án bổ sung. Việc tính toán khoản tiền ký quỹ tương tự như tính toán trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Thông tư này;

- Tổng số tiền ký quỹ trong phương án bổ sung bằng tổng số tiền ký quỹ của các hạng mục công trình sau khi trừ đi số tiền tổ chức, cá nhân đã ký quỹ. Số tiền ký quỹ hàng năm trong phương án bổ sung được xác định tương tự như quy định tại Thông tư này.

## **2. Kế hoạch thực hiện**

Phân chia kế hoạch thực hiện theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường, chương trình quản lý, giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án bổ sung.

## **Chương 4. CAM KẾT VÀ KẾT LUẬN**

### **Cam kết và Kết luận**

*Các phụ lục đính kèm tương tự với Phần II của Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.*

**PHỤ LỤC 2.2**  
**MẪU TRANG BÌA, TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)  
(1)

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
của dự án (2)

**CHỦ DỰ ÁN (\*)**  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (\*)**  
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh (\*\*), tháng ... năm ...

*Ghi chú:*

*(1) Tên cơ quan chủ dự án;*

*(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;*

*(\*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bì;*

*(\*\*) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.*

**PHỤ LỤC 2.3**  
**CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**MỤC LỤC**  
**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**  
**DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ**

**MỞ ĐẦU**

**1. Xuất xứ của dự án**

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

*Lưu ý:*

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.



## 2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.*

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

## 3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.

- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

*Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.*

## 4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).
- Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.

### Chương 1

## MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

### 1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

### 1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

### 1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới...).

- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử...).

- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

*Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.*

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

*Lưu ý:*

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **1.6. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)**

### **1.6.1. Mô tả mục tiêu của dự án**

### **1.6.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án**

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

### **1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.**

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

### **1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành**

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

### **1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến**

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

### **1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án**

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

**1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án**

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

**1.4.8. Vốn đầu tư**

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

**1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

**Yêu cầu:**

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Tiến độ thực hiện	Công nghệ/cách thức thực hiện	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
1	2	3	4	5
Chuẩn bị				
Xây dựng				
Vận hành				
Giai đoạn khác (nếu có)				

- Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

## **Chương 2**

### **ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên**

##### **2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất**

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

##### **2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng**

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v... đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

##### **2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn**

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

##### **2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí**

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

*Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.*

##### **2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật**

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của

dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án.

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

*Yêu cầu đối với mục 2.1:*

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát.

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

## **2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

### **2.2.1. Điều kiện về kinh tế**

Nêu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

### **2.2.2. Điều kiện về xã hội**

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với mục 2.2:*

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

## **Chương 3**

### **ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

**Nguyên tắc chung:** Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đồng bằng các phương

*pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).*

### **3.1. Đánh giá, dự báo tác động**

#### **3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm).

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

#### **3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

#### **3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn)

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

#### **3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).**

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

*Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:*

- Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thái lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn;

xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);

- Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.

### **3.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

- Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));

- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

### **3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo**

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

*Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v...) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.*

## **Chương 4**

### **BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN**

#### **4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án**

**4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị**

**4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

**4.1.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành**

**4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)**

#### **4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án**

**4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị**

**4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

**4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành**

**4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)**

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

### **4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

*Yêu cầu:*

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành.

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

## **Chương 5**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG**

#### **5.1. Chương trình quản lý môi trường**

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của	Các hoạt động	Các tác động môi	Các công trình, biện pháp bảo	Kinh phí thực hiện các công trình,	Thời gian thực	Trách nhiệm tổ chức	Trách nhiệm giám
-------------------	---------------	------------------	-------------------------------	------------------------------------	----------------	---------------------	------------------



dự án	của dự án	trường	vệ môi trường	biện pháp bảo vệ môi trường	hiện và hoàn thành	thực hiện	sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

## 5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- + Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

- + Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

*Yêu cầu:*

- *Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;*

- *Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);*

- *Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;*

- *Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;*

## **Chương 6**

### **THAM VẤN CỘNG ĐỒNG**

#### **6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng**

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

*6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

*6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

#### **6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng**

*6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

*6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án*

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

**6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn**

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

*Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.*

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

### **3. Cam kết**

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

## **CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO**

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

*Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

## **PHỤ LỤC**

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);

- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;

- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;

- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);

- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

*Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.*

**PHỤ LỤC SỐ 9B**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

*(Địa danh), ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2)**

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ (4);

Căn cứ (5) (nếu có);

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2) họp ngày... tháng... năm... tại...;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số... ngày... tháng... năm... của (6);

Xét đề nghị của (7),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2) được lập bởi (6) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. ...

1.2. ...

...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. ...

2.2. ...

...

3. Các điều kiện kèm theo (nếu có):

3.1. ...

3.2. ...

...

**Điều 2.** Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án (2) của Chủ dự án với các nội dung cụ thể sau:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là:

- Số lần ký quỹ: ... lần

+ Lần 1, số tiền: ...;

+ Lần ..., số tiền: ...;

- Đơn vị nhận ký quỹ:

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm..... (*năm phê duyệt phương án*)

**Điều 3.** Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các điều kiện nêu tại các Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường (*chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc cột 4 Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP*).

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của (1).

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 5.** phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

**Điều 6.** Ủy nhiệm (8) thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;

-

- Lưu ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho (1) thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); (6) Chủ dự án; (7) Thủ trưởng cơ quan thường trực thẩm định ĐTM và phương án; (8) Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

**PHỤ LỤC SỐ 10**  
**MẪU XÁC NHẬN VÀO MẶT SAU PHỤ BÌA CỦA**  
**PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG ĐÃ PHÊ DUYỆT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

... (1) ... xác nhận: phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung "...(2) ...” được phê duyệt tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... (3) ...

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

**Thủ trưởng cơ quan phê duyệt**

*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*

**Ghi chú:** (1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường



## **50. Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại**

### **1) Trình tự thực hiện**

*Bước 1. Nộp hồ sơ:* Chủ nguồn thải CTNH nộp hồ sơ (bao gồm đơn đăng ký và các giấy tờ kèm theo quy định tại Phụ lục 6.A) trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh CTNH.

*Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ chưa hợp lệ thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan thẩm định) gửi văn bản thông báo cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoàn thiện hồ sơ

*Bước 3.* Chủ nguồn thải nhận văn bản tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc giấy xác nhận của đơn vị có chức năng chuyển phát bưu phẩm (trường hợp gửi qua bưu điện). Văn bản tiếp nhận hoặc giấy xác nhận nêu trên có giá trị pháp lý tạm thời để thay thế Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trong thời gian thực hiện thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

*Bước 4. Xem xét và cấp Sổ:* Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo mẫu tại Phụ lục 6.B.

- Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở và có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chủ nguồn thải CTNH sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

\* Lưu ý: Trường hợp các cá nhân, tổ chức không phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT) phải thực hiện theo trình tự sau:

*Bước 1.* Chủ nguồn thải CTNH lập báo cáo quản lý CTNH lần đầu (mẫu quy định tại Phụ lục 4.A) và nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

*Bước 2.* Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản tiếp nhận ngay khi nhận được báo cáo quản lý CTNH. Văn bản tiếp nhận này hoặc giấy xác nhận của đơn vị có chức năng chuyển phát bưu phẩm kèm theo một bản sao báo cáo quản lý CTNH lần đầu có giá trị tương đương Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

### **2) Cách thức thực hiện**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

### **3) Thành phần hồ sơ**

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (mẫu quy định tại Phụ lục 6.A);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương.

**\* Đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bao gồm các giấy tờ sau:**

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;

- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;

- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM (trừ trường hợp tích hợp vào thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải);

- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường - Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký).

### **4) Thời hạn giải quyết**

Thời hạn xem xét cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:

- Không quá mười lăm (15) ngày làm việc; Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các đối tượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng trên 600 (sáu trăm) kg/năm, hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi tắt là Công ước Stockholm).

- Không quá 30 ngày làm việc; Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các đối tượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng trên 600 (sáu trăm) kg/năm hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi tắt là Công ước Stockholm) trong đó có đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở

phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

\*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng trên 600 (sáu trăm) kg/năm hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi tắt là Công ước Stockholm)

**6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH hoặc Văn bản từ chối cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

**8) Phí, lệ phí:** Không quy định

**9) Tên mẫu đơn**

- Mẫu đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (Phụ lục 6.A);
- Mẫu báo cáo quản lý CTNH định kỳ của chủ nguồn thải CTNH dành cho đối tượng không phải thực hiện thủ tục đăng ký cấp Sổ (Phụ lục 4.A).

**10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.

**Mẫu Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH**

.....(1).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI  
(cấp mới)**

Kính gửi: .....(2).....

**1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:**

1.1. Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Loại hình (ngành nghề) hoạt động#:

Điện thoại Fax: E-mail:

**2. Dữ liệu về sản xuất:**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị (dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

### 3. Dữ liệu về chất thải:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

#### 3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

#### 3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khối lượng				

#### 4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trung ương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

.....(3).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

#### **Ghi chú:**

(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;

(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;

\* Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hoá chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thủy tinh...); sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.

**Mẫu báo cáo quản lý CTNH định kỳ của chủ nguồn thải CTNH**

(TÊN CHỦ NGUỒN THẢI)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI NĂM ...**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...

**1. Phần khai chung:**

1.1. Tên chủ nguồn thải:

Địa chỉ văn phòng:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Mã số QLCTNH (nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên cơ sở (nếu có):

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: Fax: E-mail:

**2. Tình hình chung về phát sinh, quản lý CTNH và chất thải thông thường tại cơ sở trong kỳ báo cáo vừa qua:**

**3. Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):**

**4. Các vấn đề khác:**

**Người có thẩm quyền ký**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Phụ lục 1: Thống kê chất thải phát sinh**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

**a. Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):**

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý <sup>(1)</sup>	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
				(tên và mã số QLCTNH)	Ví dụ: Tự tái sử dụng; xuất khẩu; đồng xử lý;...
Tổng số					

lượng					
-------	--	--	--	--	--

<sup>(1)</sup> Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kín); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

a<sup>1</sup>) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Mã Basel	Số lượng (kg)	Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới (tên, địa chỉ)	Đơn vị xử lý ở nước ngoài (tên, địa chỉ)
Tổng số lượng					

a<sup>2</sup>) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Tổng số lượng			

**b. Thống kê chất thải rắn thông thường:**

Tên chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý hoặc tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý	Đơn vị xử lý (tên, địa chỉ)
Tổng số lượng			

**Phụ lục 2: Tất cả các liên Chứng từ CTNH và bản sao Hợp đồng chuyển giao CTNH với (các) chủ xử lý CTNH đã sử dụng trong kỳ báo cáo vừa qua (để gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi)**

(Lưu ý sắp xếp thành từng bộ, bao gồm bản sao hợp đồng kèm theo các liên Chứng từ tương ứng sắp xếp lần lượt theo số chứng từ).

## **51. Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại**

### **1) Trình tự thực hiện**

Bước 1. Nộp hồ sơ: Chủ nguồn thải CTNH nộp hồ sơ (bao gồm đơn đăng ký và các giấy tờ kèm theo liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung quy định tại Phụ lục 6.A) trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có cơ sở phát sinh CTNH.

Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ chưa hợp lệ thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là cơ quan thẩm định) gửi văn bản thông báo cho chủ nguồn thải chất thải nguy hại hoàn thiện hồ sơ

Bước 3. Chủ nguồn thải nhận văn bản tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc giấy xác nhận của đơn vị có chức năng chuyên phát bưu phẩm (trường hợp gửi qua bưu điện).

Bước 4. Xem xét và cấp lại Sổ: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo mẫu tại Phụ lục 6.B.

+ Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở và có trách nhiệm cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

+ Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chủ nguồn thải CTNH sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **2) Cách thức thực hiện**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

### **3) Thành phần hồ sơ**

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (mẫu cấp lại quy định tại Phụ lục 6.A);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương.

**\* Đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH bao gồm các giấy tờ sau:**

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;

- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;



- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM (trừ trường hợp tích hợp vào thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải);

- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường - Bản giải trình các điểm sửa đổi, bổ sung (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký).

#### **4) Thời hạn giải quyết**

Thời hạn xem xét cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:

- Không quá mười lăm (15) ngày làm việc; Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các đối tượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng trên 600 (sáu trăm) kg/năm, hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi tắt là Công ước Stockholm).

- Không quá 30 ngày làm việc; Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho các đối tượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng trên 600 (sáu trăm) kg/năm hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi tắt là Công ước Stockholm) trong đó có đăng ký tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

\*Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

**5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các chủ nguồn thải CTNH đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH khi có thay đổi về tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh CTNH; thay đổi, bổ sung phương án tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở.

#### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ môi trường

**7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (cấp lại) hoặc Văn bản từ chối cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải.

**8) Phí, lệ phí:** Không quy định

**9) Tên mẫu đơn:** Mẫu đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (Phụ lục 6.A);

**10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.

**Mẫu Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH**

.....(1).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
**(cấp lại)**

Kính gửi: .....(2).....

**1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:**

1.1. Tên:

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:

Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):

Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):

Tên (nếu có):

Địa chỉ:

Loại hình (ngành nghề) hoạt động#:

Điện thoại Fax: E-mail:

**2. Dữ liệu về sản xuất:**

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị (dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

### 3. Dữ liệu về chất thải:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

#### 3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

#### 3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khối lượng				

#### 4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(trung đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

.....(3).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

#### **Ghi chú:**

(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;

(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;

# Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hoá chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thủy tinh...); sản xuất vật liệu xây dựng; xây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.

## **52. Thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

### **1) Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1. Tiếp nhận Hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chủ cơ sở) gửi hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định của pháp luật, nộp hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên (sau đây gọi là cơ quan thẩm định) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thẩm định thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

#### **Bước 2. Thẩm định Hồ sơ**

Thủ trưởng cơ quan thẩm định ban hành Quyết định thành lập đoàn kiểm tra thực tế công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở; cơ quan thẩm định gửi Quyết định thành lập đoàn kiểm tra thực tế cho các thành viên đoàn kiểm tra kèm theo văn bản xin ý kiến nhận xét đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

**Bước 3.** Tổ chức kiểm tra; thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở về kết quả thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

**Bước 4.** Sau khi nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ cơ sở có trách nhiệm gửi đến cơ quan thẩm định:

+ Ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết có đóng dấu giáp lai đối với trường hợp đề án bảo vệ môi trường chi tiết được thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung.

+ Ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết có đóng dấu giáp lai kèm theo một (01) đĩa CD ghi đề án đã chỉnh sửa, văn bản giải trình về việc chỉnh sửa, bổ sung đề án đối với trường hợp đề án bảo vệ môi trường chi tiết được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung (thời hạn chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung và gửi lại cơ quan thẩm định tối đa ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo của cơ quan thẩm định).

+ Lập lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với trường hợp đề án bảo vệ môi trường chi tiết không được thông qua (trình tự thẩm định được thực hiện như đối với trường hợp nộp hồ sơ lần đầu).

**Bước 5.** Cơ quan thẩm định trình đủ hồ sơ hợp lệ tới UBND tỉnh; UBND tỉnh xem xét phê duyệt sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Bước 6.** Bộ phận tiếp nhận và trả một (01) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh cho tổ chức, cá nhân yêu cầu.

### **2) Cách thức thực hiện**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

### **3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Một (01) văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015.

- Bảy (07) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015.

- Một (01) đĩa CD ghi nội dung của đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

### **4) Thời hạn giải quyết:**

Thời gian thẩm định, phê duyệt hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (thời gian chủ cơ sở hoàn thiện hồ sơ đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo yêu cầu của cơ quan thẩm định không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt).

### **5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

- Tổ chức;

- Cá nhân.

### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Sở, Ban ngành liên quan.

### **7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết và Bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được UBND tỉnh phê duyệt.

**8) Lệ phí (nếu có):** Chủ cơ sở nộp phí thẩm định tương đương mức phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.

- Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc đề án bảo vệ môi trường chi tiết thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.

- Văn bản tham vấn ý kiến của chủ cơ sở gửi UBND cấp xã về đề án bảo vệ môi trường chi tiết thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.

**10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

- Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

## PHỤ LỤC 2

### MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v thẩm định và phê duyệt đề án  
bảo vệ môi trường chi tiết  
của...(2)...

Kính gửi: ...(3)...

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., số điện thoại ...., fax ....., email ....

xin gửi đến ...(3)... bảy (07) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị ...(3)... sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...(6)...

- Lưu ...

...(5)...

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở

(2) Tên đầy đủ của cơ sở

(3) Tên cơ quan thẩm quyền thẩm định

(4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện

(5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở

(6) Nơi nhận khác (nếu có)

## PHỤ LỤC 3.

### BÌA, PHỤ BÌA, NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)



(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ PHÊ DUYỆT CƠ SỞ - nếu có)  
(TÊN CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ)

**ĐỀ ÁN**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT**  
của ...(1)...

CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ  
SỞ (2)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (2)  
(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), Tháng... năm...

*Ghi chú:*

(1) Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở (theo văn bản về đầu tư của cơ sở)

(2) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

**MỤC LỤC DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH**  
**MỞ ĐẦU**

**1. Việc hình thành của cơ sở**

- Tóm tắt quá trình hình thành cơ sở: Cơ sở được hình thành từ cơ sở đầu tư nào, ai/cấp nào đã thành lập cơ sở này, số và ngày của văn bản hay quyết định đó; cơ sở có hay không có đăng ký đầu tư, nếu có thì nêu rõ số và ngày của văn bản đăng ký đó; có hay không được cấp giấy chứng nhận đầu tư, nếu có thì nêu rõ số và ngày của giấy chứng nhận đầu tư, các thông tin liên quan khác (sao và đính kèm các văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Cơ sở được hình thành có phù hợp với các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt hay không (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, các quy hoạch liên quan khác), có phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn hay không.

- Trường hợp địa điểm của cơ sở đặt tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (khu kinh tế, khu/cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu/cụm sản xuất/kinh doanh/dịch vụ tập trung khác) thì phải nêu rõ tên của khu/cụm, số và ngày của văn bản chấp thuận của Ban quản lý khu/cụm đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

## **2. Căn cứ để lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

### **2.1. Căn cứ pháp lý**

Liệt kê đầy đủ các văn bản sau đây (số, ngày ban hành, cơ quan ban hành, nội dung trích yếu của văn bản):

- Văn bản là căn cứ lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kể cả các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

- Văn bản của ban quản lý khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung chấp thuận cho cơ sở đầu tư vào khu này (trường hợp địa điểm của cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung).

### **2.2. Các thông tin, tài liệu liên quan**

Liệt kê các tài liệu (tên, tác giả, xuất xứ thời gian, nơi xuất bản hoặc nơi lưu giữ) có những thông tin, số liệu được sử dụng cho việc lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

## **3. Tổ chức lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết của chủ cơ sở; trường hợp có thuê tư vấn thì nêu rõ tên đơn vị tư vấn kèm theo địa chỉ liên hệ, họ và tên người đứng đầu đơn vị tư vấn và phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hộp thư điện tử).

- Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, bao gồm người của cơ sở và của đơn vị tư vấn kèm theo chỉ dẫn về học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo của từng người.

## **CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ**

### **1.1. Tên cơ sở**

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở (thống nhất với tên đã ghi ở trang bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường chi tiết này).

### **1.2. Chủ cơ sở**

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hộp thư điện tử).

### **1.3. Vị trí địa lý của cơ sở**

- Mô tả vị trí địa lý của cơ sở: Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp xã trở lên; trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung

thì phải chỉ rõ tên khu/cụm này trước khi nêu địa danh hành chính, tọa độ các điểm không chế vị trí của cơ sở kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm không chế đó.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi cơ sở (sông, suối, ao, hồ và các vực nước khác; vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu bảo tồn thiên nhiên khác; hệ thống giao thông thủy, bộ đi đến cơ sở; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các điểm dân cư, bệnh viện, trường học, nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng và các đối tượng kinh tế - xã hội khác).

- Mô tả rõ vị trí xả nước thải của cơ sở và mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận theo quy định hiện hành (trường hợp có nước thải).

- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của cơ sở và các đối tượng xung quanh như đã mô tả.

#### **1.4. Nguồn vốn đầu tư của cơ sở**

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở;

- Vốn đầu tư của cơ sở qua các giai đoạn;

- Vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.

#### **1.5. Các hạng mục xây dựng của cơ sở**

1.5.1. Nhóm các hạng mục về kết cấu hạ tầng, như: đường giao thông, bến cảng, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, các kết cấu hạ tầng khác (nếu có);

1.5.2. Nhóm các hạng mục phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, như: văn phòng làm việc, nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, bãi tập kết nguyên liệu và các hạng mục liên quan khác;

1.5.3. Nhóm các hạng mục về bảo vệ môi trường, như: quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nơi lưu giữ, nơi trung chuyển, nơi xử lý, nơi chôn lấp); xử lý nước thải; xử lý khí thải; chống ồn, rung; chống xói lở, xói mòn, sụt, lún, trượt, lở đất; chống úng, ngập nước; các hạng mục về bảo vệ môi trường khác.

*Cần liệt kê tất cả các hạng mục xây dựng kèm theo sơ đồ tổng mặt bằng chỉ dẫn rõ ràng từng hạng mục, trong đó liệt kê các hạng mục đã xây dựng xong; các hạng mục đang và sẽ xây dựng kèm theo mô tả cách thức/công nghệ thi công, kinh phí đầu tư, khối lượng thi công, tiến độ thi công đối với từng hạng mục.*

#### **1.6. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở**

- Quy mô/công suất thiết kế tổng thể, thiết kế cho từng giai đoạn (nếu có) của cơ sở.

- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; thời điểm dự kiến đóng cửa hoạt động của cơ sở (nếu có).

#### **1.7. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở**

Mô tả tóm tắt công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ khối để minh họa, trong đó có chỉ dẫn cụ thể vị trí của các dòng chất thải và/hoặc vị trí có thể gây ra các vấn đề môi trường không do chất thải (nếu có).

#### **1.8. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất/kinh doanh/dịch vụ của cơ sở**

##### **1.8.1. Máy móc, thiết bị**

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành với chỉ dẫn cụ thể về: tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu phần trăm).

### **1.8.2. Nguyên liệu, nhiên liệu**

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

### **1.8.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác**

Nêu cụ thể khối lượng nước, lượng điện và các vật liệu khác cần sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

## **1.9. Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua**

- Nêu tóm tắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở đến thời điểm lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

- Lý do không thực hiện đúng các thủ tục về môi trường và phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

- Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường (nếu có). Trường hợp đã bị xử phạt, phải sao và đính kèm các văn bản xử phạt vào phần phụ lục của bản đề án.

- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

## **CHƯƠNG 2. MÔ TẢ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI, CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ, HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Các nguồn chất thải**

#### **2.1.1. Nước thải**

#### **2.1.2. Chất thải rắn thông thường**

#### **2.1.3. Chất thải nguy hại**

#### **2.1.4. Khí thải**

Yêu cầu đối với các nội dung từ mục 2.1.1 đến mục 2.1.4:

Mô tả rõ từng nguồn phát sinh chất thải kèm theo tính toán cụ thể về: Hàm lượng thải (nồng độ) của từng thông số đặc trưng cho cơ sở và theo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng; tổng lượng/lưu lượng thải (kg,tấn,m<sup>3</sup>) của từng thông số đặc trưng và của toàn bộ nguồn trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm. Trường hợp cơ sở có từ 02 điểm thải khác nhau trở lên ra môi trường thì phải tính tổng lượng/lưu lượng thải cho từng điểm thải.

#### **2.1.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung**

Mô tả rõ và đánh giá từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

### **2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội**

- Mô tả các vấn đề môi trường do cơ sở tạo ra (nếu có), như: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phen; suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học và các vấn đề môi trường khác;

- Mô tả và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường;

- Mô tả các vấn đề kinh tế - xã hội do cơ sở tạo ra (nếu có) liên quan đến hoạt động giải phóng mặt bằng (đền bù/bồi thường tái định cư và các hoạt động khác liên quan đến việc giải phóng mặt bằng);

*Các nội dung trong mục 2.1 và 2.2. phải thể hiện rõ theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:*

- Giai đoạn vận hành/hoạt động hiện tại.
- Giai đoạn vận hành/hoạt động trong tương lai theo kế hoạch đã đặt ra (nếu có).
- Giai đoạn đóng cửa hoạt động (nếu có).

### **2.3. Hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở**

#### **2.3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải và nước mưa**

#### **2.3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

#### **2.3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

#### **2.3.4. Các biện pháp chống ồn, rung**

#### **2.3.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **2.3.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

Trong các nội dung trong các mục từ 2.3.1. đến 2.3.6, cần nêu rõ:

- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu kể cả các hóa chất (nếu có) đã, đang và sẽ sử dụng cho việc vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).
- Quy trình công nghệ, quy trình quản lý vận hành các công trình xử lý chất thải, hiệu quả xử lý và so sánh kết quả với các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.
- Trường hợp thuê xử lý chất thải, phải nêu rõ tên, địa chỉ của đơn vị nhận xử lý thuê, có hợp đồng về việc thuê xử lý (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).
- Đánh giá hiệu quả của các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và kinh tế - xã hội khác và so sánh với các quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, CẢI TẠO, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Chỉ áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thiện công trình, biện pháp xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường)*

### **3.1. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải và nước mưa**

### **3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

### **3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

### **3.4. Các biện pháp chống ồn, rung**

### **3.5. Các công trình, biện pháp và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **3.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

Đối với từng công trình cần mô tả:

- Tiến độ thực hiện (nêu rõ tiến độ thực hiện của từng hạng mục khi bắt đầu, hoàn thành).
- Kinh phí dự kiến.
- Trách nhiệm thực hiện.
- Thông số đo đạc, phân tích khi vận hành công trình (phải đảm bảo đủ các thông số đặc trưng cho chất thải của cơ sở và đã được quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng).
- Các thiết bị quan trắc môi trường cho từng nguồn thải (nếu có).

## CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

### 4.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 2, 3 dưới dạng bảng như sau:

Các hoạt động của cơ sở	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát

### 4.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải với tần suất theo quy định; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.
- Giám sát chất thải rắn: giám sát khối lượng, chủng loại chất thải rắn phát sinh.
- Giám sát các vấn đề môi trường khác (nếu có) như: đa dạng sinh học, hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này.

*Yêu cầu:*

- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà cơ sở phát thải ra môi trường;
- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;
- Kết quả giám sát chất thải phải được đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;
- Việc quan trắc liên tục, tự động nước thải và khí thải của cơ sở được thực hiện theo pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG 5. THAM VẤN Ý KIẾN VỀ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

### 5.1. Văn bản của chủ cơ sở gửi Ủy ban nhân dân cấp xã

Ghi rõ số hiệu và ngày văn bản của chủ cơ sở gửi các Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở để xin ý kiến tham vấn.

### 5.2. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Ghi rõ số hiệu và ngày của văn bản trả lời của từng Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Nêu tóm tắt những ý kiến chính của Ủy ban nhân dân cấp xã, đặc biệt lưu ý đến những ý kiến không tán thành, những đề xuất, những kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không có văn bản trả lời thì phải nêu rõ bằng chứng về việc chủ cơ sở đã gửi văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã (giấy biên nhận trực tiếp của cấp xã hoặc giấy biên nhận của bưu điện nơi gửi hoặc bằng chứng khác).
- Trường hợp phải tổ chức cuộc họp với đại diện cộng đồng dân cư trong xã để trình bày, đối thoại về nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết, cần nêu rõ các ý kiến, kiến nghị của cộng đồng.

### 5.3. Ý kiến phản hồi của chủ cơ sở

- Nhận xét về tính sát thực, khách quan của các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cơ sở.
- Tiếp thu, giải trình của chủ cơ sở đối với các ý kiến không tán thành, các đề xuất, các kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý tiếp theo.

*Các văn bản tham vấn ý kiến, giấy tờ là bằng chứng của chủ cơ sở; văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các văn bản liên quan khác (nếu có) phải được sao và đính kèm ở phần phụ lục của đề án, chỉ dẫn rõ các bản sao này đã được đính kèm ở phụ lục cụ thể nào của đề án.*

## KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

### 1. Kết luận

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội;
- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

### 2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cơ quan liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

### 3. Cam kết

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;
- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt đề án;
- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Các văn bản liên quan

Phụ lục 1.1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến sự hình thành cơ sở

Phụ lục 1.2. Bản sao các văn bản về xử lý vi phạm về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.3. Bản sao các văn bản về tham vấn ý kiến

Phụ lục 1.4. Bản sao các phiếu kết quả phân tích về môi trường, hợp đồng xử lý về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.5. Bản sao các văn bản khác có liên quan (nếu có)

**Phụ lục 2: Các hình, ảnh minh họa** (trừ các hình, ảnh đã thể hiện trong bản đề án)

Từng văn bản, hình, ảnh trong phụ lục phải được xếp theo thứ tự rõ ràng với mã số cụ thể và đều phải được dẫn chiếu ở phần nội dung tương ứng của bản đề án.

#### PHỤ LỤC 4.

MẪU VĂN BẢN THAM VẤN Ý KIẾN CỦA CHỦ CƠ SỞ GỬI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ VỀ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với ...(2)...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã ...(3) ...

Thực hiện quy định pháp luật hiện hành, ...(1)... xin gửi đến quý Ủy ban nội dung tóm tắt của đề án bảo vệ môi trường chi tiết của ...(2)... để nghiên cứu và cho ý kiến.

Kính mong quý Ủy ban sớm có văn bản trả lời và gửi tới ...(1)... theo địa chỉ sau đây:

... (địa chỉ theo đường bưu điện)...

Thông tin liên hệ khác của chúng tôi:

- Số điện thoại: .....
- Hộp thư điện tử: .....
- Số fax (nếu có): .....

Xin trân trọng cảm ơn./.

...(4)...

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...(5) ...
- Lưu.

(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở
- (3) Tên xã hoặc đơn vị hành chính tương đương
- (4) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở
- (5) Nơi nhận khác (nếu có)



# TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

(Kèm theo công văn số ...../..... ngày... tháng ... năm ... của (1))

## 1. MÔ TẢ KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ

- 1.1. Tên cơ sở, chủ cơ sở, nguồn vốn đầu tư của cơ sở.
- 1.2. Vị trí tại thôn, xã, huyện, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.
- 1.3. Loại hình sản xuất; loại hình công nghệ của cơ sở.
- 1.4. Các hạng mục xây dựng của cơ sở.
- 1.5. Quy mô, công suất thiết kế tổng thể, công suất thiết kế cho từng giai đoạn (nếu có) của cơ sở; thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động.
- 1.6. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất/kinh doanh/dịch vụ của cơ sở.
- 1.7. Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở.

## 2. TÓM TẮT CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- 2.1. Tóm tắt về các loại chất thải phát sinh và công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở
  - 2.1.1. Nước thải và nước mưa
  - 2.1.2. Chất thải rắn thông thường
  - 2.1.3. Chất thải nguy hại
  - 2.1.4. Khí thải
  - 2.1.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung
- 2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội
- 2.3. Kế hoạch xây dựng, cải tạo, vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường
- 2.4. Khái quát về chương trình quản lý và giám sát môi trường của cơ sở

## 3. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

### 3.1. Kiến nghị

Kiến nghị với các cơ quan liên quan ở Trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

### 3.2. Cam kết

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;
- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt đề án;
- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở.

### **53. Xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản**

#### **1) Trình tự thực hiện**

**Bước 1.** Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo quy định của pháp luật, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì trả lại hồ sơ; hướng dẫn chủ cơ sở hoàn thiện hồ sơ.

**Bước 2.** Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị đăng ký xác nhận đề án đơn giản, Chi cục Bảo vệ môi trường thẩm định hồ sơ trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận bằng văn bản. Trường hợp chưa xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Bước 3.** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả một (01) Giấy xác nhận đăng ký đề án đơn giản kèm bản đề án đơn giản được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận cho tổ chức, cá nhân yêu cầu.

#### **2) Cách thức thực hiện**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên

#### **3) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Một (01) văn bản đăng ký đề án đơn giản

- Ba (03) bản đề án đơn giản; trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, chủ cơ sở có trách nhiệm gửi bổ sung số lượng bản đề án đơn giản theo yêu cầu. Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc của đề án đơn giản được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 14a ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015.

#### **4) Thời hạn giải quyết:**

Thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị đăng ký xác nhận đề án đơn giản, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015. Trường hợp chưa xác nhận, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **5) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**

- Tổ chức;

- Cá nhân.

#### **6) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan thẩm định: Chi cục Bảo vệ môi trường

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các phòng, Ban liên quan.

#### **7) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy xác nhận đăng ký đề án đơn giản kèm theo bản đề án đơn giản được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

**8) Lệ phí (nếu có):** Không

**9) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

- Văn bản đăng ký đề án đơn giản của chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 13

- Bìa, phụ bìa, cấu trúc và nội dung của đề án bảo vệ môi trường đơn giản thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 14a.

**10) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**11) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

**PHỤ LỤC 13.**

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
ĐƠN GIẢN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

...(1)...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v xác nhận đăng ký đề án bảo vệ  
môi trường đơn giản của ...(2)...

Kính gửi: ...(3)...

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., xin gửi đến ...(3)... ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị quý (3) sớm xem xét và cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...(6)...
- Lưu ...

...(5)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (3) Tên gọi của cơ quan xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường.
- (4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện
- (5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (6) Nơi nhận khác (nếu có).

**Phụ lục 14a.**

**Bìa, phụ bìa, cấu trúc và nội dung của đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với cơ sở đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ PHÊ DUYỆT CƠ SỞ - nếu có)

(TÊN CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ)

**ĐỀ ÁN  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN  
của ... (1) ...**

CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ  
SỞ (2)

(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (2)

(Người đại diện có thẩm quyền  
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), Tháng... năm...

*Ghi chú:*

*(1) Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở (theo văn bản về đầu tư của cơ sở).*

*(2) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.*

## MỤC LỤC DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH

### MỞ ĐẦU

- Cơ sở được thành lập theo quyết định của ai/cấp nào, số và ngày của văn bản hay quyết định thành lập; số và ngày của văn bản đăng ký đầu tư (nếu có); số và ngày của giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); các thông tin liên quan khác (sao và đính kèm các văn bản ở phần phụ lục của đề án).
- Trường hợp địa điểm của cơ sở đặt tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải nêu rõ tên của khu/cụm, số và ngày của văn bản chấp thuận của Ban quản lý khu/cụm đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).
- Nêu rõ tình trạng hiện tại của cơ sở (thuộc loại nào theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư này).

### CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

#### 1.1. Tên của cơ sở

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở (thống nhất với tên đã ghi ở trang bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường này).

#### 1.2. Chủ cơ sở

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hòm thư điện tử).

#### 1.3. Vị trí địa lý của cơ sở

- Mô tả vị trí địa lý của cơ sở: Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải chỉ rõ tên khu/cụm này trước khi nêu địa danh hành chính; tọa độ các điểm khống chế vị trí của cơ sở kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm khống chế đó.
- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị ảnh hưởng bởi cơ sở.
- Chỉ dẫn địa điểm đang và sẽ xả nước thải của cơ sở và chỉ dẫn mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận theo quy định hiện hành (trường hợp có nước thải).
- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của cơ sở và các đối tượng xung quanh như đã mô tả.

#### 1.4. Các hạng mục xây dựng của cơ sở

- Nhóm các hạng mục về kết cấu hạ tầng, như: đường giao thông, bến cảng, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, các kết cấu hạ tầng khác (nếu có);
- Nhóm các hạng mục phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, như: văn phòng làm việc, nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, bãi tập kết nguyên liệu và các hạng mục liên quan khác;
- Nhóm các hạng mục về bảo vệ môi trường, như: quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nơi lưu giữ, nơi trung chuyển, nơi xử lý, nơi chôn lấp); xử lý nước thải; xử lý khí thải; chống ồn, rung; chống xói lở, xói mòn, sụt, lún, trượt, lở đất; chống úng, ngập nước; các hạng mục về bảo vệ môi trường khác.

#### 1.5. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở

- Quy mô/công suất.
- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; dự kiến đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động (đối với cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này).

#### 1.6. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở

Mô tả tóm tắt công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ minh họa, trong đó có chỉ dẫn cụ thể vị trí của các dòng chất thải và/hoặc vị trí có thể gây ra các vấn đề môi trường không do chất thải (nếu có).

### **1.7. Máy móc, thiết bị**

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành; đang và sẽ lắp đặt (đối với cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này) với chỉ dẫn cụ thể về: Tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu).

### **1.8. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu**

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: Tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

Nêu cụ thể khối lượng điện, nước và các vật liệu khác cần sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

### **1.9. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua**

- Nêu tóm tắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động.

- Lý do đã không lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường trước đây.

- Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính và xử phạt khác về môi trường (nếu có).

- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

*Yêu cầu: Trường hợp đã bị xử phạt, phải sao và đính kèm các văn bản xử phạt vào phần phụ lục của bản đề án.*

## **CHƯƠNG 2. MÔ TẢ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI, CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ, CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **2.1. Các nguồn phát sinh chất thải**

#### **2.1.1. Nước thải**

#### **2.1.2. Chất thải rắn thông thường**

#### **2.1.3. Chất thải nguy hại**

#### **2.1.4. Khí thải**

Yêu cầu đối với các nội dung từ mục 2.1.1 đến mục 2.1.4:

Mô tả rõ từng nguồn phát sinh chất thải kèm theo tính toán cụ thể về: Hàm lượng thải (nồng độ) của từng thông số đặc trưng cho cơ sở và theo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng; tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m<sup>3</sup>) của từng thông số đặc trưng và của toàn bộ nguồn trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm. Trường hợp cơ sở có từ 02 điểm thải khác nhau trở lên ra môi trường thì phải tính tổng lượng/lưu lượng thải cho từng điểm thải.

#### **2.1.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung**

Mô tả rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

### **2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội**

- Mô tả các vấn đề môi trường do cơ sở tạo ra (nếu có), như: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phen; suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học và các vấn đề môi trường khác;

*Các nội dung trong mục 2.1 và 2.2. phải thể hiện rõ theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:*

- Giai đoạn vận hành/hoạt động hiện tại.

- Giai đoạn vận hành/hoạt động tương lai theo kế hoạch đã đặt ra (nếu có).

- Giai đoạn đóng cửa hoạt động (nếu có).

### **2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở**

#### **2.3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải và nước mưa**

#### **2.3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại**

#### **2.3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

#### **2.3.4. Các biện pháp chống ồn, rung**

#### **2.3.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

#### **2.3.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác**

Trong các nội dung trong các mục từ 2.3.1. đến 2.3.6, cần nêu rõ:

- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu kể cả các hóa chất (nếu có) đã, đang và sẽ sử dụng cho việc vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

- Quy trình công nghệ, quy trình quản lý vận hành các công trình xử lý chất thải, hiệu quả xử lý và so sánh kết quả với các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

- Trường hợp thuê xử lý chất thải, phải nêu rõ tên, địa chỉ của đơn vị nhận xử lý thuê, có hợp đồng về việc thuê xử lý (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Đánh giá hiệu quả của các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và kinh tế - xã hội khác và so sánh với các quy định hiện hành.

### **2.4. Kế hoạch xây dựng, cải tạo, vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường**

*Áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường*

## **CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

### **3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải**

- Biện pháp giải quyết tương ứng và có thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giải quyết. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của cơ sở phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp giải quyết thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

### **3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác**



Mỗi loại tác động xấu phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giảm thiểu tác động xấu đó. Trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của cơ sở thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

### **3.3. Kế hoạch giám sát môi trường**

- Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm đặc trưng có trong khí thải, nước thải đặc trưng cho cơ sở, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, với tần suất tối thiểu một (01) lần/06 tháng. Không yêu cầu chủ cơ sở giám sát nước thải đối với cơ sở có đầu nối nước thải để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

- Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

*Yêu cầu:*

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó.

- Đối với đối tượng lập lại đề án bảo vệ môi trường, trong nội dung của phần III Phụ lục này, cần nêu rõ các thay đổi về biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Ngoài việc mô tả biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như hướng dẫn tại mục 3.1 và 3.2 Phụ lục này, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường mang tính công trình phải được liệt kê dưới dạng bảng, trong đó nêu rõ chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết và kèm theo tiến độ xây lắp cụ thể cho từng công trình.

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở hiện hữu và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

## **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

### **1. Kết luận**

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội;

- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

### **2. Kiến nghị**

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

### **3. Cam kết**

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt đề án;

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

## **PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1: Các văn bản liên quan**

Phụ lục 1.1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến sự hình thành cơ sở

Phụ lục 1.2. Bản sao các văn bản về xử lý vi phạm về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.3. Bản sao các phiếu kết quả phân tích về môi trường, hợp đồng xử lý về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.4. Bản sao các văn bản khác có liên quan (nếu có)

### **Phụ lục 2: Các hình, ảnh minh họa (trừ các hình, ảnh đã thể hiện trong bản đề án)**

*Từng văn bản, hình, ảnh trong phụ lục phải được xếp theo thứ tự rõ ràng với mã số cụ thể và đều phải được dẫn chiếu ở phần nội dung tương ứng của bản đề án.*

*Đề án bảo vệ môi trường đơn giản được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ cơ sở ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) của đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở ở trang cuối cùng.*